

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian



Mục lục và giới thiệu đôi nét về tác giả

Nhà văn, nhà thơ

Phan Cung Việt

Quê: Hà Tĩnh

Tốt nghiệp Khoa Văn,

Đại học Tổng hợp (1962-1967)

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam

Hội viên Hội Nhà văn Hà Nội

Đã xuất bản:

* Tuyển tập truyện ngắn Phan Cung Việt

* Thơ Phan Cung Việt và những lời bình (cùng 12 tập truyện ngắn và thơ)

Phan Cung Việt: Mẹ tôi... và trần gian

Mục lục

Phần một và trần gian

Truyện ngắn

1. Bão biển

2. Hạng mục cuối cùng
 3. Đại hồng phúc
 4. Gò ma
 5. Binh pháp Tôn Tử
 6. Cõi ắt Đậu
 7. Xe đi Giao Thủy
 8. Tước hiệu đàn ông
 9. Vong mắc vào biển
 10. Hồ phụ
 11. Cát nóng
 12. Nhớ thương tu hú
 13. Tết quê
- Phần hai
- Truyện dài
- Mẹ tôi

Lời đầu sách

... Tôi bỗng nhận ra lối viết truyện của Phan Cung Việt chẳng giống ai, và cũng không giống lối viết truyện ngắn truyền thống đã được lý luận hóa thành bài bản cho những người học văn và học viết văn...

Đến nay Phan Cung Việt đã có tới vài trăm truyện ngắn. Vậy là có biết bao cảnh đời trong bao nhiêu trang sách của nhà văn. Hoặc nó nhấn chìm nhân vật xuống tới... thành cặn bã. Hoặc là nó thăng hoa nhân vật lên cõi thánh thiện. Hoặc bỏ mặc nó trôi nổi kiếp sống qua năm tháng, như sự sống sinh học, hay như bè chuối trôi bồng bềnh trên mặt sông cho tới lúc vỡ bè tan vào dòng nước. Tới đây, cái gọi là con người và cái chưa phải là con người, thậm chí nhiều cái còn xa lạ cả với loài... hiện ra rõ nét ở mỗi nhân vật trong

truyện. Ra con người tự làm khổ nhau, tự đẩy ải lẫn nhau, rồi còn tự sát hại nhau! Vậy là nó bùng nổ trong lòng người đọc bao điều suy ngẫm về con người, về cõi nhân gian. Càng suy ngẫm càng ứa trào nước mắt.

Phan Cung Việt không khắc họa tỉ mỉ chân dung nhân vật, lại càng không kể lể dài dòng về thân phận con người trong truyện. Hết bức ký họa chỉ mấy nét chấm phá. Anh tinh nhạy lách ngòi bút vào nơi thẳm sâu, khuất nẻo nhất của đời sống thường nhật, nhưng người đọc vẫn thấy nó rất cụ thể, cận kề, và cũng rất cá biệt, song lại cô đúc thành đặc trưng, điển hình.

Láng Thượng, 14.6.2001

Nhà văn Vũ Đức Nguyên

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

P1 ... Và trần gian

Bão biển

Có nhà văn nổi tiếng xứ ta viết thiên truyện “Bão biển” kể ra cũng tài rồi nhưng phải nhận là nhiều cái chưa ổn. Bão biển mà cứ tả xuôi như mưa nắng cuộc đời, sức tàn phá của nó, rồi thêm dăm nét sức mạnh của xã hội mới thì sao gọi là bão biển được. Phải nói ở sự kỳ quái của nó, muôn đời nay chưa ai hiểu nổi. Ngay cả ma quái thủy thần cũng chịu bó tay. Bởi nó là biển, là bão biển, chiếm ba phần tư bề mặt địa cầu. Gặp bão biển mà vào trú ở lều, ở nhà thì chỉ là trò đùa cho hay. Các khách sạn cao tầng cũng chưa ổn. Người ta

chỉ còn cách nương vào nhà chùa, nhà thờ là như vậy. Nó thuộc về sự che chở của trời đất.

Biển buổi sáng đang yên lành, mặt biển phẳng lặng gương xanh, những chiếc cọc gỗ mảnh như nét tranh thủy mặc chỉ chón này mới có. Nhất là bãi dâu viền một dải xanh, màu xanh của dâu biển cũng chỉ xứ này mới có. Trẻ con chạy thi cùng những chú còng gió. Bỗng thủy thần nổi lên. Trước hết là những lười cát khổng lồ cứ liếm dần từ mép biển vào. Lười cát cứ cuốn theo chân người chạy như muốn nuốt đi tất cả. Khổ nhất là những người già, mũ áo mỏng manh như ở một xứ đạo Hồi nào, cúi khom người, tay làm dấu Thánh ở ngực, tay ôm khư khư một bọc gì trước bụng. Chỉ các lão ngư mới hiểu những gì sắp xảy ra. Miệng làm rằm kinh Thánh. Họ như bị cơn bão biển bất ngờ bế xốc ném vào đất liền. Ném về phía nhà thờ, nơi họ cầu nguyện muốn đến. Nhà thờ xây rất cổ, theo hình con thuyền đại dương cổ xưa, có cột buồm cao vút, những ô cửa gương tròn chung quanh để ngăn nước ập vào. Họ nép vào góc chuông, hoàn hồn, sau những giây phút như ở ngoài khơi xa. Tiếng “Amen” lẫn tiếng thở dốc, tiếng hỏi han nhau:

- Cô Ghi mang được bọc chi đây?
- Tấm lưới mà!
- Cô Thép mang được cái chi?
- Tui chỉ vợ được thằng cháu đích tôn, thế là chạy!
- Cô Chép mang được cái chi?
- Thi chỉ kịp cầm lấy cuốn sổ, đúng lúc Ngài nổi gió bão lên...

Hỏi ra mới biết khi có những cơn bão thần kỳ lạ, thì các lão ngư thường mang theo những thứ gì là báu vật của đời mình. Như tấm lưới của cô Ghi cũng là tấm lưới thần, cô cất từ thuở trai tráng, dịp dựng nhà thờ này. Còn cô Thép thì khỏi phải nói, bao giờ có nạn, cô cũng bế theo thằng cháu đích tôn giữ nòi giống. Còn cô Chép thì lạ hơn, tên cô là Chép, dân làng gọi thế từ

khi cổ có cuốn sổ ghi lại những tiền bạc của cải mà bọn tham nhũng vơ vét của người dân...

Khi biển đang lên cơn cuồng nộ, tiếng gió thét như chồm cả vào nóc nhà thờ, các lão ngư sau khi đưa tay làm dấu Thánh trước ngực cầu sự bằng an, liền thì thầm với nhau như những bí truyền:

- Tui đã biểu mà. Gió giật từ đêm không đáng sợ. sợ nhất là Ngài nổi lôi đình khi biển sớm rất đẹp, chẳng ai ngờ được. Rồi Ngài day, Ngài giật, Ngài xoa... Vậy là đổ nát hết trơn hết trọi...

Cổ Chép đưa cuốn sổ vào ngực, nói xót xa:

- Đúng bão biển dạo này cũng như lòng dạ người ta, chẳng biết đâu mà lường!...

Các cổ nghe chuyện cổ Chép biết là những chuyện dương gian bần lòng, bèn lơ đi, miệng đọc kinh rì rầm...

Bão phục kích chiếc xe đồ chở anh Ất. Xe chạy không thoát được bão. Cát ném rào rào từng đợt như đạn vãi khắp thành xe. Có quãng như bão bế thốc chiếc xe ném đi. Yên lặng được dăm mét lại bị phục kích. Chiếc xe lại bị nhấc bổng lên. đi xe đồ mà cứ như đi máy bay phản lực lúc lên độ cao gặp bão, đầy những tiếng cầu Chúa. Ất về đến nhà vẫn còn cảm thấy như cơn bão biển đuổi theo mình.

Bố vợ Ất lên chữa bệnh, cụ bị đau cái khớp vai trái vài tháng nay. Gặp ắt ở cửa, như người chạy loạn về, cụ đưa cặp mắt hiền lành của mình nhìn về ngo ngác: “ồ anh, đi công tác về rồi đấy à?”. Ất định nói ngay việc gặp cơn bão biển kỳ lạ nhưng vội kìm lại. Việc trước mắt là hỏi han cái khớp vai của cụ. Vợ Ất từ bếp bước ra:

- Anh Ất năm trước cũng bị đau khớp vai đấy bố ạ. Để anh ấy chữa cho bố! Cụ thành thật:

- Đúng đấy. Các cháu dưới nhà cứ thay nhau xoa cho tôi. Nhưng lên Viện

Đồng y người ta bảo phải day, phải giật cơ...

Ất giật mình trước những từ ấy, từ căn bệnh và cái miệng vốn hiền lành của ông bố vợ đồng quê của anh. Nhưng nghĩ đến cơn bão, cụm từ có ba động từ “day - giật - xoa” mà các cô vùng biển vừa nói về cơn bão, ất ta giấu một nụ cười. Ông bố vợ hiền lành nhưng tinh ý, nhìn thấy anh con rể với nét cười lạ hoặc bèn đổi sắc: “Có chuyện gì không anh?”. ất ta đáp lại bố vợ cũng chân thành: “Không ạ! đó là con nhớ lại trận bão biển vừa gặp”. Cụ ông cảm động trước vẻ ngây thơ của anh con rể, bèn tâm sự:

- Tháng trước, vợ chồng thằng Bảy đón bố ra Quảng Ninh, cũng gặp bão biển. Sợ quá!

Ất chưa kịp nghĩ đến những cơn bão biển khác nhau trong cuộc đời và lòng người vội cảm lấy bả vai của bố vợ. Và anh giải thích:

- Bố chịu khó nhé. ở cái khớp vai này là một bó dây cơ, dây thần kinh. Mà tiêu biểu có ba dây dễ đau nhất, gọi là dây Tam Tiêu. Khi đau thường bị sưng rồi bị dính, phải day cho nó rời nhau ra. Nay con day đây. Bố chịu đau chút nhé!

Gương mặt phúc hậu của lão nông vùng đồng bằng khi đau, có nét mờ đi rất đáng thương. Đây là day. Còn để cái khớp đỡ co, thì phải giật. Ất ta đưa tay giật mạnh, thì cụ run người lạnh toát, không một tiếng kêu. Anh phục nghị lực của ông bố vợ.

Bố vợ anh một đời phúc hậu hiền lành, nay cũng ngoại tám mươi. Bao nhiêu trận bão đã đi qua đời cụ. Nhưng bão mỗi nơi một khác, mỗi thời một khác, trong đất liền khác với biển. Ngay như cụ bố vợ anh và các cô lão ngư ở vùng biển mà anh chạy bão về, một đời thuần hậu làm lụng giống nhau, nhưng gương mặt và tính cách lại rất khác nhau. Bố vợ anh hiền, khắc khổ mịn màng như đất đai đồng bằng. Còn cái cô lão ngư thì khắc khổ sóng gió, râu tóc như ngô vàng, mặt dài như dây chằng, đầy những cơn bão biển trong

lòng. Bố vợ anh cả thời gian dài làm chủ nhiệm Hợp tác xã. Cụ liêm khiết đến từng chân tơ kẽ tóc. Bây giờ khác xa rồi!...

Và ắt nhớ ngay lúc ngồi giữa con bão biển gầm rú, dưới nóc nhà thờ lúc ấy, cùng các cố dân biển.

- Quê anh ở mô ta?

- Dạ, ở đồng bằng ạ!

Lão ngư gầy gò nhất, má tóp, cái thập ác đeo trước ngực như quàng lên bộ xương, tên là cố Ghi, làm dấu Thánh ở ngực, rồi nói:

- Chẳng giấu anh. Bão biển xứ này phức tạp lắm. Nhất là trong lòng người.

Ắt cảm thấy đã chạm vào vùng “mắt bão” trong lòng mình, bèn xịch đến gần, nắm chặt lấy bàn tay cứng khô như que sắt của cụ. Cố Ghi kể:

- Nhà thờ Xứ tôi đây vào loại cổ nhất đấy, nó có hình con thuyền ngoài biển.

Người Pháp đến xây rồi họ đi, việc gì trước đó tôi không biết. Chứ ba lần chữa nhà thờ là ba lần dân Xứ Đạo chúng tôi tự nguyện đóng góp, công bằng trước Chúa. Người có chức sắc cũng như dân đen, đều dốc sức đóng góp tiền của, chẳng ai cậy chức sắc xà xẻo dù một hòn gạch. Còn quanh đây, những trụ sở, trường học, nhà bưu điện... điện - đường - trường - trạm kia người ta đặt ra, sách nhiễu tham nhũng hết lớp này đến lớp khác.

Cố Chép như đến lượt mình, lấy cuốn sổ từ nãy áp trước ngực, tay làm dấu Thánh, rồi mở cuốn sổ ra trước tượng Chúa.

- Tôi có cuốn sổ này, chép hết việc này việc nọ, nên dân làng gọi tôi là cố Chép. Sáng danh Chúa trên trời. Tôi ghi lại cái trụ sở kia, cái trường, cái trạm kia... người ta xây lên mấy lần và cứ một trận bão là đổ mấy lần. Tốn bao tiền của của người dân. Do cái tệ tham nhũng xà xẻo mà. Cứ một ông lên lại xây, bão về lại đổ. Lại xây lại đổ. Dân kêu không thấu. Người ta bảo: “Các ông ấy có phép day - giật - xoa, cứ như bão biển ấy. Sinh ra cái gì là bẻ phách vỡ vét, bóp chẹt cái ấy. Trong khi nhà thờ xứ cổ của chúng tôi, hàng

trăm năm tuổi, sửa ba lần là vững ba lần... đấy, tôi chép hết vào sổ này. Lạy Chúa, sống để dạ, chết mang đi!...

ất trở về nhà và cảm thấy những cơn bão biển vẫn quần đảo trong lòng mình. Nó cứ “day - giật - xoa” như muôn thuở. Như cuộc đời thanh sạch và cơn đau khớp vai của bố vợ anh kia. Như cơn bão biển và gương mặt của những lão ngư chân thật với lũ tham những cướp bóc ở cái xứ Đạo ấy. Rõ mỗi người già mỗi cảnh, mỗi thời mỗi khác. Từ bố vợ anh đến những cố Ghi, cố Chép mà anh đã được gặp.

Rõ là những cơn bão lòng khác nhau!

Quát Lâm về, 15/8/2001

(Tặng Hào 49, Hợp 51 và những số phận xứ biển)

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Hạng mục cuối cùng

Đây không phải là truyện cuối cùng anh Vần viết xong rồi ngoẻo, chấm hết một kiếp cầm bút long đong, như người ta thường nói. Nhờ Giới Phật cho khỏe thì chắc anh còn viết nhiều nữa. Mà đây là loại truyện xếp vào hạng mục nhân văn cuối cùng của đời người. Như vấn đề “nhân quả” (anh cả tên là Túng từng nói), “xa thơm gần thối” (của ông bố đẻ), “nhạt hơn người dung” (vợ anh Vần từng nói), “bác-ca-nông” (cái Thánh con gái đầu của ông chú từng nói) v.v...

Thực ra bố anh Vấn là người đàn ông có giá, cụ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kiếp người, gần được như câu ca “công cha như núi Thái Sơn”. Chỉ có điều cái lối sống củ cụ thuộc loại như dân gian nói là “xa thơm, gần thối”. Tức là ở cùng với ai thì người ấy dở, chỉ người xa mới đáng nhớ thương. Cứ thế mà yêu, ghét theo vòng cuốn chiếu luôn hồi. ở với vợ con thì chỉ nhớ thương anh em cháu chắt họ mạc của mình ở nhà. ở với anh con cả thì chỉ mong anh con hai, anh con ba... Rồi ở với anh hai, anh ba thì lại nhớ thương mong ngày đoàn tụ với anh cả. Nói theo bà cụ thì cái thói nặng nhất là ở cùng vợ con thì cứ nhớ mong đoàn tụ anh em nhà mình. Anh cả Túng thì nói:

- Khổ quá, người ta thì cầm cuốc cuốc vào, đây lại cứ cầm cào cào ra...

Mới đây, sau đám tang ông chú ruột thì anh Túng lại nói một câu, nghe chừng không dễ hiểu chút nào:

- Đúng là luật “nhân quả”!

Anh Vấn nhớ lại những năm tháng gia đình đoàn tụ, chẳng có chuyện gì nhưng chẳng hiểu sao cứ buồn thăm thẳm. Người đàn ông rường cột trong nhà, nhưng mọi vui buồn ớn huệ hận thù lại từ cái tính cách người đàn ông mà ra. Người đàn bà sớm phát hiện ra điều đó và phải chịu đựng suốt từ thời con gái.

Cái tính “xa thơm gần thối” của bố anh Vấn, biết đâu cũng chính là thủ pháp sống của ông, cái thủ pháp tráo trở giữa cuộc đời để chèo chống nuôi được vợ con. đó là cái phần cần hiểu cho đúng, đừng quy oan. Còn thực chất của nó thì quả có sinh ra phương hại.

Dịch nôm cái tính đó là: “Người được ở gần tôi dù thế nào cũng là sướng rồi. Chỉ thương anh em cháu chắt họ mạc của tôi”. Và người ở gần, trước hết là người vợ, phải chiến đấu trường kỳ với cái tính chủ quan ngu dốt ấy.

Thực ra người sống gần thì khổ, người sống xa thì sinh thói đòi hỏi hợm

hình. Trong mấy anh em bên nội, thì bố anh Vắn thương chú Ngần nhất. Chú Ngần thì không sao, chứ vợ con chú, nhất là các con chú, cứ cho là bác gái và các anh chị ăn hết phần “bồng lộc” của họ, lại sinh ra khát khe keo kiệt. Cái Thánh con gái đầu của chú từ khi ra học đại học cho đến khi ra ở nước ngoài vẫn một mực hậm hực, bảo bác là “bác-ca-nông”, tức là sủng ca nông bản cũng không nhằm nhò gì! Mẹ anh Vắn ức lắm:

- Tôi là tôi cấm cửa!

Đã thế lũ cháu trai bên nội lác cắc, to vồng như trâu mộng, mặt mày lạ hoắc từ đầu đầu tự xưng là ở quê ra đến gõ cửa, mẹ anh Vắn không mở, hỏi lại: “Anh là ai?”. Bà sợ cánh này chỉ nhằm nhe bỏ bánh thuốc phiện vào cái túi đeo điệu dàng ở vai, buồn từ Lào sang, rồi trốn vào nhà bác giai. Đây là bà có tính lo xa.

Bố anh Vắn buồn và hậm hực đầy lòng. Lúc nào cái nhìn cũng bức dọc gay gắt, như muốn nói: “Bà quá thể. Coi anh em cháu chất bên tôi quá người dung nước lã...”. Rồi lẩm bẩm như ma: “Em ta, ta quý, ta thương”. Không ra câu thơ, không ra câu khăn.

Anh cả Túng đi chiến đấu trong Nam xa từ hồi trẻ, rồi ở lại lập gia đình trong đó luôn thì không thật rõ ngọn ngành. Còn những thành viên có mặt như chị Phương và chú Đất thì ra điều khôn ngoan, đứng về phe người chủ trì tức là ông bố, cho rằng như thế là đúng. Như cán bộ viên chức khôn ngoan cứ đứng về phía lãnh đạo là xong. Còn anh Vắn thì lưng chừng, có phần nghiêng về phía bà mẹ, dù thực lòng không đại gì coi họ mạc là người dung nước lã, và ông bố thì cũng như mọi người đều là công tội vốn ngang nhau. Nói nhẹ nhàng thế, chứ một ngày sống chẳng dễ chút nào!

Đến ngày chú Ngần qua đời ở một vùng quê biển xa, đi trước ông anh là bố anh Vắn. Cụ xót xa lắm, choáng lắm, ở cái tuổi gần chín mươi, cái tính cũ “xa thom gần thôi” lại càng bốc mạnh lên. Bà mẹ mất đã lâu, các thành viên

bước vào tuổi già, mọi chân lý xưa đã trở toác ra. Nhưng dòng họ là dòng họ, lại sắp ở tuổi lá rụng về cội, cáo chết quay đầu về núi cả rồi, làm sao cho xứng đây?

Chị Phương:

- Điện chia buồn là xong!

Chú Đất:

- Chú sẽ lo cái phong bì...

Anh Vần:

- Không được, chú cũng là cha. Phải thuê xe về tận nơi. Ba chị em ta cùng đi!

Chiếc xe máy lạnh bốn chỗ ngồi lăn bánh về vùng quê cách mấy trăm cây số. Nỗi buồn thăm thẳm về họ mạc năm nào, khởi đầu từ ông bố, như ma ám vào tận trong xe lúc này. Chị Phương ngồi ghế trên quay cổ lại: “Mua cái phướn cho nó sang chứ cậu!”. Chú Đất ngồi bên thì thầm: “Phong bì đây bác, chú chuẩn bị năm trăm. Bớt lại hai trăm đỡ tiền thuê xe cho bác, đi về mất gần triệu chứ ít đâu!...”

Đến nơi, một chiếc quan tài gỗ tạp méo mó, dài ngoẵng như một thân cây mục, đặt giữa căn nhà thấp lè tè mái gàn chạm đến nền cát. Thực chất vùng quê là vậy, tang gia là vậy. Đám người gào khóc bơ phờ. Anh Vần nửa thật nửa giả, nửa say nửa tỉnh, đến cái móc trước quan tài, rút xoạch mấy giải xô trắng, ba cái cho ba người, làm khăn tang. Cái Thánh từ nước ngoài về chịu tang bố, béo thấp như khúc giò lụa, gào khóc bên quan tài rồi đưa mắt ráo hoảnh nhìn đoàn anh chị, lại gào to hơn. Mặc niệm, thấp hương, trao phướn, đặt phong bì... Chu tất đâu đấy xin phép linh hồn chú lên xe về. Trời nổi trận mưa to. Sáng mai người ta đưa chú Ngân ra đồng.

Đúng sáng hôm sau, anh Túng nhân danh tộc trưởng gọi điện từ xa ngàn cây số về chia buồn cho thêm phần trọng thể, thì đôi bên nổi trận lôi đình, đến

mức phải giập máy xuống. Tiếng khóc gào còn phụt ra từ máy nói:

- Thật quá người dung nước lã!

- Hôm nào bác mắt chúng em sẽ cho người trả lại chiếc phong bì ba trăm!...

Hu... Hu... Hu...

Anh Túng:

- Thật là nhân quả!

Đến lượt anh Ván choáng. Mơ hồ nghĩ đến cái nét “xa thơm gần thối” của ông bố. Anh Túng nói điều ấy chẳng? Nhưng choáng, lòng thành, tiền mất tật mang. Trao đổi với mấy bạn giỏi về văn hóa phong tục, họ nhao nhao:

- Đúng rồi, bởi ông anh bà chị “công nghiệp hóa, hiện đại hóa” quá. Về lại đi ngay...

- ít ra phải ở lại đưa chú ra đồng đã!

- Hoặc nhấp chén rượu, bát cơm cúng, hoặc lẫn lộn gào khóc bên quan tài...

- Bảo quá người dung nước lã là đúng!

Hu... Hu... Hu...

Ha... Ha... Ha...

Anh Ván lấy lại bình tĩnh kể với cô vợ đang ngồi một cục trước mâm cơm.

- Oan gì! Anh đối với họ mạc đôi bên còn thua cả người dung nước lã! Cô vợ ráo hoành.

- Cô bảo ai?

- Như với cái Hường vợ thằng Huân nhà em, hoặc với cô Thứ vợ chú Đất bên anh. Bao giờ mặt anh chẳng lạnh như tiền!

- Cô im đi. Đó là chuyện khác. Đó không phải là chuyện người dung nước lã mà là chuyện loạn luân?

- Loạn luân thế nào?

- Chúng nó xinh đẹp, phởn phơ thế. Mặt không lạnh băng thì cứ nhìn chúng mà nuốt nước bọt ừng ực, mắt chớp beng beng chắc!... Thời nay bao nhiêu

ông anh chồng anh vợ đã đồn đồn như vậy rồi. Cô không biết à?

Hu... Hu... Hu...

Ha... Ha... Ha...

Xóm Mỗ Hương, 17.6.2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Đại hồng phúc

Anh Hấn có thói quen hôm nào ngủ dậy cảm thấy trong người mình và trời đất có vấn đề là thấp ba cây hương. Một cây ở bàn thờ trong cái hộp nhà tập thể dài như cái lưỡi mèo, một ở bàn thờ ngoài trời ngách cửa phía bắc do anh tự thiết kế theo các lính dã chiến, và cây hương thứ ba thì tiến hành lúc chạy tập thể dục, qua khu sân trường, cuối bờ cây là khu vực phẫu thuật, thí nghiệm... Anh thở dưỡng sinh, mở hai lần cửa phía dưới cái cột khói từ xưa dành cho việc thiêu xác, bước vào trong cảnh tranh tối tranh sáng như có ma của cái phòng mổ nơi vợ Hấn làm việc, thấp vội lên cây hương rồi cứ thế mà lùi ra. Vừa đi vừa vái lia lịa.

Hấn vái mỗi nơi một khác. Trước bàn thờ trong nhà thì vái chậm, biểu lộ lòng thành kính biết ơn tổ tiên nội ngoại. Nơi bàn thờ ngoài trời phía ngách cửa bắc thì nhíp vái nhanh hơn, tỏ lòng với trời đất - Phía ấy nhìn vọng lên, xuyên vào khu phố chính sầm uất, nơi có hộp nhà mà bố Hấn gần chín mươi tuổi đang ở, mẹ Hấn từng khuất bóng ở đó hơn mười năm nay rồi... Còn

dưới phòng mổ chó thì Hấn vái lia lịa, lầu bầu bài khấn nguyện âm dương theo kiểu “tân cổ giao duyên” do Hấn đặt ra mà không ai biết được...

Tư tưởng chủ đề của bài khấn thâm ấy trước hết là lòng biết ơn tất cả. Nếu không có trời cao đất dày, các Đấng bề trên và tổ tiên, anh linh của những người đã khuất như Mẹ và em gái... thì làm sao Hấn sống được. Rồi anh điểm danh như điểm danh đồng đội: Anh Đệ, anh Kỳ, anh Lý, anh Hữu, anh Vinh, anh Thạc, anh Tiến, anh Mai, anh Minh... Như họ chết đi, góp mỗi người một chút vào quỹ tiết kiệm để cho Hấn sống.

Bài khấn có phần bình cây báo công, tự đánh giá ưu khuyết điểm, cái được và cái chưa được, cả biện pháp sửa chữa. Toát lên lòng biết ơn, niềm tự hào và lạc quan.

Cuối bài khấn bao giờ cũng là lời cầu mong người cha già chín mươi tuổi đang sống ở hộp nhà quảng phố trên được trường thọ.

Hấn giật mình, nhớ cái đám giao thừa mười năm trước, chẳng hiểu là năm cầm tinh con gì, cũng ở hộp nhà như cái lười mèo này, đêm mất điện, đành thắp lên ngọn nến vàng ệch trước ban thờ, viết một thiên truyện. Đạo ấy Mẹ mới mất. Cha gần tuổi tám mươi. Hấn viết xong thiên truyện “Hỏi vợ cho bố” thì vừa sáng, gà gáy eo óc ở làng Khương, ngọn nến tự nhiên tắt lịm.

Hấn ta vo tròn bản thảo lại như một bài khấn, phóng xe máy vào nghĩa trang Văn Điển phía nam thành phố. Đến nơi, nghĩa trang còn cảnh tranh tối tranh sáng, ma vừa thức dậy, cảnh ngộ hết sức lạ lùng. Hấn đến bên mộ mẹ, thắp hương rồi cứ thế mà đọc trong bản thảo, như đề báo cáo và xin ý kiến mẹ về việc lấy vợ cho bố. Hương cháy bùng lên một đám như lười kiếm...

Truyện Hấn viết như chính anh, tếu táo cười cợt thái quá, nhưng dù sao nó cũng thể hiện cái tâm và khát vọng sống của bố con anh. Nhất là nó le lói tính dân chủ. Với một bậc đại lão suốt đời nghiêm chỉnh như bố, nhất là vào lúc ấy, ai dám nghĩ đến chuyện hỏi vợ cho bố. Lại cỗi âm thiêng nữa, mẹ

vừa khuất, bàn đến chuyện tày đình ấy, cụ tức, vật cổ đi thì sao. Chẳng là những ngày cuối cùng, trước khi nhắm mắt, mẹ nói trong tiếng thều thào: “Mẹ mất, là bố con lấy vợ ngay thôi”. Câu ấy rõ chất đàn bà, dù trước lúc ra ma. Vừa truy đuổi, vừa dự báo. Chỉ Hấn hiểu trong câu trời trăng ấy của mẹ vừa như vô cảm vừa như tiếc nuối. Biểu hiện dù cuộc đời thế nào thì mẹ cũng yêu bố lắm, yêu cho đến hơi thở cuối cùng. Rõ là ông cụ có giá lắm chứ! Hấn gật đầu liên hồi, lộ vẻ tự hào.

Thiên truyện in ra, Hấn giấu vợ còn kỹ hơn giấu tiền. Lộ ra việc lấy vợ cho bố, phần lớn đàn bà và loại người như vợ hấn sẽ la ó cho là đồ đốn, rò đại. Hấn thấp hương lên bàn thờ, chẳng hiểu sao cây hương phụt lên như lưỡi kiếm loại nhỏ. Anh trưởng ở xa thì lắc đầu rồi cười lên ha hả. Bà chị ở gần biết chuyện thì cười lên ha hả rồi lắc đầu. Chỉ có chú Đất là út, giáo sư theo nghiệp bố, hấn nặng lòng vì đạo lý cuộc đời nên buông ngay câu, lộ vẻ buồn bã:

Không được!

Chẳng là chú Đất và bố là một duộc về nghề nghiệp và đạo đức. Nghề dạy học “ăn” bằng bụi phấn và đạo đức. Công bằng mà nói thì bố Hấn là người đàn ông loại nhất, dù ở với cụ thì vợ con suốt đời cứ rau cháo cầm hơi nhưng bền bỉ, chắc chắn. Hơn đút các loại người xằng xái đi làm “cách mạng thế giới” thành người siêu tướng, lấy vợ rồi đẻ và đẻ, chẳng biết vợ con là ai. Loại này sau một trăm năm thì gục xuống như tượng thần đất sét không chân. Bố Hấn khác, cụ căn cơ, ý thức được từ mỗi cái lông chân, mỗi giọt máu mà cụ có. Dù người cụ có hai mảng thực và mộng không khớp nhau lắm, nhưng cũng không đến nỗi rời nhau hoặc làm hại nhau. Như Hấn, thực và mộng có làm hại nhau đấy. Bố Hấn thế mà giỏi, điều khiển được hai mảng thực và mộng cứ trôi vật vờ, cho đến ngày một trăm tuổi.

Hiếm có người đàn ông nào sống giữa hai mảng thực và mộng mà chu toàn

thành công đến như vậy. Đa phần giống đực được thực mất mộng, ngược lại, hoặc mất cả hai. Từ bé bố lớn lên, đẹp trai và thông minh, gặp được mẹ là cô gái có học, đẹp nhất vùng quê. Chiến tranh bom đạn, người ngợm thể chế đầu tổ qui kết nhau đến vậy, mà bố nuôi được cả đàn con, trai ra trai, gái ra gái, không đứa nào dở người hoặc đồng cô. Người ta nịnh Hấn:

- Anh Hấn xem vậy mà giống cụ ông đao đao!

Nhưng đến một ngày, Hấn để ý thật kỹ, hai mảng thực và mộng vốn đẹp là vậy ở cha mình bỗng như rời ra. Hình như loạng quạng từ ngoài tám năm. Tức là sau tám năm tuổi, cái phần thực ở ông cụ ổn quá rồi, viên mãn quá rồi, bắt đầu chuyển ồ ạt sang phần mộng tưởng. Tám ảnh cụ bà một thời xinh đẹp, từ khi ở lại một mình trên trần gian, cụ như bận điều gì đó, vắt tám ảnh vào góc nào cho khuất mắt. Từ đầu năm cụ lại lôi ra để ngắm, rồi đặt lên bàn, đặt cả lên giường mình. Đôi mắt cụ sau một đêm dài thức dậy thường đỏ lịm lịm. Thần sắc cũng rất khác. Con dâu đưa thức ăn ngon đến cụ chỉ lắc. Chẳng hiểu ra làm sao cả.

Một buổi chú Đất gọi điện đến:

- Nguy rồi bác ạ!

- Sao, bố ốm à?

- Không!

- Bố ngã à?

- Không!

- Bố hoảng loạn à?

- Không! Bố khỏe...

- Vậy là cái gì mới được chứ!

- Bố muốn lấy vợ!

Khác hẳn chú Đất bấy giờ run rẩy ở đầu dây kia, Hấn lại muốn cười phá lên. Tưởng gì. Hấn lắng xuống, thương bố, hiểu cả phần thực và phần mộng lúc

này ở bố. Đây là khát vọng sống đẹp đẽ của phần mộng, khi phần thực tắt lịm dần.

Chú Đất lại điện:

- A lô, bác Hấn đấy ạ! Oái oăm quá!

Hấn cầm máy, hiểu cái choáng của chú Đất, giáo sư Đất, nhà đạo đức học sót lại tên là Đất. Bèn an ủi:

- Chẳng có gì là oái oăm cả chú ạ. Đó là niềm tự hào bộ Den của anh em mình. Có khi còn hơn đứt cả truyền thống... ấy chứ!

Bà chị gái cũng điện:

- Chuyện của ông mà lan ra là không hay đâu. Cậu giỏi mồm mép,

Hấn nói:

- Chẳng có gì phải bịt chị ạ. Đó là niềm tự hào đấy! Nhất là cánh đực chúng em...

Buổi tối Hấn giấu vợ tìm đến một người bạn là giáo sư tiến sĩ y đầu ngành về nội khoa:

- Cụ anh gần chín mươi à? Hiện tượng như vậy là cực hiếm đấy. Mừng cho bộ Den của các anh. Nói đến cùng thì chỉ cái điều còn lại đó là đáng tự hào thôi, anh Hấn ạ!

Hấn hiểu, nhưng như có một luồng gió lạnh thổi qua người... Dù sao thì con người bố anh cũng chuyển qua thể ảo mộng rồi. Tức phần thực thì đã tàn, phần mộng thì cứ “đòi lấy vợ”. Dù sao cũng cứ vui. Hơn là bố bệnh, bố ngã, hoặc bố tâm thần như bao ông bố già lợm khộm khác trên cõi đời này.

Trời đầy sao, có chòm Thần Nông, chòm Tiểu Hùng tinh, Đại Hùng tinh...

Riêng với Hấn và anh em Hấn như anh Túng trưởng ở xa và chú Đất, đây là điềm báo Đại Hồng phúc. Rõ là như vậy.

Về nhà, cô vợ tinh tướng vỗ vỗ vai Hấn, như đọc thấu tất cả:

- Anh này dặt dẹo ngớ ngẩn thế mà sống đến một trăm tuổi nhé. Lại còn

muốn lấy thêm vợ nhé!

Chùm sao Đại Hùng Tinh bắt chợt nghiêng qua cửa sổ. Hấn cười: “Bộ Den di truyền này, rõ là vô địch”.

Làng Hương Mổ, đại lụt, 7.8.2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Gò ma

Đàn ông thuộc loại người xã hội, nhưng chỉ họa hoằn dăm anh có số “Xuân Tóc đỏ”, còn hầu hết rơi vào cảnh bị đày đoạ. Nhất là cái thời cả thể chế xã hội ma quái đó nhập vào người đàn bà, trao quyền tiếp tay cho đàn bà, thì các gã đàn ông không chạy đâu cho thoát, bị hành hạ đến thảm hại.

Đàn ông buồn cười lắm. Chiều chiều cứ đến quán bia hơi Gò Nhân Sư thì khắc biết.

Gò Nhân Sư là quán bia có tiếng ở gần Gò Đống Đa, cạnh những vườn thuốc Nam. Giữa quán có cây si như có phép lạ, trước đây chẳng ai trồng một ngày đã thấy, cứ thế lớn nhanh như thổi, tỏa nhánh tám phương, có rễ buông đầy như hàng trăm tuổi. Tổ hợp bia hơi biết chộp lấy nơi ấy, quây nhà quanh cây si như đèn kéo quân. Trước cót ép vớ vẩn, thời đổi mới thì thay bằng những vật liệu nhẹ, rất đẹp. Quán bia hơi gần như là thế giới nửa đàn ông nửa đàn bà, đàn ông đến uống, đàn bà phục vụ. Thấy mọi thứ đều có ở đây, sinh ra ở đây.

Như đã thành luật sinh tồn, loại đàn ông thành đạt hung hăng ngồi một phí, loại thất cơ lỡ vận dạt về một phía. Phía này tối và ẩm, gần bếp với đầy dụng cụ nấu nướng, đa phần đàn bà cũng ở phía này. Đáng chú ý là cái bể cá khổng lồ, bong bóng nước cứ phụt liên hồi, nghe đâu ngồi gần thì có mùi hôi. Đương nhiên, người ta nuôi cá sống để mổ thịt. Đủ loại cá: Cá chày, cá chuối, cá đuối, cá rô phi... Gần như chàng cá nào vào đây, qua cái lăng kính, cũng như dị dạng, không mất lồi thì môi cong, mặt gầy v.v...

Đúng như thiên hạ nói, cứ chiều xuống là đám đàn ông xé bóng ra chiều thất cơ lỡ vận, chẳng ai hẹn ai, đến như bóng ma. Người nào ngồi vào ghế của người ấy, xoay lưng vào nhau. Người cởi áo quần đùi, kẻ chống nạng, người mũ phớt, kẻ quần cộc đi giày, lại cài thắt cà vạt... Nhất là mắt, thấy đều hấp háy hoặc dại đi, nhưng chẳng ai giống ai. Có người xộc từ cửa chính vào, cầm cây gậy dài giơ lên như người bông súng, rồi vươn cái cổ dài ngoẵng, hát những lời về hạt bụi về sỏi đá như là nhạc Trịnh Công Sơn, như là hành khúc chiến tranh. Có người vào cổng nách, hươ cái nặng lên múa tít cứ như người làm xiếc. Đám đàn bà khoác áo trắng dài như nghề y, cười ré lên, tung áo chạy như bướm bướm. Một ngày dài như để chờ cái phút lạ lùng này. Từng đôi như hiểu nhau từ kiếp trước. Một người đàn bà bự nhất, túm áo ở bụng, tay tròn lẳn với chiếc vòng vàng chói, cầm cái vợt lưới, nghiêng người trên bể cá, phô cái bụng đầy thịt trắng hếu... Chú cá xấu số nào đó quẫy tung nước. Tức thì rộ lên tràng cười của đàn bà. ở đây họ quen đặt tên cá cho từng người:

- Anh Chày đến rồi à! Hôm nay chôm được của mụ già bao nhiêu? Vẫn hai vại chứ?...

- Vưỡn!

- Anh Chuối đấy à? Sỗ lông chậm vậy. Vẫn như hôm qua chứ?

- Vưỡn!

- Anh Phi đây à? Hát đi, rồi nộp tiền đây chúng em lấy bia mới cho...

- Anh xin chiều!...

Anh Chày mặt đỏ, là cái anh bông súng gậy chào lúc nãy, đứng dậy tiếp tục bông súng chào. Anh Chuối mình thuôn như chú chuối, cứ trợn trừng mắt như sắp gây sự với người xung quanh. Anh Phi đứng dậy hát, cái hàm răng giả văng ra, rơi cách một cái trên bàn... Các em cười chảy cả nước mắt và như đồng thanh:

- Rõ khô!

Rồi im bặt.

Bất chợt người đàn bà béo nằng, tay như khúc giò lụa đeo vòng vàng, xách lên một chú cá chuối bự cỡ dài, đầu bị tróc vẩy trắng hếu, quẫy đuôi bắn nước tung tóe:

- Đực, béo lắm đây, ha ha... Chỉ tội cắn nhau đến sứt cả đầu. Ha... Ha...

Đám đàn bà lại ré lên cười. Lập tức từ bàn giữa một người đàn ông từ ban nãy được nhận biệt hiệu là Chuối, đứng cả lên ghé, múa một điệu rất lạ lùng và thét toáng lên như vai tuồng.

- Anh đây. Chuối đây!...

Anh Ký Hân chứng kiến cảnh đó, vừa buồn vừa cười, mắt nhìn ra cửa sổ. Cái ô cửa dài, cắt một mảng trời, sao giống lớp học của anh ở trường cấp hai Nghi Xuân (Hà Tĩnh) đến thế. Mái trường cấp hai thân quen ấy ở trên gò, gần khu mộ đại thi hào Nguyễn Du, giữa những cây phi lao rì rào, nhìn thẳng ra cửa biển.

Thầy Khang mặt đỏ, gầy choắt, giọng trầm giảng Kiều vào loại hay nhất tỉnh. Một lần đến tiết giảng Kiều, thầy lặng nhìn qua bãi phi lao, có khu mộ Nguyễn Du, cứ nhìn mãi cho đến khi hai con mắt đỏ lên như hai hòn than...

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Rồi thầy lại đọc:

Đau đớn thay phận đàn bà!...

Đến những câu này thầy dừng lại rất lâu, như không muốn đọc tiếp câu sau nữa. Thầy chuyên như vậy, giữa bài giảng có những quãng lặng hút hết hồn vía học sinh. Có đoàn kiểm tra trên tỉnh về dự giờ phê bình thầy điều đó, có người còn bảo thầy dở người. Thường sau quãng lặng là thầy ho, có lần một tia máu đỏ bắn ra cả cổ áo. Thầy giỏi nhưng bị cấp trên định kiến nặng nề lắm. Lại còn biết thêm gia đình thầy mấy đời giàu có, đổ đạt, sau bị qui oan, cứ sa sút dần. Hạnh phúc riêng của thầy cũng đổ vỡ. Hễ giảng đến câu “Lời rằng bạc mệnh...” là thầy rơi vào quãng lặng mơ hồ. Một lần đang giảng trích bài Kiều thì thầy gục xuống, máu trào cả ra miệng... Cứ thế thầy ra đi. Trong ký ức thơ ngây của cậu bé Hân cứ bị ám ảnh những chuyện đến kỳ lạ về hình ảnh những người đàn ông tài sắc. Sau chuyện thầy Khang là đến chuyện thầy Tạo.

Hể tuần trước thầy Khang lên lớp giảng thơ Kiều, tức thì tuần sau có chuyện xảy ra với thầy Tạo. Thầy Tạo trẻ hơn thầy Khang nhiều, lại đẹp trai, môi đỏ thắm. Thầy viết chữ đẹp, văn hay, tính cẩn thận nên được cử làm chân thư ký hội đồng. Công việc đang trôi chảy thế, thầy đang cười tươi thế, đến một ngày thấy thầy buồn đến hoảng loạn. Hỏi mãi mới biết ở trường thầy bị nhiều kẻ ganh ghét, ông hiệu trưởng quen gia trưởng định kiến, thầy Tạo bị “đặt bẫy” sau một kỳ thi... Hễ mỗi lần ông hiệu trưởng gầm ghè quát tháo là thầy Tạo bị động kinh. Từ đó thầy sợ tất cả. Thầy luôn lên cơn co giật. Đôi môi đỏ thắm trở thành tím tái. ở quê người vợ trẻ dịp đó bỏ thầy. Thầy khóc như trẻ con. Người ta bảo: “Có khi khu trường gần mộ cụ Nguyễn Du, nên cái câu tài sắc bạc mệnh ám vào thầy Tạo”. Chỉ biết mỗi lần sợ sệt lên cơn thầy khóc lóc, rồi lăn xuống chân đồi cát như một bông cỏ khô. Cả khu trường lại nhao lên: “Đi cứu thầy Tạo”.

Chờ đến cuối tuần trọ học, cậu bé Hấn về nhà hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, sao những người đàn ông giỏi dang như thầy Khang, thầy Tạo trường con khổ thế hả mẹ?

Mẹ bảo:

- Lớn lên rồi con sẽ hiểu!

Hình ảnh thầy Khang, thầy Tạo mà mái trường huyện Nghi Xuân sát bên khu mộ Nguyễn Du ấy ám ảnh vào hồn cậu bé Hấn và nhóm bạn vào đời. Hấn chọn nghề anh Ký cầm bút để nhằm lớn lên tìm kiếm mỏ xẻ chính mình, về cuộc đời mệnh bạc của những người đàn ông. Cậu Từ, người bạn học cùng dãy bàn thì nói:

- Tớ vào ngành Y.

Vậy là Hấn thi thành anh Ký Hấn. Từ thi thành ông Đốc tờ Từ.

Ký Hấn vào đời, tự mỏ xẻ mình không xong, chỉ gặp toàn cảnh đàn ông mệnh bạc. Họ như bị hành hạ từ kiếp nào. Anh bạn Minh vừa mới ngủ dậy thì lăn ra chết. Anh Tất chết sau một đêm. Có người chết sau một tuần ốm như anh Tiến. Có người sau ba tháng đổ bệnh, qua một kỳ mỏ xẻ thì chết như anh Đặng. Đó là những cái chết ngay nhõn tiền của đàn ông. Còn có cái chết dần chết mòn dai dẳng.

Chẳng ngờ cảnh ngộ thầy Tạo, thầy Khang lại nhập vào anh học trò học giỏi ngày xưa, về sau trở thành Đốc tờ Từ.

Từ là một bác sỹ phẫu thuật giỏi, rất thành đạt. Anh từng mổ hàng trăm ca bệnh hiểm nghèo thành công, lại có nhiều ca ở chiến trường khỏi lửa. Nhưng anh sớm bị ghen ghét, hành hạ. Chẳng bao lâu lâm vào tâm thần. Thở bệnh oái oăm, luôn cảm thấy bị ám hại.

- Chúng nó bàn nhau hãm hại tôi!

- Có một mụ đàn bà chuyên hãm hại tôi!

Cứ thế, sau những lần gào lên, Từ lại càng bị định kiến, quy chụp. Còn hình

ảnh người đàn bà định mệnh trong cuộc đời người đàn ông - như người ta thường nói - thì không rõ là ai. Lần cuối cùng gặp Hân, Từ còn đủ tỉnh táo để nói:

- Người ta bắt tớ. Người ta gí một cái gì như hơi lửa vào sau gáy tớ, thế là đời tớ đi toi...

Nói rồi, mắt nhìn bạn hết sức lạ lùng, đầy vẻ nghi hoặc. Bạn mời nước thì nói:

- Có bỏ thuốc độc vào không đấy?

Bạn rũ ra ghế ngồi chơi, thì nói:

- Có bày hiện trường giả không đấy?

Hân giật mình: Đôi mắt của anh bạn đốc tờ Từ bây giờ giống hệt như đôi mắt của thầy Tạo năm nào.

Đến ngày Hân chỉ còn thấy bạn sau cánh cửa Viện tâm thần Trâu Quỳ.

Lần chia tay bạn mới rồi, Từ vừa chạy vừa đọc hỏn hển những câu thơ Kiều, hệt như giọng đọc thầy Khang.

Ký Hân cảm thấy như mình cũng nhiễm bệnh, căn bệnh nan giải lạ lùng của đàn ông. Nhắm mắt lại là anh thấy cảnh tượng chiếc đèn kéo quân khổng lồ nơi quán bia hơi Gò Nhân Sư. Nghe nói dưới Gò Nhân Sư từ xưa toàn xác đàn ông chết trận. Đêm đêm hỏn vía hóa thành lũ khỉ đu lên cành cây hát múa, ngâm thơ. Người ta còn gọi là Gò Ma./.

Xóm Hương Mổ, trước bão 30/7/2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Bình pháp Tôn Tử

Đàn bà thì không biết, chứ đa phần đàn ông thời nay đến quãng tuổi lưng chừng là vấp phải những thứ bệnh trọng, không ung thư gan, suy thận nặng, thì lại xuất huyết não, tâm thần. Vượt được tuổi 49, 59, quá bát tuần đến cửu tuần, có nghĩa là các cơ quan nội tạng đều siêu bền, đều “chạy tốt”, bấy giờ hóa tinh hoặc trở lại kiếp con hắc tinh tinh kỳ dị.

Ai đến tuổi đó, hễ đi đâu là gặp ai cũng mở miệng rồi rít: “Tôi ngoại tám mươi rồi”. Hoặc: “Ngót hai năm gần chín chục”. Từ đó cứ tự nhiên tung hê hết cá tính của mình.

ở xóm Trại có cụ ngoài tám mươi, áo quần bảnh bao lịch sự, đội mũ, thắt lưng, đeo túi, đeo Huân chương như đi đại lễ. Ngày nào cũng vậy, tháng nào cũng vậy, cả năm đều vậy. Bất kể ngày đông tháng giá hoặc mùa hè đổ lửa. Bình thường cụ đi đứng chững chạc, khoan thai, mắt nhìn thẳng. Đến lối rẽ thì cụ xoay hông quặt chân như lính tráng, vừa đi vừa hát to “Vì nhân dân quên mình”. Hát rồi đưa tay lên mũ chào...

Ở phố Đản có cụ ngoài tám mươi, từ quê ra ở với anh con trai cỡ Bộ trưởng. Cô con dâu cỡ Thứ trưởng. Đón bố, con trai con dâu chuẩn bị bộ sa lông mới, thay thảm mới, giường chiếu bàn ghế cứ như cung điện nhà Thanh bên Tàu xưa. Dăm bữa nửa tháng, anh con trai xuống cái xe ô tô ở sân thì thấy

bố mình tay cầm quạt cứ ngồi xồm ở góc sân, mắt nhìn lên tán cây trong vườn. Con trai đến gần, nghiêng đầu lễ phép thưa hỏi, thì được trả lời: “ngồi thế cho mát”. Một ngày cô con dâu đi làm về thì tá hỏa tam kinh khi thấy ông cháu chơi ở góc sân xa tít sau vườn, cứ lấy que bới đất bới phân gà cho cháu chơi, thỉnh thoảng lại cười, đưa lên mồm...

Phía cầu Mây có cụ ông gần chín mươi tuổi một mình tọa một căn hộ tầng trệt, ngay mặt đường. Con cháu ở trong phố cổ. Tuổi cao, nhờ trời cụ khỏe, ăn nói còn lưu loát lắm. Có một tổ vệ sinh đường phố toàn những cô đã chồng con phốp pháp, vui cười, hàng ngày quý “bố già” vui tính, đến gửi nhờ dụng cụ, quần áo. Ban đầu hai bên còn lạ, sau quen hơi dần nhất là các cô ngạc nhiên thấy “bố già” chăm sóc quần áo của mình quá ư cẩn chu, cẩn thận. Thậm chí bố chẳng dây thép quanh giường ngủ của mình, phơi quần áo chị em bộ nào ra bộ ấy... Đêm đêm “bố già” hít thở và ngủ rất ngon lành. Con cháu đến, nhất là phái đàn bà, là cụ ghét, cụ đuổi. Cụ chỉ mặt: “Này, chúng mày chưa nuôi bố được một ngày đâu đấy”. Lại nói: “Chúng mày đừng mua gì cho bố. Bố giờ chỉ hít thở là chính”. Chỉ đàn bà con gái nhạy cảm mới biết “bố già” hít thở gì...

Có cụ gần chín mươi ở quảng phố Hương lại rơi vào tình trạng thật lạ lùng. Một đời cụ thanh sạch. Nghĩa là từ trẻ cụ không thuộc loại đàn ông phạm phu tục tử. Tám mươi, cụ còn minh mẫn. Tám năm, còn minh mẫn... Cứ thế đến gần chín mươi, cụ rơi vào tình trạng run rẩy hoang tưởng. Không phải là kẻ chơi bời trác táng, cũng không phải khổ hạnh tu hành. Như khát vọng sống từ kiếp nào dồn nén vào cụ, khiến cụ khao khát khôn nguôi. Gặp người cùng giới thì không sao, hễ thấy bóng dáng đàn bà con gái là cụ run rẩy bàng hoàng, mắt đỏ lên như khóc, rồi òa khóc thật... Trong khi hai bàn tay run rẩy như người sắp chết đuối cứ níu kéo, vẫy gọi...

Dễ đoán được là bố anh Ký Vần, người sinh ra thằng con làm báo viết thơ

như anh Ký Vấn, thì đang rời vào hoàn cảnh “bố già” nào rồi.

Kiếp đàn ông xem thế mà thật nan giải. Có khi câu thơ Kiều của cái người đàn ông, tên là Nguyễn Du, vốn là thế này chẳng:

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh lại là... đàn ông!

Anh Ký Vấn nhìn lên màn hình, rồi nói một câu vô cảm:

Kiếp sau không muốn làm người, nhất là làm thằng đàn ông. Cũng không lập nên gia đình nữa.

Thị rít lên, khi trên màn hình đang loạn cảnh binh đao của phim “Bình pháp Tôn Tử”:

- Gia đình gì anh. Hễ mở mồm là chửi họ hàng tông tích bên ngoại.

Ký Vấn như bị sét đánh. Cứ mỗi lần gia cảnh Ký Vấn bối rối là thị lại giở chiêu ấy, cái chiêu đánh sang bên ngoại. Như mây đen thù hận từ kiếp nào trong đáy lòng người đàn bà cứ đùn lên, đùn lên che khuất tất cả.

Kiếp một thằng đàn ông bèo bọt như Ký Vấn lại càng nan giải.

Buổi sáng chủ nhật Ký Vấn đành phải lao ra phố, cùng một cỗ sáng lạc bữa.

Dọc phố đạo này ở đâu cũng thấy “ngan, tiết canh ngan”. Ngan ngỗng chẳng rõ báo điềm gì, còn tiết canh ngan thì ắt là điềm báo người đời đang khát máu, sau đêm dài nóng nực xem “Bình pháp Tôn Tử”.

Mình là kiếp bò, vậy thì đáp vào quán “phở bò gia truyền”. Nghe nói toàn quân từ Nam Định lên, lại toàn thanh niên choai choai như lính tráng. Phía trước là cái bếp phun đầy khói than, khói mỡ như chiến trận. Bên trong có đến một trung đội dao thót, bung bê loạn xì ngầu. Chẳng có nét gì là ẩm thực. Thị dân thi nhau vục vào ăn, và khen “món nước ninh xương thật”.

Bàn la liệt. Một gia đình dựng xe máy, bên ngoài bốn cái mũ bảo hiểm lồ lộ như ma. Một chốc thì thấy anh chồng cởi mũ, đầu sấy ộp, kính gọng vàng, đeo đầy bao túi trong đó có chiếc mobil phon. Chị vợ đầu dặt tэм rất

điệu, tay đeo dây nhẫn vàng, vòng kiềng vàng, cái dây chuyền chừng năm chỉ lách ra khỏi cái cổ trắng ngần. Hai đứa con thì khỏi phải nói, con chị và thằng em đều đeo kính cận, cứ để mãi cái mũ bảo hiểm trên đầu mà tiến vào bàn ăn. Bố mẹ điệu dàng gỡ mũ cho mỗi đứa. Còn nói: “Khổ, con tôi”. Rồi đưa mắt nhìn nhau rất tình tứ.

Chuông leng keng từ trong bụng anh chồng bật ra. Anh ta vội hắt xì hơi, đưa cái máy nhỏ xíu bằng hộp diêm khở lớn, nói lắp bắp không chủ ngữ: “Cứ thế nhé. Bai”. Chị vợ đổi sắc mặt, đưa mắt lườm một cái như tia chớp.

Hai chị em kính cận vừa ăn vừa vung tay. Gương mặt, áo quần, cử chỉ, ngôn ngữ của chúng có cả Mỹ, cả Tàu, cả Nhật, cả Thái... Chúng đang chuyện hồn nhiên về một bộ phim chương nào đó mà chúng vừa xem ở nhà tối qua.

Thằng em đưa thẳng tay: “Xiu!... Xiu!...”

Cô chị: “Đệ này!...”

Rồi cứ thế chúng liên chi hô điệp:

- Chị thích nhất cảnh mụ hoàng hậu đưa tay tung chưởng móc mắt lão vua dâm...
- Chẳng bằng thằng Ngổ hóa phép làm rụng cả bộ hạ lão quan...
- Chẳng bằng!...
- Chẳng bằng!...

Chúng phồng mang trợn mắt sắp tung chưởng, giành nhau phun ra những âm thanh “Pằng... Pằng...” như súng trận. Bố mẹ đưa mắt tình tứ, cười nhìn nhau.

Sau mỗi lần “Pằng... pằng...”, một sợi bún phở lại bắn vào bát của anh Ký Vần. Rồi tới tập chẳng hiểu ra thế nào nữa. Đành bỏ tô phở, đứng phắt dậy, lao ra đường.

Cô vợ bĩu môi:

- Lão già khó tính!

Anh chồng sang trọng kẻ cả:

- Trẻ con mà! Thời nào chẳng thế!

Đành lao đến Sở, dù chủ nhật. Tòa soạn nơi anh Ký làm việc, từ tuần báo, đúng chủ nhật này, ra báo hàng ngày. Tức nhật báo.

Trên màn hình người ta đang chiếu lại cảnh ngựa hí gươm đao của phim “Bình pháp Tôn Tử”.

Anh Ký Vần muốn ngửa mặt lên trời mà kêu rằng:

- Tôn Tử sư phụ, xin thầy dạy con theo chước nào đây?

Ký Vần ta là đàn ông thời nay, lấu cá, dẫu tuyệt vọng vẫn làm ra ta đây tràn trề hy vọng, chẳng đợi sư phụ mách bảo, định thực thi cái chước thứ bảy (nói vào bảy sáu chước của Tôn Tử) là vừa làm ra chuồn, vừa làm ra ở để nghỉ binh cuộc đời. Bỗng cái ông lão ngoài tám mươi xóm Trại từ đâu hiện về. Vẫn túi đeo, nai nịt, huân chương đỏ ngực, vừa đi vừa hát câu muôn thuở: “Vì nhân dân quên mình”. Lão giơ tay chào và hỏi:

- Anh bao nhiêu rồi?

- Thừa cháu kém hai, đầy lục tuần ạ!

- Vậy anh đã học câu: Lão bảy mươi học lão bảy một chưa?

- Dạ, rồi ạ!

- Thế anh hãy ráng sống đi vài chục năm nữa để hiểu lớp bát tuần, cửu tuần chúng tôi nhé!

Nói rồi ông lão biến mất...

Xóm Hương Mỗ, tháng Giỗ Em. 7.2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Cõi Ất Dậu

1. Mẹ sinh tôi vào giờ đoi, ngày đoi, tháng đoi, năm đoi. Đã thế lại còn giờ ất, ngày ất, tháng ất, năm ất. Bấy giờ có con gà như con gà rừng bỗng đập cánh gáy lên những tiếng như quát, như khóc, rồi trầm xuống giai điệu như có thơ có nhạc. Tôi bước qua cửa tử ất Dậu, khởi thủy là một chú gà con đỏ hỏn, như chó như lợn bao tử. Lại như thi sĩ đồng trình giáng thế, như tráng sĩ giẫm lên xác người chắt đầy các ngã đường.

Thật chẳng còn gì để mà nói nữa!

2. Tôi vội vã tìm lên phía núi Trúc (gần Bách Thảo), một địa chỉ xuất bản sách uy tín, cầm cuốn tuyển thơ đồ sộ mới toanh về. Được nhận hai cuốn tác giả, cho tôi, Lại Công Vần và em trai Lại Công Đất. Tôi sinh ất Dậu, năm đoi chết người, còn chú Đất sau đó hai năm. Tôi một đời lặn lội thân cò, học đại học văn rồi lao vào làm thơ thì chỉ được chọn một bài. Chú Đất học toán, là tiến sĩ toán học, giàu sang nhẹ nhàng như một bài thơ, chỉ coi thơ là một trò chơi ất ơ, thì được chọn những ba bài. Hỏi, thì được nói: “Cầm về đi. Thời nay in cho là may rồi”. Hỏi nữa thì được nói: “Ông đa tài, viết cả văn. Trừ hai xuất thơ là phải”.

Cầm về vội khoe với anh bạn cùng làm ở Sở. Anh này lừa chú Đất, đòi

những thành đạt nhẹ nhàng như một bài thơ.

Anh chỉ một bài, trong khi chú em anh nghiệp dư những ba bài. Không công bằng. Không được!

- Thôi ông ạ. Cuộc đời như cây mía đầy mắt. Tuổi ắt Dậu chúng tôi là cái mắt sâu. Các ông là phần mềm, phần ngọt...

Anh bạn cười rất lạ, hiện hậu nhưng không ra tán đồng, không ra phản ứng. Cái lừa sau đến nụ cười cũng rất khác. Cười giả, cười nhạt cũng đã thấy sượng.

Sau đó có liên hoan bún ngan theo “mốt”, mừng sinh nhật anh bạn lừa em cũng giàu sang phú quý, xê dịch hai, ba tuổi gì đó, không lợn thì chó. Từ đầu năm 2001, các công sở làm ăn được đua nhau mừng sinh nhật mấy anh cuỗm được nhiều tiền, bằng một hình thức rất dân tộc và đơn sơ là bún ngan. Lối thường trực thoát trở thành góc chợ quê bún mắm tôm, gọi cửa hàng đem vào, bún ngan, rau thơm bày nham nhở. Đang ngơ ngác ở cổng không biết nên vực vào ăn hay biến thì có tiếng gọi rất lạ:

- Vần ơ!! Lại Công Vần ơ!...

Chưa kịp định hình thì thấy một thằng người lạ hoắc, kính trắng áo đen, mái tóc thưa nhuộm lâu ngày bạc phếch như lông bò xù sở xa xôi nào, không rõ tuổi tác, thần sắc... đưa bàn tay như lưu manh vỗ đet vào vai:

- Trông cứ như lý trưởng!

- Lý trưởng cái con... Mày là ai?

- Trướng đây mà!

- “Biến” lâu rồi cơ mà?

- Về rồi.

- Về hử à?

- Khô... ông...!

Thằng Trường bây giờ là ông tây nói giọng tây thứ thiệt, chứ không phải giả

cây. Thằng bạn trí lự, mắt lúc nào cũng nheo cười sau cặp kính, tinh quái nhưng không hề xoi mói. Hồi cùng lứa đầu xanh tuổi trẻ về cùng cơ quan, một lần Trướng ghé sát cặp kính vào tai tôi.

- Cùng ắt Đậu đấy nhé! Liệu mà sống với nhau!

Trướng làm việc giỏi. Hồi tình hình lộn xộn, khó khăn đủ thứ, một lần Trướng xin phép đi công tác Hải Phòng, rồi mất tích. Hóa ra Trướng ta sung vào đội thuyền nhân đưa vợ con di tản Hồng Kông. Lần ấy thuyền gặp nạn, cá mập xoi gần hết, cả cặp vợ chồng ca sĩ nào đó. Trướng thoát nạn. Chẳng hiểu vợ con có thoát được không, người ta không hỏi, không nói về gia cảnh của một thằng di tản. Chỉ biết “thằng Trướng di tản rồi”. Thế là đủ!

Ngồi cùng mẹt bún ngan thời mới ở công sở sau hơn hai chục năm xa, tôi thấy Trướng là một người lạ hoắc. Không ra già không ra trẻ. Không ra tây không ra ta. Không ra trí thức không ra lưu manh cao bồi. Không ra giàu sang, không ra thất cơ lỡ vận... Tóm lại là một thằng người tạp phí lù lụ nhất hành tinh. Chỉ để lại di vết ở anh “Trướng ắt Đậu” xưa chút tình, chút ma mãnh mà khờ khạo của người đồng tuế. Tôi gấp miếng tiết ngan thâm xịt bỏ vào bát Trướng, mừng Trướng trở về thăm Tổ quốc. Trướng ngượng nghịu: “Cám ơn”. Tôi để vào vô duyên “Thanh-kiu”. Trướng đẩy cặp kính trắng hếu, tay cầm đôi đũa ngượng nghịu như không quen nữa:

- Bên Mỹ, tớ lái xe đi làm xa đến trăm cây số...

- Làm gì?

- Tạp phí lù. Làm báo thì từ chân Tổng biên tập đến tay đưa báo. Công nghệ tin học thì từ giám đốc phần mềm đến việc khiêng máy, bán máy, ăn cắp máy... Rồi quán ăn, bung bê, rửa bát, giặt bàn, đủ cả...

Bất chợt Trướng vươn cái cổ cò xuống đĩa rau thơm, cười hồn nhiên, phô hai hàm răng khấp khểnh: “Bên ấy cũng có món húng này ông ạ. Chỉ tuyệt nhiên không có món thịt chó. Tớ từng làm đủ thứ hàng ăn. Xả thịt nấu

nướng đủ loại con vật. Duy không thịt chú cẩu nào. Bên Tây họ trừ chó...”

Đang nói hồn nhiên thì quặt sang chuyện khác, như người lẩn tránh:

- Tuổi ất Dậu thì dù gà què ăn quần cối xay xem ra thành đạt như các ông, hoặc phiêu bạt đến xứ sở thần tiên nào như cánh tứ, thì vẫn khổ như kiếp chó ông ạ. Người ta trừ chó ra là đúng đấy!...

Nói rồi Trương đẩy thẳng cặp kính lên, kính và mặt đều trắng hếu, tro ra vô cảm như tượng. Đến lượt tôi phải hích anh ta một cái:

- Về hẳn chứ?

- Chưa biết!

- ở hẳn chứ?

- Chưa biết!

- Làm gì nữa để sống?

- Chưa biết!...

Trước mắt tôi lúc này rõ ràng là anh bạn Trương ất Dậu đáng thương, còm nhom như một thầy dòng đọc lên những câu kinh mơ hồ “chưa biết”. Hoặc giả một chú chim lạ loài bay hết cả vòng trái đất mà chưa tìm được chốn đỗ đến mức phải kêu lên những tiếng “khiếp... khiếp”...

Bất chợt Trương thò đôi đũa run run gấp lên miếng gan ngan rồi cứ thế mà soi mãi trước cặp kính như thể người ở hành tinh kỳ dị nào lần đầu mới nhìn thấy. Miếng gan ngan vàng ệch như chính màu da anh Trương vậy.

3. Đoàn ma đói năm ất Dậu xộc vào nhà tôi lúc nửa đêm. Tiếng thanh la náo bật như diêm vương đi bắt người.

Thiếu một thằng ất Dậu nữa. Trốn đâu ra mau. Tìm mấy chục năm nay!

- Chẳng có ai ất Dậu ở đây cả. Xin các quan!

Mở mắt thì thấy hai thằng bạn thân cùng tuổi ất Dậu học với nhau bốn năm ở bậc đại học đi đầu đoàn người. Đó là thằng Định và thằng Hải, cả hai đều

học giỏi, tài hoa.

Một thằng nói:

- Cho tao vai bia!

Thằng kia nói:

- Cho tao chén rượu!

Thằng Định gầy nhom, đầu đội khăn xếp, cũng kính trắng, dưới lại com lê giày đen. Nó chết hơn hai chục năm nay rồi. Vào đời làm việc giỏi, đẹp duyên với một cô vừa trí thức vừa nghệ sĩ. Chỉ tội thể chế ganh ghét, cô vợ cũng ghét bỏ, chàng đam nghiện bia rượu. Bán hết sách vở nhà cửa, cuối cùng phải bán trộm đến cả cái phích nước cơ quan. Bị kỷ luật đuổi việc cho đến ngày thân tàn ma dại, đắp chiếu chết trong một túp lều, thò hai bàn chân vàng như bôi nghệ.

Thằng Hải vẫn đẩy người như hồi đi học. Bây giờ là ma rồi, nó bận bộ y phục màu điều như nhà sư. Hồi đi học nó ghét thơ kinh khủng. Vào đời đến quá tuổi “tri thiên mệnh” qua chiến trường khói lửa rồi, mọi thứ gần đủ rồi, nó trở chứng yêu thơ đến phát rồ phát dại. Nó bảo: “Làm thân con gà năm đói thì chỉ làm thơ mới sống được”. Nó chán tất cả, tiền bạc, chức tước, tình ái, hạnh phúc, chỉ có thơ, từ câu lục bát cho đến trường ca. Cuối cùng thơ không cứu được nó, năng thơ cũng hắt hủi nó. Một buổi nó tìm ra bãi cỏ ven hồ, nhìn trời đất rồi đọc vang lên mấy câu thơ vô vọng nào đó, nhảy xuống hồ tự tử...

4. Khi người đàn ông tóc hoa râm da môi mà ngỗ ngáo như thanh niên, tự xưng là Đinh Văn Dậu, tấp vào nửa căn hộ của người đàn bà quá lứa tên là Miến, thì người ta chỉ biết ông ta từ Thái Bình lên, bỏ vợ con đi phiêu bạt tứ chiếng.

Trình chứng minh thư nhân dân để làm hôn thú hửn hoi thì chính tên là Đinh

ất Dậu. Sau chạm hủ hoặc để che ất Dậu đi cho dễ làm ăn, nên gọi nôm là Đinh Văn Dậu.

Dậu khoe văn vẻ rằng nhà mình ở cột ki-lô-mét đầu tiên của đất Thái Bình, nơi ngày xưa cái ông Võ An Ninh đã chụp bức ảnh nổi tiếng năm 1945 về nạn người chết đói. Nơi ấy đạo trước mọc lên cây xăng đầu tiên, gọi là “Cây xăng Đinh Văn Dậu”. Xe cô đi qua ai cũng biết.

Bấy giờ ông Dậu còn là trưởng phòng vật tư hét ra lửa của một tỉnh vùng lúa. Ít lâu nghe nói cây xăng ấy là “cây xăng tham nhũng”, tự dung bốc cháy. Chủ của nó bị khởi tố và trốn đi đâu mất tích.

Người đàn ông mất tích có mặt khắp nơi, tự xưng là giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn, một ngày tấp vào đời cô Miến. Dậu cười nói hênh hếch, mở mồm là tiền và xe, lời và lãi... Tóc bạc da mồi, áo quần hôi hám bản thủ. Mà tuyên bố:

- Tôi sẽ đổi đời cho cô Miến!

Lại nói:

- Đây có nhiều cô quá tuổi. Tôi sẽ mở cửa tất!

Nghe nói đàn ông Thái Bình có kiểu táo tợn như vậy.

Một ngày ông Dậu kéo về nhà cô Miến một lũ bưng beo như tù trốn trại.

Hóa ra ông Dậu gom người ở bến bến tàu về nhà cô Miến dựng lên cái gọi là “Cơ quan ma”. Lũ này mở miệng là “báo cáo xếp”. Rồi cũng họp giao ban phân công việc này việc nọ. Chỉ tội cô Miến lỡ thì ba chân bốn cẳng lo bữa ăn theo xuất lính trại.

Hóa ra ông Dậu xưa bọn này lên mạn ngược, nhận làm một đoạn đường núi khi ho cò gáy nào đó. Bất tin hàng năm rồi nghe đâu đổ bể, lũ quét trôi cả đoạn đường làm đôi, làm ầu, chủ thầu là Đinh Văn Dậu bị khởi tố. Chỉ tội cô Miến.

Một ngày ông Dậu xuất hiện. Hôi hám và dờ dẩn, chỉ khoác độc chiếc áo

dày sù. Về với cô Miến ban đêm, sáng mai lại đi ngay như ma. Kẻ thóc mách được dịp mồm mép: “Tù trốn trại”. Điện thoại réo các nhà chung quanh như có lệnh bắt. Đêm từ hộp nhà cô Miến nghe tiếng đàn ông ho như ai bóp cổ, rồi tiếng ngáp nửa chừng như có bàn tay đàn bà bít lấy mồm. Sau đó “người ma” lại mất tích. Cô Miến đóng cửa chờ đợi trong vô vọng. Chẳng hiểu cái ông Đinh Văn Dậu ấy đi đến đâu rồi. Người ta xì xầm: “Ông ta bảo tuổi ất Dậu đã khổ, gặp phải cô Miến cũng ất xung nữa, thành ra việc gì cũng đổ bể”. Người ta còn nói: “Đáng đời con trống già hợm của”. Bên này bức vách là nhà thơ Lại Công Vãn, cũng bạn đồng tuế ất Dậu với nhau. Không muốn cũng cứ nghe rõ mồn một. Thật sợ cho những gì khởi đầu bằng ất. Thật khổ cho cội ất Dậu. Cả ma, cả người và những thứ chưa được thành người.

Xóm Mỏ Hương, 1/7/2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Đi xe Giao Thủy

Ai đó bảo rằng xứ ta đặt tên đất tên người theo kiểu ăn theo nói leo, sinh ra những cái tên mòn sáo vô duyên. Người nói thế cũng do đi chưa nhiều, hiểu chưa sâu. Ngày nào tiếp quản Sài Gòn, tôi gặp một Giáo sư - Linh mục nói giọng Bắc: “Tổ tiên tôi ở ngoài đó, vùng Giao Thủy. Mỗi lần nghe đến cái tên đẹp đó là tôi nhớ lắm, mất ngủ đến hai ba ngày đêm”. Tôi bảo: “Vâng, tôi

cũng mê những cái tên đẹp vùng quê Ngải như Giao Thủy, Quất Lâm, Hải Hậu... Những cái tên thật mỹ lệ và bình dị, không đâu có!”. Vị này nói luôn: “Ông nói đúng, những cái tên đó xem ra hay hơn cả Tàu. Bởi vì nó là Hán tự nhưng đã được nhuận bởi cái hồn người Việt. Lại có cả màu sắc Tây học và Thiên chúa...”. Tôi được thể nói luôn: “Ngải nói đúng. Tỷ như anh Tàu có Quế Lâm, nhưng ta là Quất Lâm. Tiếng Quất nghe mới đã!”...

Vị Linh mục nghe cách nói bậm trợn của cái anh vẻ như ít học, thì vội lùi ra, mắt buồn thăm thăm nỗi nhớ quê hương Giao Thủy.

Vậy mà có ngày tôi về Giao Thủy!

Chiếc xe đò có bảng chữ “Giao Thủy - Quất Lâm” khắc màu xanh nước biển rất gợi, đậu chễm chệ trong lối cổng sắt bên xe Nam, trông rất lịch sự. Phía sau xe đủ chủng loại xếp theo hình nan quạt. Anh lái đội cái mũ cối, nói tỉnh bơ: “Xe chất lượng cao. Xin mời!”. Người nhà xe từ đâu túa ra. Đầu nói, mắt nói, mũi nói, miệng nói... Người nào cũng nhanh nhẩu, đội các loại mũ như người ở xứ biển Mêhicô xa xôi nào. Nước da nâu đen lạ lùng, chứng tỏ nắng gió và sức lực. Đầu buổi sáng còn nhòe mặt người, khách lơ phờ. Chưa kịp bước chân qua cửa sắt đã có bàn tay kéo, với những thanh âm tha thiết: “Giao Thủy! Giao Thủy đây!”.

Tôi nể tình anh lơ, cứ bước lên lên xe. Xe sang thật. Ghế hai người ngồi, bọc tấm nhựa trắng xóa. Phía trên có ảnh Đức Mẹ với những chùm điện như kim tuyến nhấp nháy liên hồi. Bên cạnh là chiếc đồng hồ tròn mạ vàng cỡ lớn. Hỏi: “Máy giờ chạy?”. Lơ nói trịnh trọng: “Đúng sáu giờ mười phút!”. “Thế ở dưới Giao Thủy lên?”. “Dạ đúng mười hai giờ mười lăm phút!”. Mặt anh

lơ nghiêm trang, tỉnh bơ. Khách cảm thấy vui vì được hẹn chính xác bằng phút. Thật hiếm có trong thời buổi này. Một chốc anh tài bước lên, đảo mắt nhìn khắp, rồi cúi xuống ảnh Đức Mẹ, đưa tay làm dấu Thánh rồi mới ngồi vào buồng lái. Máy nổ giòn giã rồi tắt lịm.

Sáu giờ mười lăm vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Bà đi buôn nằm dài từ khi chưa ai lên xe nói lấy lòng: “Chính xác tuyệt đối”. Giờ lại ngáp dài dài giọng: “Dào, cũng tùy. Chẳng biết đâu được”. Người Bắc có lối nói đa hệ đa kênh, hiểu cách nào cũng được. Khoảng giữa có hai bà đi lễ, túi đầy vàng hương. Một chàng trai chừng hai mươi tuổi, ngón tay ngón chân dài yếu như chàng Sở Tử nước Tề trong phim Lã Bất Vi. Chàng tóc đen, kính đen, áo quần đen, cái áo lót hở ra cũng đen, giày đen. Đen tuốt, chắc là đang theo học một trường Dòng xứ Đạo địa phương. Cô gái ghế sau đầy chữ ngoại quốc trên ngực áo dệt trắng, mắt sắc như dao cau... Khách dạo này có vẻ ít. Chẳng hiểu vì lẽ gì mà xe Giao Thủy lịch sự, sang thế, mà khách nào đi qua cũng đưa mắt liếc một cái dè chừng như người đi qua đám ma. Trước tình hình đó anh lái Giao Thủy lại rờ máy. Các xe phía sau đang xếp ngăn nắp theo hình nan quạt cũng nổ máy rồi lượn lên một chút. Kiểu lượn rất lạ, chẳng nhằm mục đích tranh cướp gì rõ rệt, chỉ điệu một chút như chàng trai quê đóm đáng. Tức thì anh lái Giao Thủy cũng không vừa, bật to cái công tắc nhạc, những bài hát quen thuộc về vùng quê hương cất lên với giai điệu mạnh mẽ. Chàng trai áo đen thầy dòng nhú lông mày khó chịu, nhìn đăm chiêu lên tượng Đức Mẹ. Xe vùng Giao Thủy, Quất Lâm, Hải Hậu... ra “đòn” như ra quân. Khiếp quá!

Bỗng phía đầu xe âm lên như có đám cướp. Tôi vội bước xuống thì thấy một ông già ăn bận rất chỉnh chu, mặt dài và gầy khô như một diễn viên điện ảnh

già nhất của nước ta vẫn thường thấy trên tivi, một tay ôm chặt cái túi, một tay vung lên:

- Để tôi yên!

Hóa ra cụ lên cơn trước những cuộc níu kéo. Đầu tiên là anh lơ xe Giao Thủy, theo thói quen, ra đón cụ ở cổng sắt. Cụ như người hốt hoảng, lao qua cửa sắt: “Để tôi yên!”. Một chốc đám bán bánh mì, xôi lạc,... hè nhau níu kéo, cụ lại co chân chạy: “Để tôi yên!”...

Thấy tôi, biết không phải loại người lừa đảo, trộm cướp ở bến xe bến tàu, đang đứng với mấy anh xe Giao Thủy, cụ sà đến gần, mắt lơ lảo hỏi:

- Đi Cầu Giẽ, giá tiền bao nhiêu, thưa các ông?

Tất cả im lặng. Cụ lại hỏi, lại im lặng. Năm, bảy lần, vẫn im lặng. Cụ gào lên:

- Ô cái anh xe Giao Thủy lạ nhỉ. “Bí mật quốc gia” cả chiếc vé xe!...

Cụ không biết, đó là cái mẹo của anh xe Giao Thủy. Vấn đề là cứ lên xe, chạy cho ngon cho đúng giờ, còn chuyện tiền nong thì đừng có hỏi, vô tư đi. Chính xác tuyệt đối. Đi xe Giao Thủy là sướng được khoản ấy. Biết tôi cũng nóng lòng muốn biết giá vé, không thích lối “đi bài ù” đầy nghệ thuật của anh xe Giao Thủy, anh lơ đến bên cụ già, ân cần:

- Vậy cụ đi đâu nào?

- Cầu Giẽ!

- Quy định tám, chúng cháu lấy sáu. Cụ thấy xe Giao Thủy chưa nào?

Cụ già cũng không vừa, núm áo tôi:

- Đồng chí làm chứng cho tôi nhé. Tình đồng chí cốt nhờ nhau lúc này đây!...

Nhìn qua ánh mắt, y phục và lời nói, biết cụ già bảy mươi tuổi này từng là người cán bộ căn cơ, nếu không nói là rất hách.

Xe chạy dọc quốc lộ 1, qua những cây cầu đang làm như hồi chiến tranh, qua những hồ sen thơm ngát. Xa xa giữa bạt ngàn ruộng lúa, là những tháp nhà thờ nhấp nhô. Chàng thầy dòng áo đen thấy cảnh đó thì mắt dại đi, rồi nhìn lên ảnh Đức Mẹ, miệng nói thầm những câu gì đó. Chứ bình thường tuyệt nhiên không hé miệng. Nhà xe đi thu tiền một lượt từ trên xuống dưới. Bỗng có tiếng la ó:

- Ông ơi! Đồng chí gì ơi!

Tất cả nhìn lên. Vẫn cụ già ấy.

- Đồng chí gì ơi, làm chứng cho tôi! Ngồi đâu nhỉ. Hồi nãy mới giao kèo là sáu đồng, giờ đòi mười đồng!

Nhà xe vẫn cương, dứt khoát đòi tiền. Cụ già đứng dậy gào lên:

- Đòi tôi toàn bị lừa!...

Ầm ỹ cả khoang lên. Anh lái xe thấy vậy nhìn vào ảnh Đức Mẹ, đưa tay chạm vào ngực. Xe lảng đi một cái. Nhìn sang, chàng thanh niên áo quần đen cũng nhìn ảnh Đức Mẹ, cũng ấn tay vào ngực, chỉ khác miệng lầm rầm: “Bằng an cho chúng con. Amen!”. Thần sắc anh lái và chàng rất giống nhau lúc này.

Cụ già lại gào lên: “Nhất định tôi không chịu. Sáu đồng là sáu đồng. Tôi sẽ kiện lên tận cấp trên”. Cô gái bây giờ mới cười to lên. Người bán vé chẳng hiểu ma mãnh hay có cái mẹo của người Giao Thủy, hỏi lại: “Vậy cụ xuống đâu?”. “Đã bảo: Cầu Giẽ!”. Người bán vé vội nói: “Vậy thì nhà xe Giao Thủy xin lỗi cụ. Tưởng cụ xuống tận cầu Bằng Khê. Chúng tôi cứ là công bằng văn minh!...

Chờ cho đến Cầu Giẽ cụ già xuống, mọi người mới thở phào nhẹ nhõm, như tránh được món nợ. Tôi thấy thương cụ già bảy mươi tuổi. Chàng áo quần đen bây giờ mới nói, mắt mơ màng nhìn lên ô vuông trời xanh trên trần xe:

- Người vô thần, cuối đời thường hoảng loạn!

Tôi ngửa miệng:

- Thanh niên, sao cậu nói như người già vậy?

Bèn đáp lễ phép:

- Thưa, đúng vậy ạ!

Nhìn vào mắt tôi thấy vẻ hờn giận thương xót khác thường, chàng ta động lòng:

- Cháu về chào quê ngoại bên Giao Thủy. Mai cháu đi tàu vào Sài Gòn thăm người ông họ đi từ lâu, giờ là Linh mục ở Xứ đạo Kỳ Đồng!

Tôi giật bắn mình:

- Cụ quê Giao Thủy?

- Vâng!

- Cụ là Giáo sư Linh mục?

- Sao thế ạ? Sao chú đoán như thánh hiền vậy ạ?

Tôi im lặng hoàn toàn.

Bèn hỏi cậu học sinh trường Dòng:

- Vậy quê cậu ở đâu?

- Dạ thưa, quê nội bên Thái Bình. Cụ Tổ năm đời của cháu xưa từng đi xứ sang tận Mỹ đấy ạ!

Tôi lại giật mình, nghĩ đến chuyện cụ Bùi Viện xa xưa. Chẳng hiểu thực hư thế nào cả!

Xe chạy dọc những con đường vừa qua trận lũ, phù sa đỏ ngầu. Xa xa là những tháp nhà thờ xứ Giao Thủy. Biết sắp chia tay, chàng nói:

- Bộ y phục này là của nhà Xứ may cho cháu, để cháu đi tìm gặp ông!

Sau một hồi còi, như lời chào từ biệt, anh lái nghiêng người về phía ảnh Đức Mẹ, chàng bận quần áo đen cũng làm như vậy. Họ đều đưa tay làm dấu Thánh, thở phào như một sự an lành...

Như cả xứ biển Giao Thủy cất lên một tiếng: Amen!

Giao Thủy, phòng 303, sau lụt lớn, 11.8.2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Tước hiệu đàn ông

Tôi thế mà quê mùa cỡ cỡ một cục, tưởng cứ gọi số máy điện thoại di động dài ngoẵng 091520909 là thế nào cũng nghe tiếng nói thân thiết tại ngôi biệt thự xinh xắn ở đường Tàu Bay hoặc giả một góc nào đó di động trong thành phố. Vậy mà bấm máy xong thì nghe tiếng sóng tiếng gió ầm ào từ một cửa biển xa lắm. Hóa ra bạn tôi tạm biệt ngôi biệt thự của mình, đưa phu nhân đi nghỉ biển. Thật đúng một và thành đạt, việc gì ra việc ấy. Tiếng nói rất vui trong tiếng sóng biển: “Vâng, tôi đây, Ngọc đây...”.

- Anh đang ở đâu đấy?

- Khách sạn Hương biển...

- Nói chuyện với cô nhà tôi chút nhé!...

- Vâng, cảm ơn. Anh sướng quá, làm việc gì cũng ổn, lại việc nào ra việc ấy.

Đúng thế. Nếu bàn đến việc phong tước thì anh Ngọc là một trong những người đàn ông thời nay được nhận “Tước hiệu đàn ông”. Cái thời buổi mà đa phần đàn ông biến thành đàn bà, một số á nam á nữ, số ít thì lại ra vẻ đàn

ông quá, ranh ma mà ngu xuẩn chỉ biết tiền, chức, gái và thịt chó... Anh Ngọc không làm ra vẻ ta đây là đàn ông nhng lộ ra rõ ràng chất đàn ông. Thậm chí nhiều lúc anh lẩn vào chất ồm ồm dẹt dẹt của đàn bà, cuối cùng vẫn thòi ra một anh đàn ông chính hiệu. Thế mới là chuyện lạ!

Đã bảo chất đàn ông của anh là việc gì cũng ồm, lại việc nào ra việc ấy. Mới đây anh dựng dậy được “mối tình đã chết” mười mấy năm trời của tôi và em Lan. Dựng gì dậy không khó, cả việc dựng không thành có, dựng xấu thành tốt, dựng ngu dốt lên ghé này ghé nọ... Thời nay đều dễ như bỡn. Còn dựng “mối tình chết” thì chẳng dễ chút nào. Như đề tài học về phẫu thuật, về phẫu tích... Còn lạ hơn chuyện chú mèo ma nhảy qua thi hài thì thi hài đứng phắt dậy...

Tôi và em Lan yêu nhau mười mấy năm trời từ lúc em là cô gái xinh đẹp mười tám tuổi. Cuối cùng em nói: “Tình yêu của chúng mình đã chết. Xin anh coi như là em đã chết!”.

Vậy mà hôm qua sau cú điện thoại rất vui của anh Ngọc: “Mời anh trưa nay đến liên hoan món bún với vợ chồng tôi nhé, như ngày xưa ấy mà”, tôi đến ngôi biệt thự của anh ở đường Tàu Bay, thì từ ngoài cửa kính khổng lồ đã nhận ngay ra bóng dáng em Lan xưa ở đó. Từ cô gái mười tám, nay em đã là người đàn bà khép lại thời thiếu nữ của mình từ lâu rồi...

- Em có nhận ra anh không?

- Có.

- Anh có nhận ra em không?

- Có.

- Vậy thì anh chào em!

- Em cũng chào anh...

Trong căn phòng khách đẹp có mặt lúc này cả anh Ngọc và chị Lê, tôi và em đưa mắt nhìn nhau như người ma, người thiên thu. Đôi mắt ấy tôi vẫn nhận ra nét đẹp riêng, dù thời gian đã phủ lên như một tấm voan dày. Vẫn cảm thương, không hề có thù hận, dù người này đã “để chết” cho người kia. Cám ơn và phục tài anh Ngọc (có cả công chị Lê vợ anh nữa) bằng cách nào đó khiến cho tôi và em Lan gặp lại được nhau khi đã có “lời nguyện” không gặp lại nhau nữa, như lời nguyện trước dòng sông. Công đầu là của anh Ngọc. Tước hiệu đàn ông dành cho những người phá được cái hơi thở sự sống, làm cho “mối tình chết” sống lại chẳng?

Lần lại “hồ sơ bệnh án” một chút.

Bấy giờ có chàng trai cao, mảnh khảnh, da ngăm đen nắng gió, vừa như anh thợ cày vừa như thi sỹ đồng quê. Về sau được biết, chàng vừa tốt nghiệp đại học ngành địa chất, đang đảm đương công việc kiến trúc xây dựng, lại là chàng trai mơ mộng làm thơ viết văn. Gần nữa thì biết chàng đã sớm hoàn thiện thiên chức người đàn ông, nghĩa là sớm có vợ, một tiểu thư Hà Nội có nhan sắc, có nhà, dù chỉ là gian cấp bốn hồi đó đã là oách lắm rồi, sớm có con, trai hay gái tôi không rõ. Tôi và em Lan bấy giờ thỉnh thoảng xuống căn

nhà cấp bốn rất xinh của anh Ngọc và chị Lê, có dàn hoa trước cửa, dự thân mật bữa bún liên hoan hoặc một món gì đó. Ngoài “tình thơ” của tôi và anh Ngọc, chị Lê và em Lan còn có tình chị em gái Hà Nội xinh đẹp, rất khuê các cũng rất đời. Dấu ấn của họ là da trắng, mắt mở to như hiểu thấu tất cả, nụ cười vừa trữ tình vừa cao sang. Lần đầu anh Ngọc đọc cho tôi nghe bài thơ tình có thực trong căn nhà cấp bốn của anh, về cảnh một ngày mưa, giọt mưa tung tóe trước mái hiên, chị Lê ngồi rửa bát...

Tôi thì đang gặp khó khăn, không có được “mái tranh cấp bốn” như anh Ngọc chị Lê để đặt “hai trái tim vàng” vào đó. Từ đó sinh ra khỏi chuyện...

Một tối ở bờ đê đắm ánh trăng:

- Hôm qua bố em đến thăm thủ trưởng cơ quan anh đấy. Cụ bảo thằng nào yêu con gái cụ bao năm nay mà cứ như áo gấm đi đêm, chẳng biết mặt ngang mũi dọc ra thế nào cả.

- Chết! Lại có chuyện đó?

- Vậy sao anh không lên nhà em?

- Anh chỉ có mỗi cái xe đạp mi ni cóc gặm này...

- Không sao! Anh cũng cứ lên. Để các cụ biết mặt, cho quen đi. Sau dễ thừa chuyện...

- Lại còn chuyện nhà cửa!...

Anh Ngọc “đón đầu” ngay được và trước đó đã chìa ra bàn tay từ thiện:

- Tôi sẽ tìm cho anh một hộp nhà ở trung tâm thành phố. Cốt để chàng trai ất ơ như anh có khả năng mua được.

Hôm sau anh đưa tôi đến phố Hàm Long, chỉ vào một khu đất mà thợ của anh đang đào bới ngổn ngang ở đó:

- Đây, nó ở trong khu đất này đây. Cánh xây dựng địa chất chúng tôi chỉ cần có mảnh đất không làm vào “căn bệnh huyền phù” là có thể dựng nhà, xây hạnh phúc ở đó được!

Rồi anh nói rất vui:

“Huyền phù” là từ địa chất. Nghĩa là tình trạng đất ương ương dờ dờ như tính tình người ta ấy, không trôi không lắng... Chúng tôi sợ nhất cảnh đó!

Hai từ “huyền phù” của anh chẳng ngờ từ đó ám vào tình yêu của tôi và em Lan. Từ địa chất về đất đai ấy như định mệnh, như ma quỷ thật đáng sợ. Khô nhất là nó vận vào tình cảnh trai gái thương cảm nhau, vì lẽ vô hình và hữu hình nào đó, mà không lấy nhau được, cũng không bỏ nhau được.

Anh Ngọc gặp và hỏi:

- Anh đã lên nhà thăm các cụ chưa?

- Chưa!

- Anh quyết tâm mua đất ở đây chưa, dăm bảy mét cũng được?

- ...

Anh Ngọc im lặng lắc đầu, lộ nét thương cảm buồn giận xa vắng.

Ngẫm lại, mối tình “huyền phù” của tôi và em Lan, chỉ có những người như anh Ngọc mới thấu hiểu và ra tay cứu giúp. Tôi ân hận đã không làm đúng như hai điều anh Ngọc chỉ ra. Nếu làm đúng hai điều đó thì chắc chuyện tôi và em Lan đã nên cơm nên cháo rồi...

Cuối cùng, tôi chỉ còn cảm nhận được ở mối tình “huyền phù”, mối tình chết” của tôi và em một cái gì còn lại bi tráng.

Tôi lại ngơ ngẩn bắt gặp mối tình của mình trong một bài thơ của anh Ngọc xuất hiện ngày đó và soms trở thành nỗi tiếng. Cũng như ma quỷ vậy. Bài thơ ấy như sau:

Hai phía võng ru
Chúng tôi tìm thấy hài cốt của anh
Không phải dưới ba thước đất
Cũng không phải dưới tầng tầng lá mục
Hai dưới cỏ lấp vùi

Hài cốt của anh giữa lưng chừng trời
Trên chiếc võng dù nắng mưa bạc phéch
Thời gian thời gian đã đưa võng lên cao
Cùng với trăng sao và sức sống cây rừng...

Vân... vân

Vân... vân...

Tất nhiên đây là bài thơ anh viết về sự hy sinh của những chiến sĩ vô danh trong chiến tranh. Sau cơn sốt rét ác tính, người chiến sĩ nằm trên võng mà đi vào thiên thu. Bài thơ không phải thơ tình, mới đọc tưởng chẳng liên quan gì đến những điều riêng tư của mỗi người như tôi và em Lan. Nhưng dù sao đây cũng là bài thơ về cái chết, được cả giới thơ biết đến. Anh Ngọc là người đàn ông có tài phả hơi vào cái chết, làm cho nó được sống lại ở một thế giới khác. Vậy thì tôi có quyền bầu víu vào bài thơ mà suy tưởng những gì về mình, về tình duyên của mình. Phải chăng mối tình của tôi và em Lan cũng vậy, chỉ sau một “đơn sốt rét ác tính” của tình yêu rồi cứ thế mà tắt thở trên chiếc võng ru. Và chẳng phải mới đây anh có tài cất lời ru cho nó thức dậy. Nói anh Ngọc là người đàn ông có tước vị là vậy.

Đúng dịp đó, anh Ngọc lại làm tôi bất ngờ khi anh đưa cho tôi xem một thiên truyện ngắn của anh, cũng về cái chết. Cái tên rất rộn: không phải chết lâm sàng. Anh đa tài quá. Câu chuyện đầy về ma quỷ nhưng lại rất thực. Một người đàn ông thời nay, giàu sang - chức tước, chết cứng trong tòa nhà kín cổng cao tường của mình, mắt cứ mở trừng trừng không khép lại được. Bà vợ đưa hết trí lực của người đàn bà bình tĩnh buông tấm màn xuống, như không có chuyện gì xảy ra, rồi đi mời bác sĩ đến chữa bệnh cho xác chết...

Xác chết vẫn mở mắt trừng trừng, bởi cả âm lẫn dương. Thời ta đang sống rồi sẽ có nhiều cái chết không nhắm được mắt như vậy. Lâm sàng là một từ y học, đối nghịch có phi lâm sàng. Hóa ra anh Ngọc còn giỏi cả về y lý.

Đương nhiên, ăn mỗi người mỗi nét, chết mỗi người mỗi bệnh. Cái gã đàn ông chức tước giàu sang trong thiên truyện độc đáo của anh Ngọc, chết không nhắm được mắt, vì lẽ gì thì chắc bạn đọc thừa hiểu. Còn những ai đó thì có thể ngược lại, không nhắm được mắt vì nhớ thương vô vọng đến mòn mỏi.

Phần tôi, bây giờ lại đến lượt bị cái chết từ thiên truyện của anh Ngọc ám ảnh. Cũng như bài thơ trên. Thật tội, hồng một mối tình đã là chuyện nước mắt buồn đau. Nhưng kỳ lạ là sau đó, thấy những gì xảy ra trong cuộc đời đều như vụn vào mối tình đã chết. Từ đó sinh ra liêu trai chí dị, sinh ra tâm thần hoang tưởng...

Trong cuộc đời từ thuở nào người ta từng khuyên đôi lứa là dù thế nào thì cũng giữ lấy tình yêu, đừng để tình yêu tắt thở. Mọi cái chết, nhất là mối tình chết, càng về sau nó ám vào ghê lắm, không thể lường được. Cả lâm sàng và phi lâm sàng.

Còn anh Ngọc, người đàn ông làm việc gì cũng ỏn đã lấy lại hơi thở cho “mối tình chết” của chúng tôi. Như những ngôi nhà, những trang văn trang thơ, anh đã xây lên, xin hãy coi đây như những huyền thoại.

Phần mình, tôi vốn không hám và chẳng tưởng những tước hiệu chức vị mà người đời bày đặt ra, cả ta và tây, xưa lẫn nay. Nhất là thời nay toàn danh hão. Dù biết mình có thể nhầm lẫn ngớ ngẩn, vẫn cứ mong tìm lại những

danh hiệu đẹp như Công tước, Bá tước, Huân tước... thậm chí cao hơn nữa, để tặng cho những người đàn ông như anh Ngọc, bạn tôi./.

Xóm Hương Mồ, cực nóng 12/7/2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Võng mắc vào biển

Biển đêm. ở cửa biển du lịch mới được khai phá này tựa như một đảo hoang. Biển thẳm đen như vực xuống tầng rất sâu với những tiếng trầm “oàm... oàm” rất kỳ lạ. Gió se se mát lạnh khác với mọi cửa biển khác. Triều rút rất nhanh, để lại những cọc đủ tầng đủ loại người ta cắm xuống để dùng cho công việc chài lưới và kinh doanh hàng quán, như trận địa thủy chiến thuở nào. Hàng cây mới đủ độ cứng cáp trước sóng gió trên mép bờ được dùng để buộc những chiếc võng dù. Đứng trong bờ nhìn mơ hồ cứ ngỡ một đầu dây võng được mắc vào biển. Gió giao qua lại, chúng hệt đàn chim về ngủ trước biển. Cách mắc võng như thể chúng đan cánh vào nhau.

Giọng trầm của người đàn ông chủ quán:

Anh nằm võng nghỉ cho mát!

Lại nói:

- Tối nay anh ngủ với em bé nhé!

Thường gặp ai, chủ quán cũng đơn đả mời chào câu thứ nhất. Còn khi ánh lân tinh của biển hòa cùng ánh đèn điện từ mù từ quán hắt ra soi lên mặt ông khách nào đấy thấy được thì mới có câu mời thứ hai. Nói rồi thức thì tiếng sóng biển đêm vỗ lên oàm oạp một cái, xóa đi tất cả.

Tôi tên là Hấn, còn có biệt danh người đời đặt cho là “Cáo Hấn”. Suốt một đời xê dịch vất vả, được đồng đội đồng chí gọi là “cáo”, cũng chẳng hay ho gì. Thuở bé tôi hiền lành vô sự, ông bà nội ngoại vì thương yêu mà gọi vui là “Cá trưa chợ” tức là lơ dờ, ngây dại. Vào đời chẳng hiểu sao lại hóa “cáo”. ở cơ quan từ lâu lắm, có anh tổng kết mấy câu xanh rờn, chẳng ra yêu chẳng ra ghét.

- Thế giới “cáo” nhất là Phương Đông. Phương Đông “cáo” nhất là Châu á. Châu á “cáo” nhất là Việt Nam. Việt Nam “cáo” nhất là Bộ T. (tức bộ tôi làm việc). Bộ T. “cáo” nhất có “Cáo Hấn”.

Tôi tự thấy mình hiền khô, thậm chí có nét đàn độn. Chẳng hiểu sao người ta lại đặt cho cái tên ranh ma vậy?

Toàn “cáo nhất” cả. Tôi cũng chẳng hiểu bản thân mình thế nào nữa.

Đi làm, chẳng rõ là quan hay dân, người ta dành hẳn cho tôi một phòng riêng, có điều hòa, điện thoại, máy vi tính tất tậ... nhốt “Cáo Hấn” vào đó! Trước cửa quán tôi ngồi lúc này có bốn năm cánh võng mắc xen vào nhau, quây quần rất đẹp. Chiếc võng ở giữa có người nằm, cuộn tròn đu đưa như một cánh dơi. Tôi đoán chắc là một cô gái, thuộc quán ông chủ. Người nằm võng vẻ nôn nao, một chốc lại nhồm dậ, nhìn ra biển rồi lại nhìn vào quán, cốt để tỏ khuôn mặt mình. Đúng là cô gái trẻ đẹp, có bộ ngực rất gợi, nhọn như hai hòn núi sót lại ngoài biển.

Bất chợt cô gái cất tiếng hát. Trước biển đêm, tiếng hát hoang dại thiết tha, đôi tai tôi bị thu hút lạ lùng không sao tả được.

Bài hát tôi thuộc từ nhỏ, do mẹ tôi hát vào đêm mưa. Lời bài hát như sau:

*... Ai bước đi ngoài sương gió
Không dừng chân đến em bẽ bàng
Ôi ngày tháng em mơ hình bóng chàng...
Từ xa đường vắng
Qua mùa đông rét, đến mùa thu chết
Rơi theo lá vàng...
Điệp khúc vút lên:
...Người ơi còn biết em nhớ mong!
Tình xưa còn đó xa xôi lòng
Nhờ bóng chim quyên, nhờ gió đưa duyên
Chim theo gió bay về
Chàng quên hết lời thề...
Lại đến đoạn:
... áo đàn hết rồi
Chưa quên dáng người
Chàng ngày nào tìm đến...
Còn nhớ năm xưa
Kề má say sưa
Nhưng năm tháng xa dần
Mùa thu chết bao lần!...*

Cô gái cứ hát đi hát lại mãi không chán, theo nhịp võng đưa. Tôi xúc động bàng hoàng bởi nhiều lẽ, chất “cáo” biến mất, trở lại người xưa “lờ đờ cá trucha chợ”, mắt lại đỏ như cá, gieo mình vào chiếc võng bên cạnh cô gái, chạm cả vào đùi cô. Cô gái cứ hát, mê mẩn đến không biết gì. Tôi ngهنh lên thì thấy chiếc võng bên kia quấy lên như cá, một chốc thì có cái đầu người đàn ông cạo trọc hếu ngẩng lên, miệng há hốc, tựa cái đầu lâu người. Một chốc thì thấy cái đầu lâu như vùi hẳn vào tóc vào ngực cô gái. Cô gái cứ

hát, một chốc thì xen câu nói tỉnh bơ, như là nói với riêng tôi:

- Anh đừng sợ. Đây là anh Ngổ, người xã này.

- Sao lại gọi là Ngổ?

- Chính tên là Vâm, đi bộ đội đặc công về bị tâm thần, gọi là “Ngổ Vâm”.

Chúng em quen gọi là Ngổ.

- Thế sao anh ta lại ở đây? Mất tiền không?

- Chừng năm nay rồi. Buổi tối nào, anh ta cũng đến đây nghe em hát. Chỉ nghe đọc bài này thôi. Rồi ngủ ở đây luôn, mưa gió cũng mặc, cứ ngủ trên võng.

- Cô cho anh ta ngủ?

- Vâng. Cứ nghe hát là anh ta hiền khô, ngủ như trẻ con. Không thì hung dữ, quần đảo suốt đêm, có khi gây án mạng ấy chứ...

- Rồi sao nữa em?

- Nghe say quá, mỗi lần đổ cả vào người em, là anh ta ngủ. Quen rồi. Em phải “từ thiện” với anh ta đấy!

Biển vào đêm sâu lại vỗ lên, oàm oạp như tiếng quái vật, như tiếng đêm hoang dại cho tiếng cô gái hát. Cô gái càng hát càng mê hồn, nhất là những câu tỏ thân phận mình. Cuộc đời kỳ lạ không thể nói ra được. Hai bên tiếng hát của cô gái là hai đối cực, là hai thằng đàn ông khác nhau, một bên là “Cáo” - Cáo Hân, một bên là “Ngổ” - Ngổ Vâm... Tôi day mình thức ngủ... Trong mơ tôi nghe mẹ tôi hát. Nhưng mẹ tôi và cô gái cũng là hai “cực người”. Cô gái là người của gió sương giữa thời buổi kinh tế thị trường. Mẹ tôi là người của đạo Nho xưa, ông dạy chữ Nho, làm thuốc nổi tiếng. Mẹ là con gái nhà lành. Có lần nằm võng mẹ tôi kể:

- Cạnh vườn nhà ông bà có dinh cụ Thượng. Cụ Thượng có nhiều hầu gái trẻ đẹp, không nhớ hết tên. Đêm đêm các cô gái hầu thay nhau vào nâng giắc cho cụ Thượng. Có những cô đẹp không được cụ “dùng” đến thì đêm đến tui

phận, mắc võng ngoài vườn, hát những câu bẽ bàng xa vắng. Các cô hát đến mức làm cho mẹ và các dì ở bên này vườn thuộc lòng cả bài. Mẹ hát chính là vì thương cảm cho thân phận các cô gái đẹp ấy. Cũng là để nhớ tuổi thơ sống cùng ông bà, trong khu vườn lạ lùng ấy...

... Ai bước đi ngoài sương gió

Không dừng chân đến em bẽ bàng...

Tôi mở mắt bàng hoàng. Cô gái đã ngưng hát mà sao tiếng hát vẫn quẩn quýt đầy cánh võng. Biển trở mình mỗi lúc mạnh lên. Cô gái giật mình, đưa tay bẻ “cái đầu lâu” đặt vào võng bên, nghiêng đầu sang phía tôi. Tôi cũng nghiêng đầu lên:

- Anh không ngủ được à?

- Vâng! Tên em là gì?

- ở nhà gọi là Hảo, đến đây cái đi là Hiền. Còn anh? Cho em biết tên để sau còn nhớ nhau...

- Cáo. Tên anh là “Cáo”...

Cô gái ngẩng cao đầu, cười lên một tiếng rất lạ, lộ chiếc răng khênh và đôi mắt long lanh. Khuôn ngực giờ đây mới căng hết sức trẻ:

- Anh không đùa đấy chứ? Sao anh lại tìm đến mãi tận đây?

- Còn em?

- Quê em ở Hoành Bồ. Em đến đây được một năm rồi. Hoành Bồ không có biển.

Rồi giọng cô chùng hẫng xuống, như biển vực xuống quặng sâu nhất, khác hẳn khi cô hát:

- Mai em về quê rồi, chấm dứt những “ngày sương gió”... Em về đi học nghề may!

Tôi có chút bàng hoàng. Cô gái ghé sát đầu tôi, tóc rất thơm:

- Em hát cho anh nghe rồi. Anh “thơm” em đi!...

Biển dào lên, đầy những ánh lân tinh ma quái.

Những chiếc võng nhất loạt bị gió biển đánh thức, như một đàn chim sắp vỗ cánh bay đi.

Hương Mỏ vui buồn, 25/8/2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Hồ phụ

Khu rừng Lương ngày xưa nhiều thú lắm, nhất là loài hồ báo. Chúng động đực suốt cả bốn mùa. Tiếng gầm thét cào xé truy hoan vẳng động cả một vùng trời, nhất là ở những bờ suối đẹp, vào đêm trăng. Nghe đâu cái ông nhà thơ nổi tiếng nào đó, viết được bài thơ kể chuyện con hồ nhớ rừng cũng nhờ dăm lần qua đây. Người già còn nhớ ông Thơ kể chuyện ông Hồ như người: “Giương mắt bé diều oai linh rừng thẳm!”

Cả trăm năm đàn hồ tinh khôi, hồ bố hồ mẹ sinh ra được những đứa con là hồ. Bỗng một dạo rừng như có loạn, suối cạn, trăng khô, đàn hồ như sinh nở tấp nập, nhiều hồ con sinh ra như “hồ quái thai”. Lớn lên có con mình hồ nhưng mặt lợn. Có con vằn hồ nhưng mình chó sói, tay chân gấu. Người ta kháo nhau thì thầm, sợ rừng nghe tiếng:

Xuyt. Lạ lắm vợ!

Cơ quan anh Cối đến đây lúc anh là thanh niên, chẳng bao lâu được nhắc

nhỏm ghế này chức nọ, được gọi là Lão Cối. Thường anh phụ trách mà sớm bị ghét thường được lên lão sớm. Quê đâu mạn đồng đất Thái Bình, học hành bằng con đường bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, đi hoạt động sớm. Được nét có chí và cầu tiến.

Anh Cối muộn mằn nhưng rồi cũng lập được tổ ấm gia đình, sinh được cả trai lẫn gái. Thằng con trai sinh ra đặt tên là Lùng, chắc vào những năm giặc lùng ráo riết, tính mạng con người treo trên sợi tóc. Cậu Lùng không giống cái dáng vạm vỡ, tay chân bắp chuối của bố, cũng không giống vẻ gầy teo xơ kiệt của mẹ. Tóm lại anh Cối sinh hạ được thằng Lùng, thế là mãn nguyện rồi. Giống ai thì mặc.

Lán bên bìa rừng có hoa và băng cờ. Người ta kéo đến có tổ chức phụ nữ, công đoàn, thanh niên, tự vệ... nhất loạt một lời: “Xin chúc mừng anh Cối”. Lời chúc như câu khẩu hiệu viết sẵn, nhưng chân tình.

Có người cao tuổi nghe đâu dòng giống chữ nghĩa khi đến, vì vui quá mà chỉ nói độc một câu:

- Hổ phụ sinh Hổ tử!

Anh Cối đang pha nước mặt đánh lại:

- Cám ơn. Nhưng đồng chí nói gì tôi không hiểu.

Người này biết là mình nói Hán tự không đúng chỗ, anh Cối không hiểu, bèn im lặng, thậm chí không dám giải thích. Nhưng khi ra về anh Cối cầm tay và dặn nhỏ:

- Cám ơn. Nhưng đồng chí nhớ từ nay đừng dùng chữ xưa, khó hiểu, lại dễ mất đoàn kết.

Người nói biết mình trật rồi, không biết cách nịnh, khi lão Cối không cần biết chữ nghĩa Thánh Hiền, trên bàn lão lúc này dở trang sách học mấy chữ A B C của tiếng Nga cấp tiến. Chẳng hiểu sao ngay lúc ấy mấy con hổ rượt nhau ở con suối sau nhà, gầm lên khủng khiếp, gõ bí cho hai người. Thằng

Lòng đang nằm khóc thét lên đến lạ.

Thằng Lòng lớn lên đúng như cái tên của nó. Chỉ được cái ma mãnh, học thì đàn, làm việc thì nhác. Cuối bậc tiểu học nó đã cầm đầu chúng bạn đi lòng bắt chó, mua rượu về đánh chén với nhau. Nhà mắt chó biết tổng là do con lão Cối, gọi tên là thằng “Lòng chó”, nhưng sợ cán bộ, không dám nói gì. Lớn nữa thì thằng Lòng uống rượu nang ngửa với người tử lượng cao nhất bản. Bên ngoài lão Cối làm bộ mặt lạnh phớt lờ như bản tính vốn có của lão, nhưng bên trong thì buồn lắm. Rõ ràng nó lạc “gien” lão, không có chí tiến thủ của lão. Nói theo từ tổ chức là nó không ở “diện đào tạo”, không là “người thừa kế” được. Đêm đêm chờ thằng Lòng đi đàn đúm cùng nhóm bạn để bắt chó của người ta, lão Cối lại giật mình nghe tiếng hổ gầm rú quanh nhà. Có con hổ già nào đó như biết tổng nỗi lòng của lão Cối.

Thời gian cũng qua đi, mấy mùa rừng thay lá, mấy mùa suối cạn nước và lũ hổ báo gào đến khản giọng. Lão Cối vốn có bản lĩnh tính toán. Một đêm hổ gào mạnh quá, lão nhồm dậy. Thằng Lòng vẫn trác táng chưa về. Người vợ gầy teo nằm trong lán biết chồng mình thức dậy thế này là đang tính toán mưu kế dữ lắm...

Lão nở nụ cười lạ lùng trên đôi cằm bạnh. Chợt nhớ bài báo khoa học mà lão dù không hiểu gì cũng từng đọc từng duyệt. “Gien” di truyền chỉ là một vấn đề. Cách lai tạo của cái ông Mitxurin kia mở ra bao nhiêu thành tựu rộng lớn. Vả lại lão là con người của xã hội, của duy vật biện chứng. Chả có câu thơ “anh em đồng chí quây quần là con” đấy ư. Đúng, mình sẽ có đứa “con xã hội” do mình chọn, mình đào tạo lên. Lão sẽ chọn một thằng kế thế lão, ngay trong cơ quan lão.

Và lão chọn ngay thằng Nhàu.

Thằng Nhàu giống lão, từ đồng đất đi lên, cơ bản và có chí tiến thủ. Mê nhất là thằng Nhàu có đầu óc thực tế, tỉnh táo. Thằng Nhàu cũng giống lão, ham

học hỏi, nhưng không sách vở, không cao xa viễn vông đâu đâu. Từ phòng họp nhìn bên nó nhìn lão đau đầu, tự chủ và ngưỡng vọng, tuyệt không có nét mơ hồ của con Chiên nhìn Chúa. Nó học lão từ lời ăn tiếng nói, mẹo đối nhân xử thế.

Trong việc công, lão Cối thường mở đầu công việc lãnh đạo của mình rất khôn ngoan:

- Thưa các đồng chí, tôi nghĩ rằng...

Thì khi đến dự họp với Chi đoàn thanh niên, lão Cối thấy thằng Nhàu cũng đứng dậy như thế, tay chống khuynh đầy khiêm nhường như thế, mắt nhìn lên cờ xí khẩu hiệu và nói đúng câu như thế:

- Thưa các đồng chí, tôi nghĩ rằng...

Rõ thằng Nhàu là của lão.

Một lần lão cho gọi nó, vừa không khí cơ quan vừa gia đình trộn lẫn:

- Cậu trong diện đào tạo lâu dài đấy nhé!

Thằng Nhàu hiểu, đáp ngay lấy câu ấy như một chú hổ con mới lớn đáp lấy con mồi đầy bản năng. Cùng lúc lão Cối chuẩn bị dư luận trong “bộ Tam”, “bộ Tứ” cơ quan. Người phó của lão Cối tuyên bố ngay trong cuộc họp:

- Có nhiều con đường phấn đấu. Có đồng chí ngồi đây chuyên môn không giỏi nhưng có khả năng tổ chức lãnh đạo. “Chuyên” kém một chút, nhưng nổi ở cái “Hồng”...

Vậy là thằng Nhàu được cử đi đào tạo dài hạn ở Liên Xô.

Thằng Nhàu lên đường, lão Cối yên tâm phần nào về sự nghiệp lớn. Đêm lão ngủ ngon hơn, đỡ những cơn mơ kinh hoàng về bầy hổ gầm thét, nhưng lạ soi vào gương thấy tóc bạc nhanh quá. Thằng Nhàu thư đi từ lại và kỳ lạ, trong cõi duy vật thực dụng cũng đầy thần giao cách cảm hay sao ấy?

Đúng dịp lão Cối đang yêu, yêu vụng trộm khi người vợ ốm yếu dài ngày, thì thằng Nhàu có ngay thư về: “Thưa anh, anh dạo này vẫn khỏe chứ ạ? Em

biết chị yếu, anh nặng việc cơ quan, khiến anh vất vả nhiều. Nhưng em tin vào nghị lực của anh. Kỳ này em gửi về biếu anh hộp thuốc nhuộm tóc mới nhất do Nga - Đức hợp tác sản xuất... Em kính thăm sức khỏe chị và Ban chỉ ủy, Công đoàn, Thanh niên, Tự vệ, Chi hội... Cơ quan ta...”

Lão Cối sương nhất là bao giờ cuối thư thằng Nhàu cũng lấu linh tương một câu như mỗi dòng cuối thư của lão: “Chào quyết thắng”. Rõ ràng thằng Nhàu là của lão.

Cuối mỗi thư gửi sang, ngoài câu chào truyền thống, lão Cối hơn thằng Nhàu ở mấy dòng bị chú: “Tranh thủ học tập. Nhớ về sớm để đảm nhận công việc nhé!”.

Cách ghi chú cuối mỗi bức thư, công văn biểu lộ hết đức tính và nghệ thuật sống của lão Cối. Thằng Nhàu biết nhưng chưa học được.

Thực tế không đúng hẳn như sắp xếp của lão Cối. ở nhà đạo này đặt ra lối bầu báng dân chủ. Một người được bầu vào ghế lãnh đạo trước khi thằng Nhàu mãn hạn trở về. Nó về thì lão Cối đã già, chiếc ghế không để trống nữa.

Thằng Nhàu mất ghế, lão Cối phòng mang trọn mất trở tài chạy vạy. Thằng Nhàu cuối cùng được xếp chân phó, lại là phó thứ hai. Cả hai bàn tính: “Không được, phải là phó thứ nhất”.

Nhưng người ta không quan tâm đến “phó nhất, phó hai” của thằng Nhàu. Chỉ nhìn vào đúng năng lực thằng Nhàu, đưa “con lai” của lão Cối.

Nhưng thằng Nhàu chỉ “ăn theo nói leo”, xem ra thua xa lão Cối.

Lão Cối ít học, nhưng có tình, biết đến người hơn mình, dù đầy gan tỵ, ma mãnh. Có lần lão khoe hồn nhiên:

- Tôi có lần được đi cùng nhà văn Nam Cao trên một con thuyền vượt sông Đáy vào hoạt động vùng tề ddấy nhé. Có dịp tôi sẽ viết...

Thằng Nhàu không cần biết nhà văn Nam Cao là ai, các ông nhà thơ nhà văn

là gì, chẳng cần phải viết. Nó cảm thấy chỉ cần có cái mồm uốn ba tấc lưỡi là đủ.

Trên bàn lão Cối có sách, lác đác dăm quyển gọi là. Chứ trên bàn thằng Nhàu tuyệt nhiên không có sách vở, chỉ đọc tài liệu và văn bản hướng dẫn của cấp trên.

Người nói câu không đúng chỗ “Hổ phụ sinh hổ tử” vào ngày lão Cối sinh ra thằng Lùng, về sau sống lận đận khó khăn, bị định kiến qui chụp, cuối cùng bị ung thư mà chết. Ngày cuối cùng khi được tin lão Cối đã tìm được người thay thế, tức thằng Nhàu, cho đi học Liên Xô... Người ấy chỉ kịp nở nụ cười khô héo, lắp bắp được câu: “Hổ phụ sinh hổ tử”... rồi nhắm mắt.

Thằng Nhàu từ ngày ngồi được vào “ghế phó”, chỉ làm được cái việc báo đền “Hổ phụ Cối” bằng cách kéo dài mãi tuổi hưu cho lão đến quá bảy mươi, thêm vài việc khác như sắp xếp con cháu lão vào phòng này ban nọ theo “thật Tổ chức” ma quái... mà truyện này chưa kể ra đây được.

Chỉ biết thằng Nhàu thua đứt lão Cối, nó già và đổ bệnh nhanh quá, tàn tạ nhàu nát như tên nó. Mới đây nghe đâu nó bị ung thư gan, như căn bệnh người nói câu “Hổ phụ sinh hổ tử” ngày trước...

Bây giờ không có chuyện hổ gào thét động đực như ngày xưa nữa. Chỉ rộ lên chuyện lai vô tính, lai hữu tính của vật và người, chuyện gọi hồn và tìm kiếm phần mộ, chuyện nhân quả âm dương muôn thuở mà thôi...

Xóm Mỏ Hương, 2/9/2001

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Cát nóng

Tôi nói với anh bạn học nghèo cùng học Đại học Văn khoa, tính hiền khô, giờ là quan chức cao cấp trong Chính phủ:

“Tớ cứ định viết về cụ Đa ở làng tớ, bị qui oan là địa chủ ác bá, bắn ở gốc đa sau đình làng...”

Thằng điên!

Đến khi anh bạn thân vặc lại câu ấy, tôi vẫn cứ nhớ về tuổi thơ gian khổ, cái buổi theo cha xuống bến đò, từ Đức Thọ đến vùng biển Nghi Xuân, xách traps dạy học. Bến đò mạn cuối sông Lam gần biển thật sinh động hết chỗ nói, gió mát khác thường, phù sa đỏ au khác thường, cả con còng, con cáy ở đây cũng khô ngô khác thường. Chẳng ai đón anh giáo nghèo là cha tôi. Cái ván làm cầu bắc từ mũi đò xuống bùn sao mà chông chênh. Phía trước là làng, những con đường nhỏ như sợi chỉ mọc đầy dứa dại. Một chiếc ô có sọc đỏ, cụ Tổng đi xem đồng.

Cha tôi giục:

- Chào cụ đi con!

- Chào quan lớn ạ.

Người đàn ông đậm thấp có nước da bánh mật rất dân dã, đôi mắt sáng, bắt tay cha tôi rất từ tốn: “Anh giáo về dạy vùng này?” Cha tôi vâng. Rồi ông cúi xuống véo má tôi:

- Ta không phải là quan lớn. Người làm ruộng thôi!

Từ bến đò đi vào làng, qua một khu đất rất đẹp, có hai hàng cau cao vút, cái giếng xây cao thành, dẫn vào khu nhà lợp ngói vuông vức nửa như nhà nửa như chùa, cha tôi nói nhỏ: “Nhà cụ Tổng”. Tôi hỏi: “Nhà của cái ông hồi này, phải không cha?”. Cha tôi vội xuyt một tiếng rõ dài. Đúng khu nhà cụ Tổng Đa. Chín chu, vuông vức, mát rượi. Phía đông con đường cát cắt ngang là làng biển. Phía tây làm đồng, phần lớn là ruộng đất của cụ Tổng.

Đêm ấy cha tôi và tôi tá túc ngay ở trường làng. Đầu chiều có người báo: “Cụ Tổng sẽ đến chơi với anh giáo”. Một chốc thấy người đội mâm, sau đó là cụ Tổng đi ô, theo sau là cậu con trai của cụ Tổng. Cuộc thăm thật chóng. Mâm được gỡ ra, có gì đâu. Toàn khoai luộc và lạc luộc. Những củ khoai lang đất cát Đan Trường có tiếng vào tận câu ca, da đỏ như son, nứt bột thơm khó tả. Lạc xức cát cũng thế, hạt to và chắc. Cụ Tổng cười rất bình dân: “Thầy giáo đến đất vùng cát dạy con em. Đất đây có hai thứ nổi tiếng là khoai lang và lạc. Tôi dỡ ở đồng từ sáng, cho hầu luộc luôn để biếu thầy”. Rồi cụ chỉ vào người con: “Tôi có mấy cháu. Muốn nó học hành nên người. Đưa sang một đứa để thầy xem mặt. Về sau cậy thầy mở mang cái trí cho

chúng”. Cụ Tổng nói đơn giản, rồi đưa tay vái biệt như người xưa, vừa dân già như đồng đất, vừa biểu lộ sự trọng chữ nghĩa. Chẳng biết người được gọi là anh giáo, thầy giáo, được cụ Tổng nể trọng như cha tôi thì nghĩ gì, chứ tâm hồn non nớt của tôi thì lần đầu được biết một cụ Tổng Đa như vậy. Không có gì cần phải thêm bớt vào cả.

Từ đó cha đi dạy, tôi theo cha đi học, ở vùng cát biển Đan Trường. Trong con mắt nhìn thơ đại của tôi, vùng cát này nghèo, nhưng làm ăn cẩn chu, trật tự lắm. Người dân làm lụng, trọng chữ nghĩa, mùa nào việc ấy, theo lịch thời vụ và trời đất. Mùa mưa thì trồng cây gì, làm gì, nôm nam lên thì làm gì, khi đêm đêm nhìn lên những đốm lửa rừng cháy mờ tận ngọn núi giăng màn ở xa đâu đâu, cùng việc trời đầy sao... Là sáng mai người lớn ra đồng từ trước gà gáy. Không ai lười biếng, rượu chè, hút xách. Trẻ em chăm học, thấy thầy giáo từ xa đã đứng nép vào bụi cát, hai tay khoanh trước ngực, chào “Thầy ạ” râm ran. Đạo trời đất thanh bình, được mùa biển và nghề đồng, đêm đêm tiếng bước chân rậm rịch đi lên chợ Huyện, chợ Bơ, mùi cá nướng thơm lừng quyện mùi lúa vào đồng. Nhớ nhất đạo này là tiếng ngâm thơ Kiều từ sớm của cụ Tổng Đa. Tiếng ngâm da diết, dài hơi, hay nhất là những đoạn thơ về cảnh làm ăn cần cù, về phẩm hạnh của con người. Tiếng sóng biển, tiếng lúa rì rào trên đồng Tây Cồn... hòa với tiếng ngâm Kiều da diết, gọi cả hồn quê. Chưa nói kinh nghiệm làm ăn, chỉ việc ngâm Kiều đêm đêm cho cả xã nghe, đọc Kiều cho cả xã thuộc, cũng đã phải kể đến cái công của cụ Tổng Đa rồi.

Vậy mà, đến khi cụ bị trói chân tay phơi nắng, đem ra đấu tố ở sân trước đình làng, đến khi bắn ở cây đa sau đình và chính cụ đã dùng giày sắt đá đá đạn đi, người ta thì nhau nói oan cho Cụ. Xót xa nhất là hai điều này đã.

Người ta thay nhau, kể cả trẻ con, nhảy lên cái bục gỗ dùng để đấu tố. Rằng: Đêm đêm mày ngâm thơ Kiều để mày rồn mỡ, sưng tai, bóc lột chúng tao. Mày là địa chủ ác bá, ngâm nga chuyện con đĩ lầu xanh, trong khi chúng tao đổ mồ hôi sôi nước mắt...”. Rằng: “Mày thấy người sang bắt quàng làm họ. Thấy ai có chữ nghĩa là mày xoắn lấy, đón lấy, để cho con cái mày học hành giỏi giang, tiếp tục đè đầu cưỡi cổ chúng tao...”

Tôi thấy oan cho cụ Tổng Đa. Nói về việc học hành chữ nghĩa trước. Nhân bắt học, bắt tri lý. Từ xưa, làm người mà không học thì chẳng biết gì cả. Người tử tế trước hết là khát việc học hành. Thử hỏi, làm ruộng theo thời vụ, đi biển vào lộng ra khơi, mà không học, không có chữ để nắm lấy qui luật gió mưa, bão tố, thì phỏng làm ăn gì. Kẻ ngu muội làm quờ quạng, nhắm mắt làm liều, tự cho mình là giỏi, thật nguy hại. Cụ Tổng Đa khát sự học, muốn cho con cái học giỏi, thấy người có chữ đến xã đến làng mình là mừng, ấy là việc tốt của cụ Tổng. Về sau này càng như vậy, chỉ ai luôn mong muốn hiểu biết, muốn con cháu mình học giỏi, thì người ấy, nơi ấy mới làm ăn thịnh vượng được. Không là hồng, chỉ là một lũ ngu xuẩn, bịp bợm, hợm hĩnh. Cái bọn dốt nát thường ghét chữ nghĩa, ghét sự học, ghét cái trí làm người, như cú sợ ánh sáng. Từ xưa cụ Tổng đã ghét loại người ấy, đã làm khác bọn chúng, thì sao lại còn đấu tố, còn đổ tội oan cho cụ được.

Đến việc ngâm thơ Kiều thì thật oan cho cụ Tổng Đa. Việc làm ăn, bóc lột, chia chác, chỗ nào tham lam, chỗ nào tàn ác thì cứ nói. Chứ việc ngâm thơ lại là tiếng thơ Kiều thì đó là cái hồn của người ta, làm sao mà qui tội này nọ được. Thử hỏi, con chim hót, con vượn kêu mà cũng có tội à. ở đây ngược lại, còn đáng phục đáng nhớ một tâm hồn như cụ Tổng Đa nữa. Thử tưởng

tượng, ở một làng quê có một người chuyên hát Kiều, ngâm Kiều cho mọi người nghe. Cái hồn quê ở đấy, dẫu bề cuộc đời ở đấy. Ngâm Kiều là ngâm lên cái ác của bọn ung khuyến, sở Khanh, vẻ đẹp và sự oan trái của kiếp hồng nhan như nàng Vân, nàng Kiều, từ đó mà gửi gắm tâm hồn của mình. Ai lại qui tội kiêu ấy, giết người ta chỉ vì những việc khác người như ngâm thơ, làm thơ, thì sự oan khuất sao tan được trong trời đất. Ở ta triền miên cái thói ngu muội ấy. Anh ngủ vui ngủ mướt, rượu chè cờ bạc, hè nhau rình đập, bắt chó bắt trâu của người khác thì không sao, trong khi một người già như cụ Tổng Đa sớm sớm thức dậy ngâm lên câu thơ Kiều thì bị qui tội đầu tở. Thật oan cho cụ Tổng Đa quá.

Còn cái gì không oan, tuổi thơ dại tôi đâu biết được. Mà ngay người lớn làm một anh giáo thuần chữ nghĩa như cha tôi cũng đâu biết được. Thực tế có không ít điền chủ bóc lột người nghèo, tận xương tủy, tham lam, tàn ác. Tôi chỉ nhớ như in lần ấy. Ở sân đình vùng cát trắng miên man ấy, nơi vùng quê sóng biển như hú như gào ấy, hôm được nói câu cuối cùng trước khi bị đem xử bắn, trong sự cùng kiệt sức lực của hàng tháng trời đầu tở dưới nắng hè như đổ lửa, con người già nua trước vành móng ngựa bấy giờ như không phải là người nữa. Tiếng nói đã khác và cách nói đã khác như không còn dương gian mà đã nặng phân âm phủ.

Cụ Tổng Đa đứng lên rồi đổ xuống mấy lần, nhận cái tội làm giàu của mình. Nhưng cắt nghĩa vì sao mà giàu, thì cụ Tổng Đa lại nói: “Cái số tôi nó thế”. Tức thì hàng chục người thi nhau nhảy lên cái sạp gỗ khiến cái sạp gỗ gẫy vụn, nhất loạt đưa tay xĩa xói cái số giàu của cụ Tổng Đa. Người ta nghe không ra, không biết rằng con người già nua gần cõi cuối cùng kia, chỉ còn biết hoang tưởng nhận lấy mọi điều từ cái “Số gười” để an ủi mình, bèn

nhăm nhăm hiểu rằng kẻ bóc lột mình lại không thấy tội, đổ cho trời, cho số... Cụ Tổng Đa kể rằng, ngày xưa cụ kỵ cũng nghèo lắm, chỉ sống bằng con đò ngang, rồi con đò dọc, kiếm sống dọc bên sông Lam. Trong cả mấy người con thì chỉ có cụ là người ham học, chăm làm, làm được nhiều việc nên được đặt tên chữ Hán là Đa, cuối cùng được trao cho cả gia tài một đời làm lụng của ông cha. Đây cái số là như vậy, chẳng biết từ đâu nó rơi vào mình. Ngẫm nghĩ cái sự giàu nghèo theo tháng năm thì thấy cái lời cuối cùng của cụ Tổng Đa cũng đúng lắm. Cùng học hành, lam làm, tòng tiệm, có người gặp số may thì một đẽ mười, mười đẽ trăm... Cứ thế mà cấp số lên. Không gặp số may thì chỉ tay làm hàm nhai, kiếm đủ cơm ăn manh áo mặc. Không số là gì. Tôi biết chữ Đa ở đây theo nghĩa đẹp, tức là làm được nhiều việc, hiểu biết nhiều... Chứ không phải như những người đầu tổ một thời xía xói là “đa mưu” để bóc lột. Ngay một cái tên người nhiều khi cũng đã đầy sự oan khuất.

Từ buổi đầu theo cha đến đất Đan Trường dạy học, gặp cái ô đồ ra tận công, đây là cụ Tổng Đa. Cụ Tổng Đa nổi tiếng làm ăn chín chu, cũng hai sương một nắng, đêm năm canh xem trăng xem sao, cái đầu luôn nghĩ về đất, về câu, về con gia súc... để làm lụng cho có hiệu quả. ở các làng quê từ xưa luôn có những người như vậy. Họ như cuốn tự điển sống về đất đai, thổ nhưỡng, thời vụ nơi ấy. Cả một kho kinh nghiệm sản xuất, lao tâm lao lực, chứ đâu phải ngồi mát ăn bát vàng. Khám nhà cụ Tổng Đa, người ta tìm thấy những cuốn sách ghi bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm kinh nghiệm trồng khoai lang, trồng đậu, trồng lạc trên vùng đất cát trắng. Những mẫu giấy nho nhỏ, chẳng chịt chữ và con số, chứng tỏ người viết lao tâm khổ trí, ghi từng vụ từng việc, trong những đêm khuya, bên bàn đèn, trên bờ ruộng... Cái kho

kinh nghiệm làm ăn như cụ Tổng đa mà bị diệt đi, thì là cả một sự oan khuất
thấu trời chứ còn gì?

Có thể tôi là “thằng điên”, viết ra những điều không nên viết. Nhưng những
nỗi oan như thế đọng lại nhức nhối trong thời gian... nếu không được giải?
Đây thuộc loại chuyện giữa thằng điên và những nỗi oan.

Tôi đem câu chuyện tuổi thơ về cụ Tổng Đa lên chùa, hỏi một Cao Tăng,
muốn nói nhiều với nhà sư về sự oan khuất và nỗi mong được giải. Cao
Tăng liền chấp hai tay trước ngực:

- Mô Phật, chuyện ông hỏi, nhà chùa không biết...

Mô Phật! Mô Phật!...

Xóm Mỏ, tuần nóng 40oC, 7.98

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Nhớ thương tu hú

Tiếng chim tu hú nghe thật khác thường. Nó như đã thành tinh, biết trước được những gì sắp xảy ra với bản thân nó, với ngôi nhà của nó. Chỉ mấy người lớn tuổi phần nhiều là đàn ông ở trong khu tập thể xế sau mảnh vườn, kẻ con sông Lấp là hiểu được điều đó. Cụ thể là ba người đàn ông ít ngủ:

Anh Đăng, anh Hiền và tôi.

Số là con chim tu hú này từng lang thang trong lùm cây dại dọc bờ con sông Lấp. Những năm ấy dọc con sông còn vắng, nước đầy và nhiều mảng rau muống xanh um. Sau chẳng hiểu sao nó chuyển nhà vào khu vườn thuốc. Bây giờ vườn thuốc còn nguyên sơ, mấy luống đất gầy guộc giữa những loài cây dại um tùm. Sau đó mảnh vườn cũng đầy số phận như người, thay đổi theo phong trào. Phong trào trồng thuốc nam lên thì người ta hùng hổ tay dao tay rựa xông vào chặt, lấy đất trồng cây thuốc. Xong đâu đấy lại để hoang phế, chậu cây nghiêng ngả, cây dại trùm lên khắp. Phong trào lên lại hùng hổ xông ra. Nó ở không yên chỗ, tính ra nó đến ba, bốn lần chuyển nhà cả thấy.

Mỗi lần như vậy, như nó đều biết trước. Không chỉ phút chốc ngôi nhà của nó tan nát đã đành, mà rất có thể một lưỡi dao bất chợt phạt đứt thân nó. Những lần biến thiên như thế dường như chỉ có mấy người già trong khu tập thể phía sau vườn là biết. Cụ thể là anh Đăng, anh Hiền và tôi.

Anh Hiền vốn hiền lành:

Nó như chúng mình ở trong thành phố. Nên nghe tiếng nó khác xa vùng thôn quê, ở những bờ cây hoặc vườn vải, vườn nhãn...

Tôi xen vào:

- Thành tình rồi. Sắp có chuyện gì là nó kêu lạ lắm, như dự báo...

Anh Đăng (ngày ấy còn khỏe), thì nói rất sâu:

- Đúng, nó như đọc được tâm trạng con người. Các ông thấy không, nó phục kích khi con người ta ở vào trạng thái có vấn đề nhất là nó kêu. Như hôm trời nóng nhất hết chịu nổi, hoặc sau một trận mưa đêm mát mẻ. Vâng, nhất là sau trận mưa đêm như lọc đi tất cả. Nó kêu, nó gọi, nó hát, nó khóc. Như có cả tầng tầng áp thấp vùn vụt động vào tiếng kêu của nó. Như nó biết tất cả!...

Sau đó ba người đàn ông lặng lẽ lùi vào bóng tối, ai về hộp gia đình của người ấy.

Anh Đăng ngày ấy dù khuya mấy cũng có thói quen tìm ra đầu hồi nhà, ngắm sao trời, ngóng về góc vườn nơi con chim tu hú ở, nghe cho được tiếng kêu dài của nó... rồi mới lên giường như một kẻ mộng du. Vào màn còn lảm bảm một mình: “Hệt như phận người ấy nhỉ”. Bà vợ hỏi: “Ông lại lảm bảm gì thế?”. Mãi sau mới lên tiếng quát: “Quên đi!” Đăng nằm tui thân ôm lấy cái bụng đau quặn về đêm, nghe tiếng chim tu hú náo ruột.

Bấy giờ cơ quan mới thành lập ở chiến khu Việt Bắc, Đặng là chàng trai có mặt đợt đầu, đầy mơ mộng. Tổ chức nhận xét:

- Đồng chí Đặng hăng hái!

Có học, anh làm chân văn thư, chuyên chạy công văn dọc các cánh rừng. Hối ấy đêm đêm anh cũng nghe tiếng một loài chim, nhưng tuổi trẻ không để ý. Ngoài mơ mộng, anh còn tinh ý, chạy công văn nhanh, điều gì cũng biết, cũng phân tích được.

Tổ chức, nhất là ngài thủ trưởng ranh ma sợ anh đi nhiều thế thì biết mọi chuyện về lai lịch, quan hệ của mình... Bèn quyết định:

- Đồng chí Đặng có trình độ, viết được, lại có khiếu trình bày. Tăng cường cho tổ viết...

Tổ viết chưa ấm chỗ, lặn lội qua mấy chiến dịch, tay viết có lên được chút đỉnh, được xếp vào tổ phó... Đặng không biết tay T. tổ chức có đứa con vừa đi học xong ở quê, định dấn vào cơ quan bố, lại sợ có Đặng, kẹt vào con đường thẳng tiến tổ phó tổ trưởng của con mình. Bèn bày trò quyết định:

- Đồng chí Đặng có năng khiếu hội họa. Điều đồng chí sang tổ trình bày...

Tổ trình bày chưa ấm chỗ. Chàng thanh niên Đặng không biết được nguy cơ đến sau lưng mình. Tay thủ trưởng giảng hoa H, trước Đặng ở chân liên lạc, sợ chàng tinh ý biết hết mọi chuyện, kìm chân lại, giam vào tổ viết. May ở đây tay này lại dan díu với cô họa sĩ trẻ. Vậy là Đặng lại thành quả bóng,

thành vật tế thần. Lợi dụng sức khỏe chàng Đặng kém sút, cộng thêm một vài lỗi trong chuyên môn. Khi đã ở tuổi xế bóng, Đặng nhận được quyết định:

- Đồng chí Đặng sang tổ đời sống!

Bấy giờ thì Đặng bưng tỉnh, nhớ đến tiếng chim tu hú không bao giờ âm chỗ, cất lên tiếng kêu dằng dặc dọc những cánh rừng, anh gào lên:

- Tôi chẳng khác con chim tu hú. Chẳng bao giờ người ta để cho yên chỗ!

Năm trước anh bị ung thư. Đêm đêm đau đớn anh lại ra trước hiên nhà, ngẩng lên trời sao như những giọt lệ, nghe tiếng chim khảm khắc rồi mới yên tâm lên giường nằm. Đêm cuối cùng trước lúc ra đi, anh linh tính ngời dậy hét lớn:

- Từ mai là tôi được yên chỗ rồi!

Đêm ấy anh mất, trong tiếng chim tu hú khản đặc.

Từ đó tu hú ngừng kêu mấy ngày, như có ý để tang cho người, sau đó kêu lại nhưng tiếng cứ rớt xuống như những giọt nước mát. Thực ra dạo trước đó nó đã kêu khác đi, như một dự báo. Đàn bà và đa phần đàn ông chỉ biết có nóc là duy vật biện chứng cười cợt ác độc: “Rõ tu hú hóa tinh. Nó biết trước việc lão Đặng dở người sắp nghèo là kêu báo trước. Hay nó chính là con chim lợn trá hình cũng chưa biết chừng”.

Chỉ có nhóm bạn số phận trong đó sót lại anh Hiền và tôi là không nghĩ như vậy. Thương nhớ anh Đặng và hiểu tiếng chim tu hú.

Anh Hiền có nét khác anh Đặng và sau ngày anh Đặng mất lại càng lộ nét khác hơn. Số là anh Đặng thường lên nghe tiếng chim tu hú vào lúc thật khuya rồi mới lên giường nằm, thì anh Hiền lại có thói quen dậy sớm từ ba, bốn giờ sáng chỉ mong được nghe tu hú kêu vào khoảnh khắc lạ lùng đó. Vốn sau khi đi bước nữa ở cái tuổi quá lục tuần, tinh lực đã cạn, cô vợ trẻ cường lực sinh con nhỏ, anh toàn được phân công trực phiên sáng. Đủ thứ việc, giặt giũ, chuẩn bị hàng vật cho cô vợ dậy bán, khi làm nấm, khi làm bánh... Chứng bệnh tim từ xưa và cơn đau cột sống lúc trở trời khiến anh nhức nhối, bước vẹo đi. Tu hú cũng vậy, lúc thật trở trời thì nó nhức mỗi và cất tiếng kêu lạc nhịp vào tảng sáng. Cô vợ thấy vậy nằm trong mùng nói vọng ra: “Vô tư đi! Làm nhiều thì mới sống lâu bố ạ!”.

Thực ra anh Hiền ở bậc tuổi bố của người đàn bà quá lứa này. Người vợ trước bỏ anh thuộc thế hệ “vợ bao cấp” từ trong ra ngoài, cô vợ nay thuộc thế hệ “vợ kinh tế thị trường”. Nhớ cái thuở trai tráng xây cái “tổ chim tu hú” đầu tiên ấy, chẳng ngờ về sau nó hóa thành tổ chim bìm bịp”, anh Hiền cùng lứa bạn dù mơ mộng nhưng cũng có nhiều cái khôn láu khôn vặt hơn thanh niên thời nay. Minh trai trẻ, có chữ, chẳng tội gì lao vào cảnh “một túp lều tranh, hai trái tim vàng” cho khổ. Có điều kiện bay nhảy đây đó, cầm cây bút phóng vấn này nọ, chẳng dại gì không nhìn vào nơi “chuột sa chĩnh gạo” nhằm vào con gái các ông cấp, ông làm to. Một buổi tìm đến một câu lạc bộ nhảy múa đầu đó, anh chàng Hiền để ý một em đầy đà, mắt liếc môi cười, đầy hấp dẫn. Xì xầm: “Con gái ông bộ, thứ trưởng nào đấy”. Chàng Hiền cũng là trí thức, cao to đẹp trai kém gì. Một hôm nàng bảo:

- Điện thoại nhà em. Có dịp anh đến chơi!

Ghê thật, hồi ấy đã mấy ai có điện thoại. Anh Hiền lao vào như con thiêu thân. Và cuộc tình duyên chóng vánh. Chàng Hiền mẫn nguyện, tự tin, làm rở được ông to đã đành, cái chính là nhận lấy bộ “đen” di truyền con nhà tử tế thời thượng cho con cái nó ấm cái thân. Thực ra bố nàng chỉ là Cục phó Cục thực phẩm lương thực. Nàng lại không phải là con đẻ. Thời trước mấy ông bà làm to hoạt động vùng rừng rữ vẫn có cách nhận con nuôi. Vợ Hiền chẳng có “đen” thông minh thời thượng gì, về sau chỉ lộ tính hưởng thụ, hoang dại. Hiền ta bị lừa. Tổ ấm của chàng chỉ là cái tổ chim bìm bịp. Và chàng ở phận chim tu hú. Vợ chơi bời, mấy đứa con tuổi ăn, tuổi học. Hiền làm việc đến kiệt xác, không từ việc gì. Thậm chí buôn bán vật, từ mấy bao thuốc lá phân phối đến mấy gói kẹo... Một lần xe đạp đèo mấy cái túi trên đường sơ tán. Người chức trách từ đâu ập ra:

- Anh đã bị bắt!

Khám xét chỉ vì mấy bao thuốc lá. Thuở ấy thuốc lá thuộc loại phân phối, đem đi bán là phạm pháp như thuốc phiện ma túy bây giờ. Hiền phải vào tù, lần đầu tiên nghe tiếng chim tu hú kêu đến cháy lòng ở trong một cánh rừng, nơi trại giam sơ tán.

Ra tù, Hiền chỉ còn tay trắng. Vợ bỏ. Đàn con nhếch nhác. Hiền đổ bệnh, trái tim đau dầm dút như bị nghiền nát...

Nhưng số phận còn đoái thương Hiền, đưa đến cho anh một cô vợ đảm. ả đúng tuổi thằng con đầu, không xinh, không xấu, sắc sảo kiểu vừa là đàn ông vừa đàn bà thời kinh tế thị trường. Cái chính là ả dám làm, dám chịu trách nhiệm như việc gắn đời mình với đời “ông già Hiền”. Vất vả lắm cuối cùng trong nhà cũng có được tiếng trẻ khóc, dù mồm miệng thiên hạ đàm tiếu thế nào. Người đàn bà lỡ thì có được đứa con, hóa thành cỗ máy vừa đại tu, vận hành cật lực đến chát chúa. Chỉ khổ cái ông già bệnh tim theo lẽ dĩ nhiên, gần như suốt cả hai mươi bốn tiếng. Ngày họ có được cái phòng ở sửa sang lại, thằng con lớn hùng hổ tìm đến:

- Bỏ ngăn nhà để tôi lấy vợ!

Căn phòng ngăn đôi. Trước đó con chim tu hú kêu buồn và gắt.

Anh Hiền tưởng gục xuống. ả vợ trẻ tinh tướng người thời nay khôn trước tuổi, coi như không có chuyện gì xảy ra, còn bình tĩnh động viên “ông già Hiền” nữa: “Ngăn thì ngăn. Vô tư đi!”. Và cỗ máy cứ vận hành chát chúa. Anh Hiền cứ lẽ dĩ nhiên theo. Cho đến một ngày ả nói toạc ra, như là tổng kết cuộc đời người có tên là Hiền:

- Ông quả là con tu hú già khọm!

Người ta hiểu câu ấy theo cách nào cũng được.

Mảnh vườn thuốc phía trước lại như số phận anh Đặng, anh Hiền, số phận cuộc đời. Sau thời gian dài để hoang phế, lại đến phong trào vườn thuốc

nam. Lại tay dao tay cuốc, có người còn mang theo súng bắn chim nữa, xông vào chặt phá...

Hôm ấy trời đổ mưa to. Con chim tu hú chờ đêm đến kêu lên một hồi rõ dài, rồi im bật. Từ đó không thấy kêu nữa.

Tôi buồn. Anh Hiền lại động viên:

- Đừng buồn ông Phan ạ. Lại có loài chim khác đến hót cho chúng ta nghe...

- Chim gì vậy?

Chim có tên lạ lắm: “Vô tư đi!” “Quên đi!”. Ông không nghe chúng đang hót đấy ư?

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Tết quê PI - PII

I

Mới đây vợ ắt có một nhận xét về thể thái nhân tình sắc lẹm, không chỉ đo bằng một Tết một năm mà là hàng chục Tết hàng chục năm. Nói như thời nay là sự trưởng thành trải đời khác hẳn với bản chất mộc mạc chân quê của

Thị:

-Nghe theo miệng lưỡi của người thời nay chỉ có đổ vỡ gia đình, hỏng hết mọi việc. Chồng vợ mình bỏ bịch thì xé xác tan thân. Trong khi chồng vợ người bỏ bịch thì khen hết lời, nào là ga lăng, nào là sôi đời, nào là tân tiến. ắt tự hào: “ấy là chốn tận cùng của nhân văn vậy!”.

Nhưng Thị có sự mâu thuẫn khiến ắt giật mình. Trong khi lên án gay gắt thói bỏ bịch đa thê, như là đi tiên phong trong đạo đức mới, thì Thị lại kể đầy tự hào khi đụng đến thân nhân, gia đình, quê hương Thị.

Thị kể như hát:

Hồi bé hễ đến Tết là em được sang ăn Tết với ông em. Ông em đẹp trai, tài hoa lắm. Đi đến đâu là các cô các bà cứ chết mê chết mệt. Ông lại rất quý cháu, em sang là được ngồi vào lòng ông. Có một Tết em nhận ra chuyện buồn cười lắm. Mâm cỗ bày trang trọng trước ban thờ, ông ngồi giữa, mặt đối diện với ngọn đèn lớn, mọi người cứ thế nói nhau theo vòng tròn. ánh nến chiếu vào da ông đỏ au. Vào cỗ, sau hồi lâu nhâm nhi chén rượu thuốc, ông cầm đôi đũa mun gõ một tiếng “keng” vào cái bát sứ trắng muốt tức thì bà già mà em biết là vợ ông đưa tay xới cho ông bát cơm gạo tám thơm phức. Đến khi ông gõ hai tiếng, thì một bà trẻ hơn xới cơm cho ông. Đến ba tiếng gõ thì lại một bà khác xới... Cứ thế cho hết bữa cỗ. Khi ông gõ lên bốn tiếng cuối cùng vào bát mình thì một người đàn bà còn trẻ đưa bàn tay còn xuân sắc ra...

Tôi ấy về em mới dám hỏi mẹ:

- Ông gõ đũa thế là thế nào hả mẹ?

Mẹ cười rồi tắt nụ cười ngay:

- Gia phong của nhà mình đấy. Lớn lên con sẽ hiểu. ông con có bốn bà vợ.

Vậy mà các bà cứ tằm tấp theo tiếng gõ đũa của ông không hề tị nạnh, giành giệt nhau. Mọi chuyện khác cũng thế. Vì các bà yêu ông mà!

Nói rồi mẹ vuốt đầu con gái, như thể nhấn những chuyện lạ lùng ấy vào đầu cho con gái hiểu.

Năm nào Thị cũng xăng xái về quê trước Tết dăm hôm. Mang theo lòng nhớ thương và tự hào gia tộc quê hương như cái túi quà nên chặt nơi tay. Mang theo cả độ trải đời và những điều phi lý ở Thị.

II

Tàu hỏa đến ga tỉnh sau non một giờ như đi du lịch đồng bằng Bắc Bộ.

Xuống tàu đi về con đường huyện càng có nét du lịch hơn. Gió biển Bắc thổi lộng. Vải thiều và vườn chuối, vườn cam xanh mươn mướt quanh năm. Đi sâu vào càng có cảm giác hơi ẩm của biển của sông. Đường liên xã có bến đò, qua mùa lũ lớn năm trước bị sạt đi nay đã lan lấp lại. Các rặng vải thiều càng nhiều. Đã như nghe được tiếng các loại chim đồng và tiếng cá quẫy... Từ bến phà Hệ đến cái xóm Trường Hạ thân yêu của Thị còn phải non chục cây số xe ôm. Đường đất chạy dọc con mương lớn, có cả những mái thuyền nan đây đó. Thị có thói quen cuộc bộ dù trời mưa rồi để ngắm lại con đường tuổi thơ. đã về đến đây chẳng đại gì còn ngồi xe cộ như ở phố xá.

Quê Thị có con sông Vân úc đầy phù sa. Con sông và những rặng vải thiều ghi vào trí nhớ Thị sâu nhất. Sóng dờn dợn không nhanh không chậm, không ào ạt như bến Bính, Bạch Đằng... Nó nhớn nhơ thanh cao nhưng đầy nội lực bồi đắp. Những bến sông gợi cảnh bà xưa ra bến sông giặt giũ, nó không lớn không nhỏ, không chuyển dịch bao nhiêu trước biến thiên thời gian. Nó có độ bền vững hiếm có. Thị nở nụ cười mãn nguyện trên gương mặt lúc này đỏ như đàn ông say rượu. Ngọn gió mát lạ lùng. Nghe cả những rợn sóng dờn nhau đến tận bờ xa của con sông Vân úc, chạy đến tận đất An Lão quê ngoại ken dày bóng cau. Trầu cau từ xưa thuộc về quê Thị. Thị thở dốc rồi lại cười mãn nguyện.

Lát nữa Thị đi qua cái cầu đá xanh có từ xưa xưa qua mấy hàng cau, rặng

nhân, là đến mảnh vườn rộng như trang trại và ngôi nhà thân yêu. Mẹ Thị tóc bạc phơ sẽ ra hái hai quả bưởi đường ngọt đến tận gan ruột mà chỉ quê Thị mới có. ông bố đang sắp ban thờ, không quên đưa ra ít vải khô mùa trước còn thơm thoảng vị đường mật của trời đất. Cậu em ra ao vườn lừa cá, cô em dâu hạ vào buồng chuối xanh còn lại để nấu nồi canh cá gia truyền. Tiếng reo lên từ cuối vườn rộng của lũ trẻ cùng ông dồn con lợn chồ để chuẩn bị xẻ thịt. Như chỉ quê Thị vườn rộng bát ngát mới có thú nuôi con lợn thả rông từ Tết trước. Điều này thì chàng rể ất đi nhiều vùng quê, công nhận chỉ quê Thị mới có.

Trẻ con lau nhau mồ hôi mặt đũa nội ngoại sau khi cùng ông rượt đuổi chú lợn chồ, giờ đứng cả ở sân để ăn kẹo bánh bác cả đưa từ phố xá về. Chúng rào rào như cá mặt ao. Vừa ăn quà bánh chúng vừa hứng chí dỡ “món võ gia tộc” ra với nhau...

- Ê, cái Tèo giống hệt bố mày!...

- Ê, cái Xoan giống mẹ thì xinh gái. Còn cái Thơm giống bên bố nó thì xấu điên!

Cái Xoan vênh mặt lên, còn cái Tèo, cái Thơm thì khóc rống. Cái Tèo là con cô Thùy, cô út của ông bà, lấy chồng xã trên. Cái Thơm là con cô Thiều, lấy chồng xã dưới. Tết nào cũng vậy, năm nào cũng vậy, đùa trêu thế nó thành lệ rồi. Tức là chỉ con cháu họ mạc bên Thị là đẹp, còn lai vào họ khác là xấu, khó coi. Loại chuyện này Thị đã kể nhiều lần vào các Tết trước, khiến ất có lúc thấy khó hiểu, đến mức gai người lên.

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Tết quê P- III

III

Quê duyên hải thuộc cái rốn Bắc Bộ nắng gió hào phóng, đồng đất mênh mông, trù phú đầy nhưng vất kiệt sức người, nhất là giới đàn bà. Các bà phần nhiều sinh đẻ mấy lứa liền, cả trai lẫn gái khôì ngô, xây được cái nhà mái bằng cuối đời, là kiệt sức. Nhớ Tết trước Thị đã nói: “Quê em lạ lắm anh ạ, toàn các bà chết trước. Thương lắm!”.

Đàn ông đến ngoài thất thập “cổ lai hy” lại phải gà trống nuôi con, lại phải hời xuân. Mỗi cụ ông mỗi kiểu, họ quật lên để sống. Phần nhiều đáng cao, mũi thẳng, nước da sồng gió. Giờ họ chống can, đội mũ phớt, áo bành tô, đi lại trên đường thôn. Họ say, họ tỉnh, họ tốt, họ xấu. Đủ cả.

Chú Láng của Thị đã sang tuổi bảy tư, nằm trong số đàn ông đặc biệt đó.

Chú cao, khỏe, nổi tiếng vó bè một vùng. Chú đầy tính cách và tự tin, thời trẻ lấy thím có khuôn mặt đẹp nhất làng, sinh đàn con cả trai lẫn gái. Nghèo nhưng đầy chất đàn ông, đầy tự trọng. Nổi tiếng vó bè dọc một nhánh con sông Vân úc, chú kéo lưới, các con trai chú dồn cá dọc hai bờ, vui lắm. Cảnh này Thị cũng đã kể từ ngày mới quen ắt.

Như phần nhiều người đàn bà ở quê, thím Láng đẹp người, đẹp nét sau khi xây xong cái nhà mái bằng ở giữa mấy sào vườn rộng rãi thì lẫn ra chết. Chú

Láng khi thím sống thì chửi bới, mỗi lần thím đi phiên chợ Hè về là phải có thứ ngon cho chú nhấm rượu, không có là bị chửi. Từ ngày vợ mất chú có nỗi buồn hận lạ lùng, chú uống rượu ít hơn trước, chuyển qua thói nghiện nghe băng cát-sét, nhất là những bài nhạc buồn. Chú nghe ở nhà chòi góc vườn cao vọi, mở vô-lum to, ngõ cả xã nghe được. Nhiều nhà suốt đêm thao thức vì những bài hát từ cái chòi của ông Láng.

Các bà khuất bóng sớm, các ông sống dai dẳng. ở quê sinh ra cách “làm mỗi ngược”, tức là con cháu to gan làm mỗi cho các cụ. Ngày chớm xuân, sau khi nghe một loạt bài ca buồn ở cái đài của mình, chú Láng diện áo bành, đội mũ phớt, cầm can đi ra đình làng.

Ô, cụ Láng diện bành quá, da dẻ cứ như trai tráng.

- Cụ Láng đẹp giai ời, cụ đẹp duyên được rồi đấy.

Chú Láng nghe lạ tai, thấy đám trẻ cứ chỉ trỏ mình mà cười. Chú đập cái can xuống đất, chửi một thôi một hồi. Lũ trẻ không tha, cứ cười ầm lên. Chú Láng thấy vành tai nóng, khuôn mặt cũng nóng ran. Bất chợt có đám các cô đi chùa về. Lũ trẻ càng cười trêu mạnh hơn.

Chú Láng cảm thấy không nên chửi đồng nữa. Chửi thế nó phạm phu tục tử. Trong đám các cô đi chùa về có một người nhà dọc bờ sông Vân úc đã biết tài vó bè của ông Láng từ năm nao, sau khi chồng mất một mình nuôi con thì đêm đêm không ngủ được vì tiếng đài nỉ non của ông Láng. Vườn nhà ông to đẹp mê hồn, các con cũng yên bề cả, ông ấy lại có máu đàn hát đến hay... Lũ trẻ tinh ranh biết tổng điều đó.

- Cụ Láng ời. Cụ về với cô Tân đi!

Cô Tân gần năm mươi, tóc còn xanh lắm, dáng đậm tân táo, da dẻ còn thanh xuân. Cô liếc ông già Láng rồi mắt hút vào lùm cây vải lối chùa...

Đêm ấy chú Láng không ngủ. Lâu nay bữa cơm rượu sáng tối, chú có thói bắt bí đàn con thay nhau dâng hầu. Mấy hôm chú bắt bí nhiều hơn. Thậm chí

có ngày chú bỏ ăn. Đàn con đâm hoảng:

- Sao vậy bố? Hay cơm rượu nhà con sẩm không ngon?

Chú Láng vùng dậy:

- Chúng mày sang thưa chuyện với nhà cô Tân cho tao!

Các con trở mắt:

- Sao ạ?

Chú Láng quát:

- Giăng sao gì! Tao muốn sống với cô ấy!

Đàn con hiểu, chẳng đứa nào ích kỷ, chuẩn bị lễ mọn sang hỏi cô Tân cho bố. Cô Tân về êm thấm với ông Láng. nhà không còn tiếng chửi như trước.

Chú Láng trẻ khỏe ra. Diện cái mũ phớt, áo bành mới, chú năng ra đình làng chơi. Nhiều lần chú khen cô Tân tuổi đầu năm mà mông má còn đầy đà đáo để, tính lại hiền thực, sống êm ấm lắm.

Mừng chó chú Láng. Làng quê từ Tết Ngựa này chắc có nhiều người đàn ông theo gương chú Láng.

IV

Ngày cận Tết. Điện thoại réo liên hồi:

- Chị em bị cảm. Báo anh biết...

Tối lại réo:

- Chị em bị cảm, chưa lên được!...

Rồi vợ ất cũng lên được như con sứa dạt vào bờ. Thị về quê ăn phải món canh cá, thịt lợn chó, hay là hoa quả như cam Tàu nên bị “thổ tả” nặng lắm. Cả nhà hoảng hồn. May có anh bác sĩ về Tết tìm cho dăm vị thuốc mới đỡ. Thị sốt cao lắm.

Thị sốt triền miên. Cả ngày đêm trong mê sảng. Chưa bao giờ Thị lâm cảnh ngộ như vậy. ất hoảng. Bây giờ ất mới biết hoảng.

Tỉnh dậy Thị hốc hác như đã nằm lịm đi hàng năm trời. Chỉ ăn được mùi

bưởi vườn nhà đưa lên cúng Tết. Má tốp, mắt đỏ quạch, tay run run cầm múi bưởi. Thị nói như mê sảng:

- Chuyện chú Láng vui lắm. Lũ trẻ reo hò quanh ông nhà ta hôm lửa bắt con lợn chó vui lắm. Mà các cháu con mấy thằng em mới tuyệt chứ. Giống ông bà nội, cứ như tranh vẽ...

Rồi lại nói:

- Hôm nào anh về mà xem. Cầu phà Hê cũng sắp bắc rồi đấy. Tết sau anh về thẳng nhà được rồi. Năm nay nhà em lại nuôi con lợn chó như các năm trước. Chắc còn thơm thịt hơn năm trước!

Ắt nhắm mắt lại thấy một cây cầu mới bắc qua con sông hiền hòa trong xanh và một chú lợn chó chạy loạn trong khu vườn rộng.

Đêm mừng 3 Tết Ngựa khó quên

14-2-2002

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

P -2 Mẹ Tôi

(Những đề mục nho nhỏ, như những đứa con của Mẹ...)

1

Rẻo đất Nghi Xuân của đại thi hào Nguyễn Du chồi ra biển cả như một chiếc sừng trâu. Người già bảo: Sừng trâu có mấy đốt thì tổ tiên từ xưa đã theo thế mà đặt ra các xã ấp. Có người lại bảo: Chiếc sừng trâu đó chính là chiếc tù và thổi ngoài biển cả. Lại kể: Nó kể bao chuyện cổ tích, huyền thoại, từ các

bài hát đồng dao của trẻ con, cả điệu ví điệu dặm và các trường ca, tráng ca. Biết bao nhiêu vui buồn từ chiếc sừng trâu kỳ lạ đó hòa vào biển cả. Lúc thường đã hấp dẫn, còn lúc sóng to biển động thì nó càng réo rắt, động cả đất trời...

Trong căn nhà lá nằm giữa bãi cát trắng cạnh hàng dương ven biển, ở tận chóp cái sừng trâu kỳ lạ, là một gia đình ấm cúng, có bố mẹ và năm người con. Tất cả đều chăm chỉ làm lụng, yêu biển cả, mắt thường nhìn ra biển. Cha bảo: Chị cả tuổi Ty, cầm tinh con Rắn, nhưng đây là rắn biển. Anh hai tuổi Ngọc, tức ngựa biển. Anh ba tuổi Dậu, tức gà biển. Anh tư tuổi Hợi, tức lợn biển. Cô em út tuổi Sửu, tức trâu biển... Rắn biển là rắn nhưng nó có nét dẻo dai bươn chải hơn rắn đất, rắn ao chuôm. Ngựa biển cũng vậy, nó đã có mặt trong những trang sách, câu thơ khác thường. Còn gà biển thì đương nhiên rồi, nó gáy trước biển cả, tức là trước bình minh... Cứ thế mà suy ra lợn biển, trâu biển... và cả dòng họ có tiếng biển sau cùng này. Người mẹ thì hay kể về những gì sau cùng, tức con trâu biển, cô con gái út của mẹ. Mẹ bảo: Hãy nhìn con nghe hoa, với những cái xoáy lông của nó. Dáng nó khỏe, đậm đà khác thường. Đậm mà không thô, vẫn có gì đó duyên dáng. Và tiếng kêu “nghe ọ” của nó vang lên trước biển, mỗi chiều tà và bình minh. Những tiếng kêu đó như trở thành nốt nhạc lạ của biển cả, phát ra từ chiếc tù và sừng trâu...

Mẹ còn bảo: Tuổi Sửu đậm cả dáng và tình, nhưng cũng đầy sóng gió như biển vậy. Con trâu nhẫn nại gánh vác, nhiều khi ôm đồm như muốn gánh vác tất cả, bởi thế không tránh khỏi vất vả... Những lúc như thế, con “nghe con” của mẹ chạy lon ton từ con đường cát xào xạc len qua hàng dương. “Nghe hoa” cười rất tươi, hai má tằm nắng biển đỏ như hai trái hồng, tay ôm bó lá dương khô nhỏ xíu về cho mẹ nhóm bếp... Mỗi lần như vậy, mẹ cười bảo: “Cả nhà xem kìa. Con “Nghe hoa” sớm thương mẹ, biết lo cho mẹ. Rõ là vất

vả từ bé”...

Những lúc như thế, “Nghé hoa” cũng cười. Hai má lúm đồng tiền rõ như là “cái xoáy” xinh đẹp của nghé hoa... Tiếng cười vô tư, như tiếng bọt sóng vỡ ra tí tách ngoài mép biển...

Hôm trời lặng sóng yên, anh chị đặt cái nong lớn trên bãi cát, cùng nắm sao đêm và những vật sáng lân tinh từ sóng biển đào lên. “Nghé hoa” ngồi giữa, được cung nhất. Anh chị thi nhau đố:

Đố nhé, những con gì thường dậy sớm nhất nhà nào?

- Con gà gáy sáng.

- Chưa phải.

- Còn có con trâu đi cày từ sáng sớm...

Tất cả reo lên. Chiếc tù và sừng trâu của biển như thổi lên một hồi rõ dài.

Chuyện xoay sang anh ba, tuổi gà biển.

Nhưng chuyện “con gà biển” lại sớm về với chuyện trâu. Mẹ kể, hồi bé xú, “Con gà biển” này đã nổi tiếng về trí tưởng tượng. Năm ấy giặc đánh rất ác liệt. Đạn bắn réo từ biển, bom thả phía bờ sông. Có lần đạn réo dữ lắm, anh ba chạy từ bờ sông về, không chút sợ hãi, ôm chầm lấy mẹ: “Mẹ ơi, trâu khôn quá. Hễ nghe tiếng đạn là cả đàn chui tọt xuống hầm”. Cả nhà cười, như quên cảnh bom đạn kia. Những chuyện như thế như xóa đi cảnh gian nan cơ hàn của tuổi thơ. Riêng chuyện “trâu chui xuống hầm” còn theo mãi cho đến ngày anh ba trở thành một nhà văn Quân đội. Đúng là anh đã trưởng thành lên từ trí tưởng tượng kỳ lạ của mình.

Năm tháng qua đi. Trong ngôi nhà lá nghèo trước biển cả kia, mấy anh chị em lớn nhanh như thổi. Bom đạn rồi cũng đến lúc ngừng. Trên cánh đồng gió Lào cát trắng, giữa những rừng dương, một tiếng hát thường vút lên, có tiếng đệm của hàng dương và chiếc tù và biển kia, qua bức phen liếp, lộng vào nhà. Đó là bài hát về “Con trâu sắt”. Thực ra đó là bài hát về chiếc máy

cày màu đỏ, một thời những tưởng làm thay việc con trâu... Bây giờ đi qua những hàng dương cát trắng, vẫn như nghe vọng về tiếng hát một thời, hòa trong sóng, gọi lại dai dẳng kỷ niệm vui buồn... Cho đến khi nó mất hút vào biển cả trầm hùng.

Riêng rẽ đất chiếc sừng trâu, nó đã hóa chiếc tù và biển như thế nào, thì chỉ có tuổi thơ của năm chị em trong nếp nhà lá nhỏ xúu trước biển kia mới kể ra được.

2

Nói sao hết cái náo nức trước mỗi phiên chợ. Chợ làng, chợ tổng, chợ huyện. Chợ làng chẳng có tên. Chợ tổng từ xưa gọi là chợ Bơ. Chợ huyện cũng chẳng có tên, nhưng vì chợ đặt ngay ở làng Tiên điền của đại thi hào Nguyễn Du, nên người ta cứ đặt thêm tên vào: Chợ Tiên Điền, chợ Thơ... Nhất là hôm nào biết mẹ sẽ đi chợ, thì ôi thôi, ngày nào như cũng có tết. Suốt đêm, mấy đứa không ngủ được, sóng biển réo đầy phía rặng phi lao. Nhắm mắt là thấy cả đàn lợn đủ màu chạy khắp nhà, khắp vườn. Mẹ thương lắm. Nhất là cái Thương, út nhất nhà, cũng mơ mộng nhất. Ngay hồi chiều, mẹ bảo:

Mai mới có chợ Bơ. Hay là sang mua tạm bên bà Chắt Tri con lợn đất, cho em nó đỡ mong.

Tất cả mở mắt, đồng thanh:

- Lợn đất không đẹp. Chờ mua lợn màu, mẹ ạ.

Vùng Nghi Xuân lắm nắng lắm gió từ xưa có tiếng làm lợn cho trẻ con chơi. Nghi Xuân nghèo lắm. Nhưng càng nghèo khổ thì càng lắm ước mơ. Hình như những giấc mơ đẹp ấy gửi cả vào những chú lợn béo tốt. Thực ra người

ta còn làm cả đàn con giống. Nhưng lợn nổi hơn cả.

Thực ra, nghề làm lợn cũng có phân cấp. Chợ làng chỉ bán những chú lợn làm bằng đất sét của nhà bà Chắt Trì, lấy từ đất bãi sông. Những chú lợn ấy thô, dễ vỡ. Chợ Tổng tức là chợ Bơ có khá hơn, có những chú lợn bằng bột nhuộm phẩm, gọi tên là cu gừng cu nghệ, nhưng vẫn còn thô. Được cái đàn lợn đã lấm màu, bày đầy trên mẹt nan tre. Đến chợ huyện, tức chợ Tiên Điền thì những chú lợn ấy đã đến mức hoàn chỉnh. Chúng được nhuộm đủ màu tươi, dáng thanh, rất dễ thương. Cách bày biện cũng đã khác, không phải trên mẹt tre, mà trên những tấm vải nhựa màu trải rộng. Những chú lợn ở chợ huyện này trông đáng vẻ cũng khác, oai vệ và điệu dàng hơn, không ghệt ra như lũ lợn đất ở chợ làng...

Sáng nay đã mưa xuân, mẹ đi chợ huyện từ sớm, đến chiều về thì mang cả đàn lợn bốn con về theo cho cả bốn anh chị em. Mưa xuân ướt cả tóc mẹ, áo mẹ. Nhưng mẹ rất vui. Mẹ bày cả bốn chú lợn bốn màu lên nền nhà. Những chú lợn như chạy được ngay. Bởi là hàng tết, nên mấy chú lợn bột được nhuộm thứ phẩm rất đẹp, đẹp hơn cả tranh vẽ. Bé Thương được chọn đầu tiên, nó chọn chú lợn đỏ thắm. Mấy đứa còn lại cứ nhắm mắt như chơi trò ú tim. Tôi nghĩ đến mấy chú lợn đất cũ, nằm trong góc nhà, bèn nói:

- Đừng quên những chú lợn đất cũ, dù chúng xấu xí. Để anh dắt chúng ra, nhập đàn với những chú lợn màu này, cho chúng vui. Lợn cả mà!

Tất cả reo lên. Đàn lợn như ụt ịt ầm lên cả nền nhà. đẹp nhất vẫn là những chú lợn bột nhuộm phẩm màu. Chúng cao giá hẫ lên, khi đặt cạnh những chú lợn đất. Mẹ nhìn tôi, cười, như có một ý vui nào đó. Mưa xuân lay phay ngoài cửa sổ.

3

Đê sông La thật đẹp. Đẹp nhất vào những đêm trăng. Dòng sông như dải lụa

vàng, viền quanh những phiến đá trắng bên sông, những bãi cỏ biếc xanh. đã thành lệ từ thuở nào thuở nào, đêm đẹp trời, những chiếc nong lớn vẫn được đặt lên mặt đê. Cả nhà ngồi đếm sao, trò chuyện.

Mẹ bao giờ cũng nói trước. Mẹ đó:

- Đố các con nhé. Con trâu đang gặm cỏ dưới trăng kia, bạn thân nhất của nó ở đây là những gì nào?

Chị Phương nhanh nhẩu và bộc trực:

- Bờ đê và bãi cỏ mẹ ạ.

Mẹ bỗng nhồm dậy, mắt nhìn đăm chiêu lên đóm lửa sáng trên Rú Hồng.

Đúng rồi, con gái mẹ nhanh nhẩu và thông minh quá. Nó xứng đáng là con chim đầu đàn rồi.

Anh Tùng hay chơi cùng đám bạn, bảo:

- Con dê!

Mẹ hiểu. ý Tùng muốn nói con dê ở bờ đê, những đêm ăn sương, những buổi phiêu lưu đánh nhau cùng châu chấu, bọ ngựa..., với tiếng kêu vang của nó... hẳn là bạn thân nhất của chú trâu kia. Mẹ xúc động. Con trai mẹ cũng thông minh nhưng ưa sự cụ thể. Nhất định lớn lên nó sẽ sống vững, sống tốt.

Trong khi Việt đang trầm ngâm, muốn tìm ra một điều gì hay hơn anh chị mình, thì anh đức, như một cầu thủ tiền đạo, nói như đinh đóng cột:

- Vàng trắng!

Đúng quá, chẳng phải bàn cãi gì nữa. Đức là vậy, nói chỉ có đúng trở lên.

Hãy tưởng tượng vàng trắng gác lên chiếc sừng trâu!

Thương bé nhất nhà. Cô gái út bao giờ cũng được hưởng sự chuẩn bị trước của các anh chị. Vả lại, bé có nét hồn nhiên riêng. Nó đưa hai tay chỉ lên con diều giấy bay trên bãi mía dưới bên sông, và nói to lên:

- Cánh diều!

Cả nhà reo lên trên bờ đê. Hẳn ông bà và bố đang ở trong nhà kia cũng giật

mình trước phát hiện của bé Thương. Đúng quá rồi, con trâu gặm cỏ bờ đê và cánh diều giấy là đôi bạn thân nhất, trong số những người bạn thân ở trên kia. Mẹ lặng đi, không nói gì. Hẳn mẹ đang nghĩ đến một điều gì đó, từ cuộc đời của mẹ, từ những gì có thật của mỗi người vùng quê này. Con trâu cày bừa nặng nhọc, cánh diều giấy đêm trăng đã làm bạn với nhau từ bao đời nay...

4

Chẳng ai ngờ rằng hồi trẻ mẹ từng nuôi lợn, mà lại còn là người nuôi lợn giỏi.

Mẹ là con gái cưng của một thầy thuốc Đông y vào loại giỏi nhất vùng. Nhà đông con, nhiều các anh chị, ai cũng chiều mẹ. Sức yếu, mẹ lại đi học rất sớm, đêm trăng thường cùng các bạn gái ra ngồi chơi trên bờ đê con sông La dịu dàng, biếc xanh. Đến tuổi thanh nữ, mẹ đẹp duyên cùng bố tôi, một chàng trai nghèo xã trên làm nghề dạy học. Mẹ được gọi là “bà giáo” từ đấy. Đêm trước, trong tiếng ho thúng thảng, mẹ nói với chúng tôi: “Mẹ sẽ ra chợ, tìm mua một con lợn thật đẹp”. Cả năm anh chị em mở tròn mắt nghe mẹ nói. Gió lạnh thổi qua phen liếp thưa. Hôm sau mẹ làm như thế thật. Mẹ ra chợ Bơ từ rất sớm, đến trưa người ta đưa về cho mẹ một chú lợn trắng rất đẹp. Chúng tôi reo lên. Riêng tôi thì nhìn kỹ chú lợn da trắng hồng, có đốm đen rất đẹp ở bụng, mõm ngắn. Đó là chú lợn đực, ngây thơ hết mức.

Đứng bóng, bà con từ phiên chợ Bơ trở về, kháo nhau: “Bà giáo thật dở hơi. Nhà nghèo, lại không chịu nuôi lợn nái. Lại đi tìm chú lợn đực đẹp đáng nhất chợ về nuôi”.

Bác phụ huynh có dáng lực điền khuôn mặt khúc tre già, xếp lên nhau, che chắn lại thành cái chuồng tạm. Chú lợn bột được thả vào đấy. Cả đàn con của mẹ, đẹp như đàn lợn vẽ, đứng quanh chuồng. Chỉ khi nhìn cảnh ấy mẹ

mới cười. Nhất là khi chập tối mẹ hươ lên ngọn đèn dầu, soi tỏ mặt chú lợn và gương mặt từng đưa con của mẹ.

Đêm ngồi ăn nôi khoai luộc thay cơm, bác phụ huynh tốt bụng chân thành nói mẹ: “Sao bà giáo không nuôi lợn nái?” Mẹ trả lời xa vời: “Tôi đã có cả đàn con”. Bác phụ huynh: “Thì bà giáo lấy công làm lãi, đập cái này vào cái kia”. Mẹ lại trả lời: “Cảnh đàn bà đông con thật khổ. Như con lợn nái ấy mà bác”. Về sau mẹ còn phân trần thêm: “Thôi thì nuôi chú lợn đực cho nó nhanh nhẹn, khỏe khoắn. Giàu đâu đến mình”.

Mẹ là con thầy thuốc, mẹ đem những hiểu biết của mình về sức khỏe con người, để chăm đàn con, chăm luôn cả chú lợn. Mẹ là bà giáo, lấy cái sạch sẽ tinh tươm làm chính. Mẹ thức khuya dậy sớm kỳ cọ chuồng, che chắn gió cho chú lợn. Mẹ lấy cái tình để nuôi nó trong sự sạch sẽ, kham khổ. Những nắm rau muống, người và lợn chia nhau, hái trên rẻo đất hạn hán nứt nẻ chân chim. Đàn con của mẹ bớt cả suất cơm khoai của mình cho chú lợn. Chú lợn trắng đốm đen như hiệu điều ấy, chịu ăn, ít kêu khi đói, trông rất ngoan.

Nhiều đêm thấy mẹ thấp lên ngọn đèn, vào tận chuồng, vuốt ve trò chuyện với chú lợn, như với người. Sáng ra, da chú lợn hồng lên, với những túm lông xoáy rất đẹp, như trong huyền thoại. Những lúc như thế chú nằm lim dim. đêm khuya qua vách liếp nghe rõ tiếng mẹ, như bài hát đồng dao về lợn, như bài hát ru dành cho chú lợn. à... à... ngoan nhỉ. Con lợn có béo, cổ lòng mới ngon. Hiền, nhưng không ngu đàn đâu, nhỉ. Chỉ có lũ ác mới ngu thôi. à... à... ngủ đi. Tết sắp đến rồi đấy...

Tiếng mẹ ru lợn lạ nhất trên đời, khiến chúng tôi thiu thiu ngủ.

Đó là một buổi buồn vui, chúng tôi không bao giờ quên. Mới tảng sáng.

Chúng tôi không hay biết gì. Chạy ra chuồng, dưới ánh ngọn đèn dầu, thì đã thấy bác phụ huynh quen biết cùng một người nữa khiêng chú lợn đi. Chú bị buộc hai chân trước sau, lắc lư như đánh võng, bằng một sợi dây dài. Bác

thều thào: “Bà giáo nhờ tôi bán, để mua gạo cho các cậu ăn. Bà ấy không muốn nhìn thấy cảnh này. Bà đã đi chợ Bơ từ sớm...” Chú lợn bị trói chặt, quẫy lân một cái, rồi khuất sau lối cửa. Chúng tôi, đàn con của mẹ, đứng như trời trồng, thành một đội hình để tiễn biệt chú lợn. Mãi sau này tôi mới hay rằng: Có những cuộc chia ly thật lạ, người ta tránh mặt, không muốn nhìn thấy, như những con vật nuôi mà người ta yêu quý...

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Mẹ Tôi P 5 - P 6 - P 7

5

Mẹ tôi tuổi Thân. Chẳng hiểu sao, người cứ nhận là tuổi Gà. Mãi đến ngày mẹ mất, mọi người mới hay điều đó. Trong nhà tôi, tôi và thằng cháu Nam con chị Cả, tuổi gà. Mẹ bảo: nhà ta có những ba con gà. Có cả một đàn gà đi kiếm ăn với nhau, sống bên nhau. đêm đêm, tôi thường nằm giữa, cháu Nam và tôi hai bên. Mẹ kể chuyện gà trống và quạ khoang. Chú gà trống mào đỏ thẫm, còn quạ thì có khoang trắng ở cổ...

Chẳng phải là cổ tích, nên chuyện không bắt đầu từ “ngày xưa, ngày xưa...”. Cũng chẳng phải là chuyện kể bây giờ, như chuyện bên hàng xóm. Mẹ tôi là vậy. Người có tài kể những câu chuyện không rõ niên đại. Chuyện của Người thường hợp với con trai và cháu trai. Hình như Người âu yếm, thành một trường học, biến tôi và cháu Nam thành hai chú gà nhỏ “Cục... cục”

quanh Người. Khi giọng kể cất lên, thì rõ ràng như vậy... Trước đây khi con người chưa biết đến ganh tị và xảo quyệt, gà trống và quạ ở cùng với nhau. Gà trống có mào đỏ đẹp như mặt trời. Nó cất tiếng gáy tuyệt vời vào mỗi buổi bình minh. Đi đứng thì oai vệ và đáng yêu hết chỗ nói. Thường người ta oai vệ thì không còn đáng yêu, chứ gà trống thì ngược lại. Tâm hồn chú trong sáng vô cùng. Quạ khoác áo màu đen, cái màu của bóng đêm. Nó thường kêu vào ban đêm, trên những mòm đồi hoang đến rợn người. Nó là biểu tượng của sự sợ hãi, xa lánh. Khi bay, sải cánh của nó nạt vào không khí như vuông vải bị xé nát, lạnh và âm u. Nó chui rúc, lẩn khuất. Sự ganh tị của con người bắt đầu từ đây...

Mẹ tôi kể như vậy, không ra xưa, không ra nay. Cứ từ tốn mạch lạc, đầy tính cách. Tôi và thằng Nam như hai chú gà trống nhỏ cựa cựa quanh Người. Thỉnh thoảng Người dừng lại, nhìn chúng tôi. ầm ập tràn đầy. Rõ ràng mẹ là người có lối kể chuyện hay nhất về con gà.

... Quạ bèn rắp tâm từ đó. Nhưng lòng nó đầy mâu thuẫn. Nó tự buồn cho mình nhưng lại hợm mình. Nó bèn đến bên gà và nói: “Này gà ơi, xứ sở này chỉ có chúng mình đáng mặt đàn ông. Ta chơi với nhau nhé. Chúng mình sẽ như hình với bóng. Minh đen, người ta có nhầm là cái bóng của cậu cũng chẳng sao”. Gà tốt bụng và cao thượng, nhận lời. Nhưng đi đến đâu, hễ thấy quạ là người ta xua đuổi. Quạ mưu tính việc khác. “Này gà ơi, hay là cho tớ mượn tạm tiếng gáy của cậu. Tớ cũng đánh thức bình minh được mà”.

Nhưng mượn sao được. Một bên là tiếng “O... O” Cao vút. Một bên là tiếng “Oa... quạ” trầm đục. Quạ tức lắm. Nó xoay sang hợm hĩnh, theo lối nghĩ của quạ. Nó nghĩ: “Gà tốt, nhưng có ai sợ gà. Ta hơn gà. Ta lại giống mọi người hơn...” Đợi đêm giao thừa nọ, trời tối như mực, quạ bèn tìm đến ăn trộm cái mào bình minh đỏ rực của gà. Nó mừng thầm, nghĩ rằng sáng mai mình sẽ đẹp lắm. Cuối cùng nó cũng lấy trộm được một ít màu đỏ với chiếc

mào của gà. Nó xâu thành chuỗi, như thể một vọng nguyệt quế, chực sáng mừng một là đeo vào cổ để lờ thiên hạ. Nhưng than ôi, sau một đêm, cái vòng đỏ bắt lương ấy cứ tái đi, trắng bệch ra. Và đến sáng, cái buổi sáng đầu năm, quạ hí hửng bay ra, chẳng ngờ lại mang theo cái vòng trắng ở cổ. Vòng trắng ấy như một con số 0 khổng lồ. Từ đó có tên gọi quạ khoang. Nó không đổi được lột mình.

Mẹ buông một câu: Cuối cùng quạ thì vẫn là quạ. Nó làm sao biến thành gà trống được. Phải không hai con gà trống này?

Chuyện của mẹ chỉ có vậy. Nó chẳng thuộc loại chuyện nào. Có thể có một chút từ những sự tích xưa về cái mào gà trống, về quạ khoang, rồi Người thêm vào, theo lòng yêu và ghét của mình. Không cần rõ niên đại, cốt là bộc lộ được cái hồn của người kể. Bởi vậy, chúng tôi không thể tìm nó ở trong sách nào. Cái chính là do tình yêu, lòng hoài vọng của Người đối với cháu con, đối với chú gà trống. Đó chính là câu chuyện của lòng hoài vọng. Mẹ tôi yêu chú gà trống một cách lạ lùng, không giống với bất cứ một ai trên cõi đời này. Bây giờ mẹ đã đi xa. Mẹ nằm phía một vùng quê ngoại thành.

Sương mai ướt đầm bãi cỏ. Từ phía đó, tịnh không nghe tiếng kêu “Quạ... Quạ” rộn người như ở các nghĩa trang, mà tôi luôn nghe vang lên tiếng của một chú gà trống gáy đến nao lòng: ồ... ó... o...!

6

Chú vẹt khoang màu nước biển ấy nhập vào gia đình chúng tôi từ bao giờ, chỉ có mẹ tôi và tôi biết rõ hơn cả. Đó là chú vẹt thứ ba của riêng gia đình vẹt. Trước nó, có bố mẹ và các anh nó. Năm ấy, người lái xe cơ quan tên là Kế, biết mình bị ung thư khó qua khỏi, đã thì thảo với tôi trên giường bệnh: “Cậu vào đưa đàn vẹt về nuôi giúp mình nhé”. Nói rồi, anh Kế mất.

Tôi đưa đàn vẹt về nuôi theo một lời trời trăng. Mẹ tôi quý chúng lắm. Một phần, có lẽ vì từ bé, ông ngoại tôi và các cậu tôi đều mê nuôi chim. Nhưng

đáng nói hơn, vì đó là vệt của anh Kế, người lái xe trung thực và đôn hậu. Được mẹ tôi hết lòng chăm sóc, chẳng bao lâu đàn vệt sinh sôi nảy nở. Vỏ kê vàng rắc dày trên nền nhà đá hoa. Hôm nào đi chợ mẹ tôi cũng cho vệt ăn tươi bằng mấy cuống rau muống hoặc lá su hào. Ngoài kê, vệt thích nhất hai thứ rau ấy.

Chú vệt khoang, cùng các anh chị của mình chào đời vào một buổi tối thật cảm động. Mẹ tôi ốm, người không chăm coi vệt được hai ngày. Nhà vệt kê ra có ba tầng. Tầng trên đẻ ngủ và đẻ trứng. Tầng thứ hai, rộng hơn, có bắc thanh ngang để vệt đứng chơi, ăn uống và ca hát. Tầng trệt, để hứng vỏ kê, phân vệt và những chiếc lông rụng xanh, đỏ, vàng... đủ màu. Tôi thì chú ý nhất khu vực tầng hai, còn mẹ tôi thì chú ý nhất tầng dưới cùng và tầng trên, là tầng vệt đẻ và ấp trứng. Đó cũng là một đặc điểm nhỏ của người mẹ.

Đêm ấy, ba quả trứng nở ra ba chú vệt con. Bờ nuôi lần đầu không có kinh nghiệm, chúng tôi đã để ba chú vệt còn dính, rơi tồm xuống tầng trệt của nhà vệt. Mũ chuột đêm đánh hơi, chén hai chú vệt anh. Máu đỏ vón đặc túm vỏ kê, trông thật thương tâm. Chú vệt út may quá, lũ chuột thấy động tha vội, chỉ mới cắn đứt chân trái. Cũng có máu. Chú vệt tội nghiệp đau và khiếp sợ quá khi mới mở mắt chào đời, đến chết ngất đi.

Người mẹ bao giờ cũng nhiều linh tính về đêm. Đang mệt, mẹ tôi cũng dậy. Mẹ không đánh thức tôi. Mẹ lặng lẽ đưa chú vệt con bị thương lên tầng trên nhà vệt, đây nắp cửa lại. Sáng ra, tôi vừa mừng vừa thương. Không nói được một lời nào. Vết máu vệt khô đặc lại.

Đến một ngày, vệt bố và vệt mẹ cũng bay đi. Chỉ có chú vệt bị thương ở lại. Chú lớn rất nhanh. Đôi mắt màu vàng hạt cườm. Mỏ ra dáng cong rất oai. Lông khoang xanh màu nước biển rất đẹp. Chú hót những tiếng xa xôi, có gì như cô độc và chào gọi. Đáng buồn nhất là cái chân. Chú đậu trên rào bằng một chân. Khéo đến nỗi ít ai nhận ra điều đó.

Chú hay hót về sáng, nhất là về đêm. Khi mẹ tôi bật đèn hoặc mở đài, là chú hót. Tiếng hót vang và xa, đượm buồn nhưng đầy sinh lực.

Mẹ tôi ốm dài ngày. Vỗ kê và lông vẹt rơi cả xuống nền nhà. Lắm lúc mẹ tôi nói gở: “Nếu mẹ mất, con nhớ thả chó chú vẹt về trời nhé!” Chẳng hiểu sao, những lúc như thế, chú vẹt khoang nhảy lên xao xác, hót to lên như muốn nói: “Mẹ và anh đừng bỏ con”. Tôi nghe, biết chắc là có tiếng người đang nói.

Mẹ tôi ốm rồi mất. Người không kịp nói gì với chú vẹt mấy lần mồ côi. Lần đầu tiên và có lẽ là lần duy nhất trong cuộc đời, tôi không làm theo lời mẹ dặn lại. Chú vẹt khoang không về trời, chú ở lại với gia đình tôi. Như một nghĩa vụ thiêng liêng.

Cuộc đời vốn lắm lời đàm tiếu, ngay cả đối với chú vẹt mồ côi. “Sao để nó một mình, ác vậy?”... Có người lại nói: “Nuôi vẹt bây giờ, chán chết. Hết phong trào nuôi vẹt rồi. Nó chỉ rộ lên mấy năm trước”.

Tôi nhìn chú vẹt khoang, rơm rớm nước mắt. Không, tôi không ác. Đó là kỷ vật của anh Kế, của mẹ tôi để lại. Vả lại, tôi có hiểu gì phong trào nuốt vẹt Hồng Kông mấy năm trước. Cái gì thuộc về phong trào, đều khó bền vững. Mà sao lại gọi được là “phong trào nuôi vẹt”. Tôi chỉ biết, nó là một con chim, một con chim đáng thương và tội nghiệp một linh hồn. Thế thôi.

7

Nơi tôi ngồi viết là dãy nhà tầng trệt, đã bắt đầu có vẻ hoang phế. Lô cỏ phía trước giữa hai dãy có nét ngây thơ và hoang dại đến lạ. Đêm thường có đom đóm bay. Nhiều khi tôi lẩn thẩn ra nhìn xuống đấy, gọi mẹ: “Mẹ ơi, con đang ở đây này”. Sợ người ta cười, lại cho là con người mình và đất này dễ bị chứng tâm thần. Nhất là với người. “Bể nước phía trong bắt đầu có rêu, nước chảy tong tọc, buồn buồn. Có khi dềnh ra cả ngoài, như đất bị nứt. Dạo này, nơi đây như ngôi miếu cổ. Trăm thứ chai lọ đầy bụi. Như một bảo tàng

y học cổ đại. Ông thủy tinh xếp đầy rổ tre. Dễ đứt tay đứt chân. Những chiếc áo bờ lu treo rạc trên tường, bên cạnh đủ thứ bà dằn, nó chuyển qua các màu không thể tả được. Cũng không cảm thấy bản, chỉ thấy lạ như nguyên sơ, nguyên thủy. Đây là phòng xét nghiệm cỡ hiện đại nhất nước. Hình như người ta bỏ dần. Cán bộ đi làm nơi khác. Những con người dù lắm điều, nhưng vất vả, chịu thương chịu khó. Đáng trọng. Chéch cửa sổ dãy nhà khác thì có vẻ tinh tươm hơn. Có một ô cửa mở đóng thất thường. Một người thấp nhưng đẹp ở trong đó, thường là thức tận khuya. Đó là một vị tiến sĩ, vừa được công nhận về một đề tài vi rút có tầm cỡ quốc tế. Cứ vậy. Cuộc sống cài bỏ, cái giữ, cái tiến, cái lùi, chẳng biết đâu mà lường được. Tiếng kháo nhau của đàn bà tôi nghe từ dạo năm ngoài, bây giờ im ắng rồi: “Người ta bỏ phòng này. Chấn chỉnh biên chế!” Những chai lọ, rổ rá vô hồn thì ở lại. Được cái, khu này thoáng mát, gió gào trên những ngọn cây. Đêm đêm hình như bao giờ cũng có nửa vành trăng lưỡi liềm, như cánh điều lũ trẻ ở đây, toàn rơi xuống. Ngày có cái lạ của ngày, đêm có cái lạ của đêm. Có chị đã lớn tuổi trong ngành y mà trưa nào ngủ lại phòng làm việc của mình cũng thấy ma đủ loại. Tôi khuyên nên thắp hương vì người ta nói điều gì đó, tôi nghe không rõ. Có thể đúng, vì đây trước là nghĩa địa hoang, trước cả thời Tàu tràn sang. Phần âm, sợ là phải. Đừng cho là người ta bị tâm thần. Có đêm nóng quá, tôi mắc cái màn lớn ra ngay lối cửa. Nửa đêm bỗng đau nhói ở chân và như có ai nặng lắm giẫm lên. Bật ngay dậy, thì chẳng hiểu sao cả. Có con gì thật lớn, còn lớn hơn cả chú mèo lớn quấy tung góc màn như mắc lưới. Quấy mãi mới ra được. Không dám nhìn. Có thể là con chuột cống khổng lồ, to như chú lợn choai. Chuột ở bệnh viện thì khỏi phải nói, có viết đến cả trăm trang sách cũng không thể nói hết. Vì ở dưới viện lớn lâu năm là cả tầng hầm. Xác người phải đập lồng bàn bằng sắt dày, nếu không sáng ra sẽ bị chuột xoi một phần cơ thể. Đây sang đây gần thôi. Cách một con sông

lấp nho nhỏ, nước chảy lờ đờ. Rất có thể đêm đêm lũ chuột qua lại như đàn trâu lội qua sông...

Tôi đến sống với em, có cả nghĩa âm và nghĩa dương. Từ đây sang bệnh viện nội cỡ lớn nhất nước. Chỉ mấy bước chân. Con sông lấy đầy bùn, chảy cật lực, mùa hạ cũng không khô được. Cách mấy búi tre, trước đây là nhịp cầu tre. Đêm, tưởng như ánh sáng và tiếng rên từ phòng bệnh lan cả sang đây. Mẹ tôi trút hơi thở cuối cùng ở đó. Những ngày cuối, thật lạ, người ta cho mẹ tôi thở ô xy, mở nội khí quản. Buổi trước khi mất, mẹ tôi thều thào: “Cho mẹ ngồi dậy”. Tôi chiều mẹ, biết là lần cuối cùng. Tôi quay thanh sắt đầu giường bệnh, để phía đầu giường cao dần lên. Đầu mẹ được nâng lên, rồi mẹ gục ngay xuống, như chiếc lá héo. Mẹ thều thào: “Con đi làm đi để có lương mà ăn”. Nhưng tay mẹ, cánh tay đã hóa xương, níu thật lấy túi áo của tôi và cứ thế mà giăng cho đến đứt. Cho đến lúc người tắt thở. ôi, lý trí của mẹ, sự tinh táo của mẹ và cái níu cuối cùng của mẹ. Mẹ đi vào ban đêm. Người ta bảo: ở các nước văn minh, nếu đặt ca-mê-ra quay liên tục thì thấy bốn mươi chín ngày quanh thì thể người chết như sáng lên những vòng kinh lạc kỳ lạ bao quanh. Sau bốn mươi chín ngày thì chuyển sang hình dáng khác. Vẫn là một đốm sáng, quay vòng quanh, như vì sao. Khoa học cỗi tận cùng là vậy. Tôi hỏi em: “Em có hiểu vì sao anh đến ở đây với em, cạnh bệnh viện này không?”. “Vì tình yêu” - “Có phần đúng” - “Vì nhân duyên cuộc sống?” - “Có phần đúng”. Nhưng còn gì nữa không? Chắc em chưa hiểu. Thêm một chuyện ở bệnh viện. Hằng ngày anh đạp xe đi qua nơi mẹ anh đã mất. Anh đã đi vòng như vậy lâu nay, mà chắc em và nhiều người chưa hay biết. Anh muốn mình là ngôi sao quay bên mẹ.

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Mẹ Tôi P 8- P 9

8

Tuổi thơ nhớ nhiều điều nhưng có lẽ cuối cùng nhớ nhất là con Vàng thương mến. Con Vàng của nhà tôi. Nhà tranh, vườn hẹp, con Vàng chạy vào chạy ra trong cảnh bần hàn. Bố làm ăn lương, nhà như con thuyền trôi giạt, như một chiếc lá tre giữa biển đời. Hóa ra, suốt những năm cơ hàn đó, con Vàng đứng trước mảnh vườn nhỏ xơ xác của nhà, lại hóa như lá cò xí, như một kẻ chèo thuyền thủy chung, tận tụy. Vàng hiền ban ngày, dữ ban đêm. Vàng hiền với người hiền, dữ với người dữ. Vàng đường đường chính chính với khách quý của bố, của gia đình, nhưng cắn trộm rất giỏi, phập cả hàm răng, với người xấu, hàng xóm xấu. Hóa ra Vàng là cả cuộc đời. Là nhân tình thế thái. Là triết học, nhân văn. Nhà nghèo, chỉ có duy nhất tấm phản của một người đi rừng tặng. Tấm phản chỉ mới được bào nhẵn mặt trên, mặt dưới lởm chởm những gỗ. Gia đình dùng để làm bàn ăn cơm. Con Vàng từ nhỏ nằm khoanh dưới đó. Dưới đó là cái nhà của nó. Nó lớn lên. Cái phản với hai ngựa gỗ thấp lùn, vẫn vậy. Vàng phải đi cúi, đi còm. Lông vàng của nó hết lớp này đến lớp khác, cắm đầy vào mặt dưới tấm phản, như cái bàn chải khổng lồ. Như tấm thảm đặt sập. Dày có đến cả gang tay. Đó là tấm thảm chó, có lông vàng, chắc mọi triều chính đều không có. Có ông anh họ ngang

ngược tên là Đùng. Anh Đùng da đen, học giỏi, rất đàn ông. Nghe đâu anh giặc ngộ rất sớm. Mỗi lần sang nhà, gặp tiết đông lạnh quá anh tảo tợn lật ngựa tấm phản, nằm ngủ trên tấm thảm lông chó cho ấm. Sau anh đi bộ đội, làm to, giặc sợ như cọp. Có lần anh cưới con ngựa hồng, đeo súng lục, có hai gác đờ co về làng. Vào nhà anh tìm ngay tấm phản lông chó. Nhưng suốt thời gian anh đi vắng, Vàng chết, anh khóc... Chẳng là năm trước đó, cô em gái của chúng tôi lên năm tuổi, bị ốm rồi mất. Đêm đêm Vàng ra nằm khóc trên nắm cát mộ em. Rồi Vàng ốm nặng. Tiếng của Vàng ăng ăng vọng từ bãi tha ma gần đó, nghe rất thương. Anh đùng sau đó đi học lái máy bay phản lực. Đáng anh làm đến tướng, chỉ tội lắm vợ, đa nhân duyên. Bị thải về, anh làm nghề đi biển. Có lần anh ghé thuyền vào một hòn đảo xa, hỏi một người canh đèn ngoài đảo, thì được biết là vì từ bé anh nằm trên một tấm thảm lạ, lạ hơn cả thảm của vua chúa. Nên nó hành, nó ám. Như vậy là số kiếp anh còn lạ lùng hơn ông vua lạ. Đúng rồi, thuở bé anh nằm trên tấm thảm lông chó.

Nói đúng ra thì mẹ tôi chẳng yêu một con vật nào cả. Ngay con vật cảm tình của mẹ, mẹ cũng nói vu vơ lắm. Tôi và thằng cháu ngoại tuổi Gà, con gà mờ, mẹ không ghét, nhưng chẳng yêu. Nói vậy thôi, có thể mẹ quý con chó hơn cả. Có thể từ con Vàng tội nghiệp trở đi. Từ tấm phản và tấm thảm chó. Từ cái chết của em. Từ tiếng khóc ăng ăng của Vàng vọng từ bãi tha ma cát bỏng. Hết thấy cảm hóa mẹ. Làm cho mẹ dù không yêu chó cũng phải quý chó. Có thể, cả cuộc đời, từ thể chế, chồng con, chẳng gì chinh phục được trái tim mẹ. Chỉ có chó chinh phục được trái tim mẹ. Vì nó là chó, chứ không còn là gì khác. Tận cùng của kiếp sống, cũng như đứa con nào là tận cùng của kiếp khổ thì mẹ thương yêu. Mẹ chỉ quý chứ ít yêu những đứa con khôn ngoan, thành đạt. Chỉ những đứa nào tựa như chó. Khôn và dại như chó. Ưu điểm và khuyết điểm như chó. Thì người mẹ mới yêu tận lòng.

Trong tiếng con Vàng ăng ăng khóc từ bãi tha ma vọng về, nhiều đêm mẹ cũng khóc theo. Để giữ vững tinh thần cho chúng tôi, đêm đêm mẹ lại gượng kể đủ loại chuyện về chó. Thuở nhỏ, ông ngoại nuôi được con chó trắng, cứ đêm trăng là nó đi hai chân như người dọc các đường trong làng. Mỗi khi thành cô gái, rồi lấy chồng, sinh con, mẹ vẫn không hiểu nổi vì sao lại như vậy. Ông ngoại im lặng, chẳng nói gì đến con chó trắng ấy. Lớn lên, mẹ sợ chó đen chó trắng, chỉ nuôi chó vàng là vậy. Hay mẹ kể có năm mẹ ở cạnh nhà bà Đàm mới từ bên Pháp sang. Bà Đàm nuôi một con chó đốm đực rất lực lưỡng. Bà này chẳng yêu chồng, cứ ông chồng Tây đi lục lọi ở xa về, là bà ôm. Chồng đi vắng, ở nhà với chú chó đốm đực lực lưỡng là bà nhanh nhẹn, khỏe ra. Suốt ngày con chó quẩn quýt bên bà, liếm” cái ấy” cho bà đầm. Chuyện chó của mẹ tôi như vậy, khác hoàn toàn với các chuyện nó nhen nếp, chọn lọc, có tính giáo dục của ông giáo từng làm quan đốc học của bố. Có thể nhờ chuyện chó của mẹ mà chúng tôi đứa nào cũng vừa ngây thơ vừa táo tợn. Sống được như chó má cuộc đời. Không bị nó ám. Tâm hồn vừa trong vừa đục. Biết thay đổi tư duy luôn luôn.

9

Mẹ tôi mất vào tháng Hai năm Nhâm Thân. Điều này với riêng tôi là một đau khổ không nói hết. Đêm mẹ mất ở bệnh viện, tôi cứ chạy hắt ra, như ma đuổi. Chạy một mạch về ngôi nhà hiu quạnh của mình phía hồ rộng. Tắt hết đèn, thắp hương vào đất, thức viết một trăm bài thơ. Thơ chỉ làm dịu được cơn đau. Đau khổ quá, gần như thành vô cảm. Nặng hơn tâm thần. Sau khi mẹ mất, nhiều người bảo tôi trút được một phần gánh nặng mẫu tử, lại được linh hồn mẹ phù trì phù hộ, nên béo khỏe ra, mọi việc đời êm thấm. Không phải. Chỉ vì tôi vô cảm đấy thôi. Chẳng có gì để mà bệnh, mà buồn nữa. Anh xem anh có lương bổng, áo quần bánh bao. Vậy mà chưa chi đã ốm, đã bệnh. Kẻ điên đi dọc hè phố trong gió sương, không mang theo một danh

hiệu và niềm hy vọng nào, chẳng cơm, chẳng áo, ăn đủ thứ bần nhất trên đời, vậy mà chẳng đột tử, cấp cứu. Chỉ nhờ sự vô cảm. Tôi treo cái áo bạc phếch của mẹ lên tường. Đêm đêm mò dậy sờ vào áo mẹ như hồi bé mơ hồ nửa đêm sờ sầm đòi bú. Rồi lại lăn đùng ra giường, thiếp đi. Vô cảm, không biết khóc là gì. Thật đấy. Riêng điều này thì tôi không biết nói dối đâu.

Đêm nay thật lạnh. Cái lạnh trước Tết Quý Dậu. Tôi bật mấy băng nhạc trữ tình, định ngủ. Bỗng nhớ mẹ. Chồm dậy bật đèn, lấy vội bản thảo những bài thơ khóc mẹ hôm nào. Lật ngược, như người lộn đầu xuống đất, viết vội. Tôi muốn viết một điều gì đó để dâng lên linh hồn của mẹ.

Mấy hôm ở tòa soạn báo tôi nổi khùng định viết một truyện: Quái vật bên hồ Xuân Hương. Chẳng là ở nò Nét hoặc một hồ nào đó trên trái đất này, người ta không ngớt kháo nhau về những con quái vật. Vì nước thăm sâu, lại qua nhiều thiên niên kỷ. Điều này thì không hề vô cảm. Chắc chỉ là do trí tưởng tượng mẹ cho từ nhỏ và vài ý tưởng có thật trong cuộc đời. Như ghê tởm.

Ngày cũng như đêm tôi nhìn màu nước xanh rất lạ của riêng hồ Xuân Hương và chắc ở dưới đó cũng có một quái vật rất lạ. Quái vật bò lên, thậm chí nhiều khi đội lốt người, sống cùng người. Người ta lại đang kháo nhau về những con rùa ở hồ Hoàn Kiếm. Hoàn Kiếm nghĩa là trao kiếm. Lịch sử có những con rùa như vậy. Đừng vội kết luận. Lòng dạ thiên nhiên bí ẩn và lạ lùng hơn lòng dạ con người. Người đã lạ. Thực có quái vật trong đám người. Tôi xếp đặt tình tiết đã xong và cảm thấy viết được. Hay thì chưa dám chắc, chứ loại truyện có phần bày tỏ sự nổi giận này của tôi thì chắc sẽ được bạn đón đọc và đồng cảm.

Nhưng đêm nay, chính cái đêm lạnh áp Tết này, nhớ đến mẹ, đến tất cả những gì người kể lại, tôi lại chỉ viết về cây na có thật đầy thương cảm. Chỉ viết về một cây na đến với cuộc đời một cách lạ lùng và ra đi cũng lạ lùng và đau buồn như thế. Một cây na truyền kỳ. Điều này thì anh nên tin tôi. Với

mẹ, tôi chưa bao giờ nói dối.

Chẳng là quê mẹ tôi ở bên dòng sông La. Vườn nhà ông bà đẹp, trồng nhiều cây na. Ông ngoại làm thuốc, thường treo những chiếc lồng chim cu gáy vào cây na cạnh hè nhà. Mẹ bảo: “Ăn na mát, ông bảo thế”. Hình như na cũng là một vị thuốc lạ. Chữa được những bệnh gì, mẹ tôi cũng không biết. Chỉ biết nó mát, tinh khiết. Da nó sần sùi như da cóc. Thịt nó trắng đến kỳ lạ, kiểu trắng của da, thịt cô tiểu thư con gái út của Ngọc Hoàng. Trong cùng là hạt đen nhưng nhúc. Đen huyền bí như màu mắt con gái thuở dậy tình. Răng đen hạt na là vậy, cũng vậy. Hình như đốt hạt na lên trộn với rượu hoặc thứ nước nào đó tôi không nhớ, chữa được bệnh tổ đũa. Quả na hột như cuộc đời, đúng hơn là như trái đất sần sùi này. Sự cấu trúc của nó cũng chính là cấu trúc cuộc đời: đen và trắng, thô và thơm đầy mâu thuẫn, đối nghịch, hữu ích. Mẹ tôi yêu quê bố mẹ, quê hương đến kỳ lạ. Nhất là với ông ngoại của chúng tôi. Cây na, quả na, vị na... ngấm vào hồn và da thịt, chỉ là một minh chứng cho lòng yêu ấy.

Mẹ lấy chồng, sinh con, lắm cháu. Cuối đời mẹ nằm trên cái giường một nhỏ xíu, nhỏ hơn cỡ giường cá nhân ở các nhà tập thể. Đặt cạnh cửa sổ. Nhà ở tầng ba của khu nhà cao tầng. Chính tại tôi nghe mẹ kể hai giấc mơ của Người. Cuối cùng nghiệm rất đúng.

Giấc mơ thứ nhất. Một đêm mẹ bảo mẹ nằm mơ thấy ba ông Tây đen đi lừng lững vào nhà. Ba ông đều hiền, chẳng nói năng phá phách gì. Mẹ tỉnh ngủ thì thấy rõ ba ông đi ra. Lối cửa sổ. Có bóng một cây gì loáng thoáng ở đó. Năm ngoái, phía trước sân khu nhà tập thể gần Chợ Giời, người ta đào lên để xây móng làm nhà dịch vụ. Chỗ cây bàng đào lên thì quả có ba quan tài Tây. Nhìn khung xương thì chắc là Tây đen. Chẳng là khu tập thể xây trên nghĩa địa Tây. Bên kia đường là Tây trắng, bên này đường là Tây đen.

Còn đây là giấc mơ thứ hai. Vào cuối đời mẹ bệnh nhưng người vẫn vui. Sau

một giấc ngủ ngon, người thường xuyên ý tứ duỗi chân lên cửa sổ, nói rất lạ: “Thuở từ nhà ông bà đi lấy chồng, mẹ mơ cuối đời được nằm bên một cây na”. Năm tháng qua đi. Chẳng hiểu sao, trên tầng bê tông chìa ra trên cánh cửa dùng để che mưa nắng, một ngày nọ bỗng chồi lên một mầm na. Chắc có một chú chim thiêng nào đó đã tha hạt na bỏ vào đó. Chẳng có đất mà cây na vẫn lên. Mẹ tôi thăm lặng đổ bã chè vào đó. Đêm khuya người đổ nước vào cái ca nhỏ, luồn qua song cửa sắt, tưới cho cây. Tưới nhẹ như hạt sương, sợ hắt ướt sân nhà dưới. Tôi thương mẹ, lao ra, dùng gạch xếp khế thành cái vườn chữ nhật chỉ dài bằng chiếc ghế dài. Có chăng dây xung quanh. Sau mùa giông, có tiếng sét, na lớn nhanh. Lá xanh đầy sức lực. Đêm đêm có một hoặc đôi chim cu đến đậu, sáng ra thấy phân trắng. Hình như đã có người đến xin nắm lá về làm thuốc. Cây na cao vọt lên, không gầy, nghiêng nhánh ra ngoài không gian, đâm cả nhánh vào ngay giường mẹ. Bắt đầu ra hoa, trắng, vị giòn ngọt, say say. Cây na không còn bé tẹo, nó trở thành một chàng thanh niên, đứng và sống cạnh mẹ.

Khổ nhất là cái rễ na. Người ta kháo nhau: Rễ na như có ma, như vòi bạch tuộc, đi xuyên cả tường gạch xi măng. Quả đúng như vậy. Dưới giường mẹ nằm đã có dấu hiệu rễ na len vào đó. Trắng, rỉ nước. Nhà tầng dưới ngược nhìn lên sợ. Hình như họ nói cả luật trồng cây trong thành phố. Quả thật là khó, cho thân phận một cái cây giữa cuộc đời. Luật sư khó bào chữa. Nó là cái cây mọc giữa không gian. Cái cây do chim tha hạt đến trồng. Có một hôm con chim màu nhung đen đã làm cái việc ấy. Mẹ nhìn thấy. Mọi người đề nghị chặt. Tôi không dám chặt. Vì đó là cây na truyền kỳ. Cảm như từ mảnh vườn quê hương, từ cuộc đời của ông bà tôi bay đến. Bay qua hàng trăm dặm, đến đậu bên giường mẹ tôi. Trên tầng ba lơ lửng của một không gian. Cách một hàng gạch. Trên mảnh vườn ban công chỉ bằng chiếc ghế dài. Nó che bóng nắng cho giường mẹ tôi suốt tuổi già. Nó như một cây

thuốc thường trực chữa bệnh cho mẹ. Tôi cứ nghĩ mà không dám nói ra: “Nếu chặt cây na, mẹ sẽ chết”. Đó là một ý nghĩ duy vật, trăm phần trăm. Cậu em tôi đi dạy học ở Angiê và Pháp về. đó là xứ sở của Đạo Hồi và văn minh Gô Loa. Không khí nhân đạo “hạ” cây na càng rộ lên. Tôi lờ đi, không dám. Chính tôi đã tưới, bảo vệ nó suốt cả những ngày gian truân. Một buổi đi làm về, tôi thấy cây na đã bị chặt. Chặt cũng rất khéo, đầy tâm lý. Chặt mà như không chặt, như là một sự gỡ nhẹ cái tán na lia ra khỏi thân nó để lớp rễ tự âm thầm chết đi. Chỉ còn đoạn thân và cái gốc buồn thiu. Cậu em tôi chặt. Đừng trách cậu ấy điều gì. Có thể là mẹ đã nghĩ qua bao đêm rồi. Chắc mẹ nghĩ đến những cái rễ vòi bạch tuộc sẽ làm đổ tường, gây tai nạn cho nhà dưới. Chắc là mẹ đã quyết định phải chặt nó. Tự chặt cuộc đời mình. đời có những hy sinh không thể nào hiểu nổi. Điều này tôi chỉ nghĩ mang máng. Không buồn hận. Không sợ hãi. Gần như thành vô cảm. Dăm tháng sau, mẹ tôi mất.

Khổ đau thì như tôi đã nói rồi. Cũng không hết có những liên tưởng duy tâm này nọ. Chỉ biết, bên ô cửa tầng ba kia từ đây cây na và bóng mẹ không còn. Cái giường cá nhân nhỏ hơn cỡ, cũng không còn nữa. Nơi ấy bây giờ đặt bàn thờ mẹ. Tôi nghĩ, thờ cả cây na. Điều này chắc chỉ tôi nghĩ đến. Mọi người trong nhà nếu nghe tôi nói, hẳn sẽ giật mình. Người ngoài thì càng không thể hiểu gì được.

Đêm nay tôi gác lại truyện quái vật bên hồ Xuân Hương để viết về cây Na truyền kỳ. Chuyện gần như trung tính, không trẻ con, cũng không người lớn. Nó thật hiền, thật ngập yêu thương của tôi với mẹ. Nó là truyện ngắn hiền nhất, đơn giản nhất, trong tất cả các trang truyện ngắn. Nhưng xin chớ xem thường nó. Cũng như đừng quen thói phủ nhận một cách cuồng tin như lâu nay. Muôn truyện bạn đón đọc Quái vật tôi sắp viết sẽ là đối cực với truyện

đơn giản này. Như dưới hồ là quái vật đến trăm tuổi kiếp người, còn trên bờ chỉ là một cây na cô đơn, bình dị, lạ lùng. Cây na truyền kỳ của đời mẹ tôi...

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

P 10 - P 11- P12 - P 13

10

Khi chúng tôi chuyển đến khu tập thể có nhiều năm tuổi xây cất trên khu đất nghĩa địa Tây đen, thì đã gặp gia đình anh Hội. Anh là một trong những hộ đầu tiên, khi chưa ai muốn ở nhà tập thể, lại xây ở nghĩa địa, được phân đến ở. Tuy vậy trên giấy tờ phân phối thì toàn trí thức, gia đình có công... được phân nhưng chưa thấy ai đến. Anh Hội đến ở đây như một số phận. Đông con, làm thợ lâu năm, thừa tiêu chuẩn. Mệnh kim, cứng, ngay thẳng, lại toàn con trai, tức là dương khí, chẳng sợ một cái gì cả.

Nhưng ban đầu trước mắt mọi người có phần ngại gia đình anh Hội. Người bố đang tuổi, về hưu non, đàn con trai đông, cũng khó kiếm công ăn việc làm. Từ hộp nhà đông đúc thực chất là chửi chu lại luôn vang lên mấy tiếng “Kệ mẹ nó”. Trong khi các nhà khác im thít, khôn ngoan, nhất là hai ông chức cao, lương cao, một làm ở thành phố, một ở Tổ chức Quận.

Cho đến một ngày thằng Hiếu, một trong mấy đứa con trai ngỗ ngược của anh, nổi dây lửa vào vòi nước máy công cộng, nhiều người cầm vào bị giật, trong đó có mẹ tôi. Tay đang ướt, vịn vòi nước, giật tung người trong khu vệ

sinh tập thể. May điện ngày ấy chỉ 110 vôn. Mọi người còng gòm nhà anh Hội.

Nhưng mẹ tôi và tôi không ngán anh Hội. Bảy giờ mất điện suốt ngày, đầu hôm chỉ như đom đóm. Chỉ nửa đêm về sáng thì điện mới hồi sức được chút. Mẹ tôi bảo: “Già rồi đau nhức không ngủ được, mới hiểu bố Hội, thương bố Hội. Trong khi ai cũng ngủ như chết thì mình bố Hội thức, bảy giờ mới có điện để chữa đồ điện, quán mô tơ. Ngọn đèn đỏ sáng cháy bên mái tóc đã chớm bạc rồi. Chẳng ai làm thâu đêm, làm tận lực như bố Hội”.

Tôi thì hiểu anh Hội qua những mớ dây điện tập thể mắc chằng chịt đến trời cũng không tìm ra mạch được. Điện thời ấy như hơi thở. Sống phở xá mà không có điện thì thở sao được. Chỉ anh Hội là người tìm ra đầu mối để câu chỗ này, câu chỗ kia. Đến bữa ăn thì có chút sáng cho tàng nhà. Nhà nào có việc như việc hiếu, việc hỉ thì được dành cho. Điện cũng vậy, nước cũng vậy. Tức là phải tự lực, phải tự làm lấy. Tức là phải ăn cắp. Chúa bảo: Con thiếu mà lấy, biết hời thì không có tội. Anh Hội như một đứa con của Chúa. Lấy được nước, được điện thì tất cả hể hả. Đến khi xảy chuyện, tức có người báo, người kiểm tra thì hai ông chức cao ở quận, ở thành phố chui tọt vào nhà trốn trước. Chỉ có anh Hội đương đầu, với những lý lẽ này nọ. Đương nhiên chẳng bao giờ anh Hội thắng, nhưng nó biểu hiện phẩm chất dám đương đầu, dám sống, dám ngay thẳng. Nếu không thì hộp nhà toàn người già trẻ con, những người đàn ông có lương có chức mà chui lủi, khôn vặt. Sau mỗi lần như vậy ngọn đèn bên nhà anh lại chong suốt sáng, bên mái đầu chớm bạc. Như vọng lên từ đó mấy tiếng “Kệ mẹ nó”. Tôi hiểu anh Hội từ đó.

Mẹ tôi và mẹ anh Hội chơi thân với nhau. Nhiều hôm mất điện, hai cụ nói chuyện thăm. Bà cụ bên anh Hội thường nói: “Tôi chỉ tiếc cho nó học ít cái chữ, bà ạ”. Mẹ tôi thì nói: “Nhưng bố Hội có tình, có trí lăm”.

Mẹ tôi thường nói, rất hiểu anh: “Bố Hội từng thợ đèn, lòng dạ sáng như đèn, lại ưa sự chính xác tuyệt đối như những cỗ máy chính xác. Làm việc với người đòi nay khó lắm, khổ là phải”. Hiểu nhau thì quý nhau. Dạo này mẹ anh Hội và mẹ tôi chuyển qua mùa lạnh, yếu nhiều. Anh Hội chăm thắp hương trên bàn thờ và tối tối nâng kích ngọn đèn đom đóm bằng cái survontơ do anh chế được, để có ngọn đèn sáng hơn, anh nhìn gương mặt mẹ mỗi tối. Mẹ anh bậc chị, cao tuổi và yếu hơn mẹ tôi. Anh nói: “Chỉ cuối mùa đông này là mẹ tôi mất thôi, chú ạ”. Năm ấy kiệt cả điện, cả nước. Anh có một việc làm táo tợn quá, khiến tôi không đồng ý với anh. ấy là vì mẹ anh đau đầu quá, anh đục cả đoạn đường ống cuối cùng dẫn vào nhà để lấy nước cho mẹ gội đầu. Anh bảo tôi: “Các cụ ăn chẳng mấy, ưa sạch sẽ. Tôi bớt chút nước, chú lấy cho bà cụ gội đầu, cụ sẽ khỏe ra”.

Mùa đông kể đó mẹ tôi đau ốm. Anh từng tiệm chữa đồ điện, ra chợ mua một quả tim và một quả thận lợn đem sang giục tôi nấu cháo cho mẹ tôi. Hôm ấy anh cũng xoay bóng đèn, nhìn mãi vào gương mặt mẹ tôi, rất ân tình và lạ lùng. Rồi anh như linh ứng: “Chú cũng phải chuẩn bị đấy”. Tôi hoảng quá. Muốn nói với anh bao nhiêu điều dẫu bề, bao nhiêu tâm tư, bao nhiêu nỗi niềm khi không còn mẹ trên đời... Anh nói, cái câu của riêng anh: “Kệ mẹ nó”. Chú cứ dốc lòng chăm cụ, cho cụ thỏa...”. Cuối mùa lạnh đó thì mẹ tôi mất.

11

Bình thường mẹ tôi gọi vui tôi là “Tôn Ngộ Không”, ý khen tôi nhanh nhẹn và biến hóa như Tôn Ngộ Không vậy. Khi sâu lắng hoặc bức bối một điều gì đó thì Người lại gọi tôi là thi nhân hoặc lái trâu. Chắc thi nhân là khi tôn vinh mẹ, và lái trâu. Chắc thi nhân là khi tôn vinh mẹ, và lái trâu là khi vì tưng tiền tưng tiền, tôi kệt xin hoặc mưu chước ngay cả với mẹ mình. Kể

đăng nào cũng đúng.

Bình thường mẹ kể: Bà Thân bên xóm bảo trong mấy con trai, con gái của bà thì chỉ có chú này, tức là tôi, giống ông nhà hơn cả. Nhất là cái chân bước vội, nhìn đằng sau. Điều này không ai muốn tham gia vào, kể cả đúng hoặc sai. Đáng ghi vào truyện là ngày mưa gió hoặc giá lạnh, mẹ tôi nằm dài trên giường, đắp tấm vải chăn hoa cũ và mỏng. Mẹ bảo tôi giống hệt ông ngoại, tức bố mẹ, nhất là khi lo toan việc gì. Nói rồi mẹ kéo cái vỏ chăn đắp kín đầu và nói lầm rầm trong đó điều gì nữa, như người tụng kinh hoặc kể chuyện khan. Điều này cũng dễ hiểu. Người mẹ quý nhất thằng con nào thì chỉ thấy nó giống bên mình, khác hẳn bên chồng, thậm chí tôn vinh đến mức giống cả người sinh ra mình nữa.

Khi bức quá mẹ bảo tôi giống bác Cả bên nội như đúc. Chẳng là hồi ấy làm việc giỏi, Tây thường thưởng cho bố tôi nhiều xà phòng thơm, nước hoa. Bác Cả cậy “quyền huynh thế phụ” cứ đến tháng là đạp xe vào vợ hết. Cũng được, vì bác Cả là thợ cắt tóc nổi tiếng khắp vùng, bác cần những thứ ấy để làm nghề. Chắc mẹ tôi có lúc cũng lấy lòng đôn hậu mà nghĩ rộng ra như tôi. Bình thường thì mẹ lại bảo tôi là “tổng hợp”, của bốn anh em bên nội. Tức bác Cả, bố tôi, chú Ngân, chú Nga. Giống đây là giống cái trí lực, sự chịu đựng và phần nào là giải hoạt của kẻ nghèo hèn. Lúc vui thì mẹ lại à lên một tiếng mà rằng, tôi giống cả bên ngoại. Tức cậu Song, cậu Nguyên, cậu Qui, cậu Chín. Cậu Song thì giỏi chim gái, cậu Nguyên thì chắt chiu, cậu Qui thì cách mạng, cậu Chín thì khéo tay và nghiện rượu. Nhất là mẹ bảo tôi giống cậu Chín, nghiện rượu có hạng.

Nói gì thì nói, khi vui khi buồn. Cuối cùng bao giờ mẹ cũng chốt lại một câu:

Chỉ có Tôn Ngộ Không là được. Còn thi nhân và lái trâu thì khổ. Thời nào cũng khổ. Thương lắm!

Tôi và anh Sáng học đại học nhân văn nhiều năm, sau đó còn học lên trường trình trên đại học nữa. Có nghĩa là nhiều trang sách kim cổ từng học qua, cả chương trình lịch sử, kinh tế và triết học biện chứng. Ngày mẹ tôi còn sống, dù vật đổi sao dời, mẹ tôi vẫn cố giữ được nét đẹp xưa xưa, bà coi bạn học của con mình như chính con mình, ít ra cũng được như hồi các ông Thạch Lam, Vũ Bằng, Vũ Hoàng Chương... Mẹ tôi rất quý anh Sáng.

Một hôm anh Sáng đến gõ cửa phòng tôi. Số là anh vừa cưới chiếc xe con tiêu chuẩn của mình cùng vợ về trong Nghề lo việc mờ mịt của ông cụ thân sinh và tổ tiên. Vợ anh là người phụ nữ đảm, buôn bán phát tài, kinh doanh hàng điện tử. Công việc xong đâu đấy, trên đường ra, đến một khu vực núi non diễm lệ của di chỉ Đông Sơn thì vợ anh cho xe dừng lại. Một bên cây cầu bến nước, dốc xuống thì đã nhiều xe và người. Những ao sen, ao súng quây tụ, giữa những mái điện thờ nhỏ. Mọi người thấp một cây hương, rồi ngồi lặng im, không xưng một điều gì về mình. Cứ thế mà trôi vào mơ hồ, cho đến một lúc người con gái xinh đẹp hăm nhăm tuổi nhập vai “Tiên nữ” đánh thức từng người dậy để trò chuyện với người thân đã khuất.

“Tôi gặp chuyện này, không biết kể cùng ai - anh Sáng sững sốt, khác hẳn với cái vẻ tự tin tự tại ngày thường của anh... Chờ sáng ra đến để kể với anh đây. Tôi vừa được “gặp” bố tôi, cụ xưng tên mình, gọi tên tôi và tên từng cháu con thân thiết. Cả tên vợ tôi nữa... Và mọi chuyện sau đó đã diễn ra ngoài sức tưởng tượng của tôi anh à. Chỉ tiếc là tôi chưa được gặp mẹ của chúng ta. Hay anh vào ngay đi!

Chẳng đợi anh Sáng kể hết. Mấy ngày sau tôi đã có mặt bên “Tiên nữ”. Rõ ràng là một vẻ đẹp khác thường. Mẹ tôi, qua “Tiên nữ” đã gọi tên tôi, các anh em, con cháu trong gia đình tôi. Chuyện thật đến mức, dù đã được tập dượt qua anh Sáng, tôi cứ sững sờ không biết mình tỉnh hay mơ. Về nhà

bằng cây bút của mình, tôi và anh Sáng định viết chung một bài ngắn về chuyện linh hồn kỳ lạ đó. Không phải viết báo cáo, cũng không viết văn chương, chỉ ghi lại cho thật điều mình đã gặp. Cả hai còn định ký tên dưới bài viết, với một dòng cam đoan như mọi đơn từ hệ trọng. “Xin cam đoan đúng sự thật. Nếu sai chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm”.

Lần ấy, mẹ tôi dặn: “Mẹ muốn được gặp con vào rằm tháng bảy xá tội vong nhân ở đây nhé. Bây giờ mẹ phải đi đây!”.

Hôm nay mười bốn âm trước rằm, tôi khoác tay nải lên tàu như đệ tử đi lấy Kinh, về nơi hẹn gặp mẹ. Và tôi đã được gặp mẹ.

13

Mẹ tôi có cách kể chuyện thật lạ và vui. Chuyện thường qua những gian truân, thậm chí là hãi hùng, nhưng cuối cùng bao giờ cũng thắm đẹp như miếng trầu têm đúng cách. Nghe xong chuyện, vừa nao nao buồn, vừa cảm thấy trong người như tan hết bệnh, tâm trí sáng ra.

Kể rằng...

Xưa, tổ tiên ông bà không phải đã ở bên con sông La xinh đẹp với những bến sông cuội trắng loang loáng mùa trăng như bây giờ đâu. Mà tận nơi rừng sâu núi thẳm, thâm sơn cùng cốc thuộc dải Trường Sơn. Gió Lào thời ấy như tia chớp, tia lửa điện, mầm cây chỉ cần nhô đầu lên là bị tấp thành than. Mọi người lo sợ về sự tồn vong của mình. Người già suy tư đến cháy trắng cả tóc. Con trai con gái quên cả việc yêu đương, gầy quắt như nhánh củi khô. Những người sống sót quyết đi vào tận một rừng xanh tìm nguồn sống. Khí núi ủa ra, lạnh khủng khiếp. Có người nói: “Khí độc. Chúng ta sẽ chết”. Có người lại nói: “Chúng ta sẽ quen với hơi thở của đá”. Giữa khe đá nơi sâu nhất, họ tìm thấy một thân cây leo khác thường. Tựa như một cánh tay gầy guộc nhất trên đời. Dăm chiếc lá không rõ cả hình dáng, có màu nửa trắng

như tàn tro than, nửa xanh như thớ đá. Nhìn thân cây leo, người ta biết nó đã chống chọi quyết liệt để tồn tại từ bao đời nay. Sờ vào tay, nó thô ráp, đầy những lông nhỏ, cũng biểu hiện một sự chống chọi quyết liệt - Chính giữa kẽ đá nóng nhất và lạnh nhất này, nó đã mọc lên.

Đầu tiên nhấm cái lá, thấy mát ruột. Sau nhai đến thân leo vắn cứng như dây thừng. Sau cùng người ta đào đến củ của nó. Những củ dài vắn vẹo, như hình người vùi trong đất từ xưa. Nó có cả đầu, mình, tay chân, râu tóc hết như con người thu nhỏ lại. Người già nhất sống sót nhấm một chút và nói: “Nó hình người, ắt nó sẽ cứu người”. Tổ tiên sống được từ đó.

Đời này qua đời khác. Cuộc sống của nhóm người sống sót nhóm dần lên như đốm lửa giữa rừng. Đã có tiếng đàn suối và những cánh bướm bay đủ màu sắc. Trai gái bắt đầu thay da đổi thịt, rậm rịch chuyện yêu đương. Sự sống từ đó. Con gái từ trong đen sạm của nắng gió đã bắt đầu ửng trắng một màu da mới, khác với nhiều vùng đất khác.

Một ngày có ông vua đi kinh lý qua và lấy làm lạ là vì sao nơi rừng hoang vu này có những thiếu nữ đẹp như công chúa. Vua hạ giá, không biết nên chọn ai làm hoàng hậu. Ngày qua ngày lại, vua giật mình như Từ Thức xưa, biết rằng mình đặt xa giá ở nơi này đã quá lâu. Khi đức vua vội về xuôi thì cả đàn thiếu nữ theo lạch suối đưa tiễn. Người xưa gọi dịp đó là “ngày hội của bướm rừng”. Cả đoàn đi mãi, đi mãi, càng đi thì lạch suối càng nói rộng ra, nước càng xanh trong hơn, tự nó biến thành con sông xinh đẹp lúc nào không hay. Sự tích ra đời của con sông La ngày nay là như thế đó.

Chuyện thứ hai, cũng do mẹ kể lịch sử gần hơn:

Một ngày, có một nho sinh tóc búi, tay nải lạc đến vùng thâm sơn này. Mất nho sinh vừa có tia ấm, vừa bơ vơ đượm buồn. Nhìn khắp lượt non nước như tìm kiếm, lại ngơ ngác nhìn ra chân trời. Như vị vua thuở xa xưa, lòng nho sinh ấm lại khi nhìn thấy những thiếu nữ từ cửa rừng ra. Giọng Bắc từ tồn:

Có nhời chào các chị. Các chị cửa rừng ra và gồng gánh cây củ gì vậy?

Nho sinh tìm ai? Sao lại đến đây?

Tôi tìm về quê mẹ tôi...

Nho sinh trả lời, tự giới thiệu chuyến đi của mình. Đôi mắt vẫn không rời khỏi cây lá với những cử hình người. Các thiếu nữ đẹp vẫn chưa trả lời nho sinh điều đó. Đang là điều bí mật. Chỉ biết nho sinh là người yêu cây lá biết nhường nào. Vậy thì đúng quê mẹ nho sinh là vùng này rồi. Khách, chủ hiểu lòng nhau ngay. Nho sinh nóng lòng, đưa bàn tay thư sinh cầm lên một củ nhỏ bằng cổ tay. Từ tốn hỏi:

Nho sinh muốn biết tên cây củ!

Nhưng nho sinh vẫn chưa nói mình là ai?

Nho sinh mặt ửng đỏ, đôi mắt ánh lên tia sáng tia sáng chân thành:

Quê nội nho sinh đất Bắc, vùng nhãn lồng Hưng Yên. Mẹ nho sinh ở đây.

Thế nho sinh tìm về quê mẹ nhằm việc gì nữa không?

Làm thuốc, tìm cây thuốc.

Các thiếu nữ cười lên giòn tan. Mắt lấp lánh muốn tỏ bày, muốn bắt chuyện như tình yêu. Nho sinh làm thuốc càng xúc cảm. Đây đúng là đất mẹ “địa linh nhân kiệt” mà chàng cần tìm đến. Mẹ đã sinh ra, lớn lên giữa vùng cây thuốc này. Họ ngồi bên mô đá, đầu nguồn sông La. Thiếu nữ kể cho nho sinh nghe về câu chuyện từ xưa xưa ở quê mình. Những cuộc bể dâu, vào tận rừng Trường Sơn và gặp được cây củ hình người. Cái cây thân leo mọc giữa kẽ đá, cái màu trắng của tàn tro hòa cùng màu xanh của đá. Nó cho loài củ nuôi người, làm thuốc. Người già ăn vào tăng tuổi thọ. Trai gái thay da đổi thịt, nghĩ đến tình yêu. Đặc biệt con gái có nước da đẹp lạ lùng. Không hẳn là da tuyết như thiếu nữ Trung Hoa, da táo hồng như thiếu nữ Âu Châu. Mà nó là nét trắng hồng của sương gió, của đá, pha màu nắng lửa. Màu da của lao khổ và quý phái. Như vậy thì đích thực nó là màu của tình ái, của sự

sống. Chính cây củ hình người như củ sắn như củ sâm kia đã làm nên. Cái vị mát ẩm của đất, của nước, của đá.

Đôi mắt chàng nho sinh nhìn trân trân vào cây củ. Thứ cây của quê mẹ chàng. Cái cây nhân duyên đưa chàng vào nghề thuốc. Chàng nhắm một chút cái vị lạ lùng của nó. Và gật gật, như ghi giống cây vào bộ nhớ... Chàng nho sinh đó về sau làm nghề thuốc trở thành một Đại Y sư. Chuyện kể để ghi ơn cái ngày Đại Y sư Hải Thượng Lãn ông - Lê Hữu Trác tìm về quê mẹ ở vùng chân núi Trường Sơn, ở Hà Tĩnh. Vùng quê kỳ lạ có phong cảnh hữu tình đó là quê hương của bố mẹ tôi.

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

P 14 - P 15

Trước tiên, bàn chuyện lấy vợ cho bố... Vái mẹ ba vái. Thở sống, có lần mẹ nói: “Mẹ mất là bố con sẽ lấy vợ ngay thôi”. Câu nói lửng lơ của mẹ, của đàn bà. Nghe đến rợn người. Nhưng đàn ông nào cũng cần tình ái, cần lấy vợ. Dù bố đã bảy mươi chín. Tôi ủng hộ. Tôi nói với người chị gái: “Vợ bố, chỉ cần hơn chị hai, ba tuổi là được. Tức là lấy vợ trẻ cho bố”. Thế mới đáng tự hào, là bố có vợ trẻ. Cũng đã nhắm nhe. Có một chị quãng tuổi ấy. Người tròn, mông còn nở, đậm đang. Tôi định nói: “không dám hỏi chị làm vợ cho cụ. Nhưng em muốn coi chị là mẹ của em”. Hỏi, biết mẹ chị này mới năm năm. Bố tôi đã bảy chín. Nên chưa dám mở miệng.

Vào Giáp Tuất, có bỏ cấm vận. Tức bỏ những điều cốt yếu gì đó. Như là trù úm và khẳng khẳng hận thù của nhóm người này với nhóm người kia. Như anh và tôi. Tôi thấy cần cởi mở. Nhiều thứ. Việc của bố, cũng vậy. Thêm nữa, là những luật sinh học. Nghe nói đàn ông lên lão, bước vào gia đình rất tốt. Các cụ ông bảy ba tuổi mới sinh con là rất hay! Có đại văn hào từng bộc bạch đời mình: “Đến tám mươi, bế đưa con đỏ hỏn của mình, tôi mới biết là mình đang tuổi thanh niên”. Thế đấy. Đùa, nhưng rất thật.

Bây giờ nói về hài cốt. Thật lạ. Trước hết là trao xong hài cốt, mới bỏ cấm vận. Mới biết những bộ hài cốt thật là thiêng. Đừng cho đó chỉ là những bộ xương mục. Nó mở ra quan hệ cho người đang sống. Cho cả tương lai. Chắc những xứ sở văn minh coi hài cốt có sức mạnh hơn người đang sống nhiều. Họ đỡ những bộ hài cốt dậy. Tôi ngắm nghĩ suốt mấy hôm, từ ngày có cái gọi là “bỏ cấm vận”. Hôm nay tôi quyết định đi về xứ hài cốt của ta - tức Văn Điển. Mẹ ở đấy. Thắp hương và hỏi hài cốt nhiều điều. Nhất là chuyện nhân duyên như đã nói trên. Cho nhiều người, chứ không phải riêng bố.

Tôi ra đi ở thời khắc canh ba chuyển dần sang canh bốn. Mang theo một con thú lạ, đủ màu, thổi bằng bong bóng của trẻ con. Nó có dáng quái vật. Chẳng ra một con gì cả. Mặt chó. Tai hổ. Minh lợn. Râu mèo. Đuôi như đuôi sóc và đuôi chồn. Người nào, thú ấy. Mỗi phần cơ thể một màu. Buộc nó lủng lạc đầu giỏ xe. Thế là tốt.

Lúc này đâu cũng cần có một con vật lạ mang theo, để yểm. Nhất là đi đêm, đến những xứ lạ, nghĩa địa. Con vật của tôi cứ chồm lên trong gió đêm. Như muốn vồ tất cả. Tôi mắng nhỏ: “Phải trầm chứ. Đừng dữ quá”. Nó vẫn cứ chồm lên.

Kể mỗi người xứ Bắc hoặc chí ít là người Thăng Long, nên viết một bài luận, tức bài văn về Văn Điển. Tôi bắt đầu đây. Đường Văn Điển trong đêm là con đường hương. Hương bốc lên rất lạ. đó là tàn khói hương không lò,

bò chậm chậm trên mặt đất thành đường đi. Xứ Thiên thai của những linh hồn đi về thăm viếng. Các tán cây trong nghĩa trang hắt ngược lên nền trời như một đàn thú lạ trong rừng hoang. Gió rít như lảng giếng nói xấu hoặc cãi nhau. Gằn và dài. Sao trời buông xuống từng chùm. Sao đi chơi, chứ không phải là sao băng. Hương đến đây thì tan hắt, chỉ còn lại mùi cỏ dại hơi lạnh. Tôi không dám nhìn vào, sợ đánh thức những giấc ngủ nghìn năm. Sợ nhìn thấy những gì trong đó. Cổng nghĩa trang nửa khép nửa mở. Quái vật của tôi càng chồm lên. Tôi mắng: “Yên nào. Nhắm mắt lại và cụp tai xuống”. Nó im bật.

Tôi đánh bạo vào ngay khu mồ mẹ. Cổng Đài Hoàn Vũ, quẹo trái dẫm bước. Tôi thấy bộ hài cốt của Người ánh lên. Chung quanh thì im ắng. Sợ quá, tôi lùi ra phía cổng. Gặp ngay một cái bóng, nói tiếng người: “Ai đấy, sớm quá nhẩy”. Tôi im bật, trở lại. Thấy cái bóng này có đeo băng đỏ ở tay trái. Chắc đó là người trực nghĩa trang.

Thấp hương. Hóa cho mẹ tờ báo và xấp “đô-la”. Để mẹ tiêu thoải mái. Cầm con quái vật phía chân mẹ. Nghe rõ giọng mẹ khàn khàn và tiếng ho húng hắng quen thuộc:

Mẹ hỏi con sức khỏe?

Mẹ yên tâm. Bỏ mạnh. Chị Hoàng năm rồi bị ung thư, được mẹ đỡ, y tế hết lòng, thế mà lành. Anh Chóp, đúng dịp bốn mươi chín ngày mẹ mất, bị choáng, ngã trong nhà toa-lét khi một giờ sáng, gây hai đốt sống cổ, tưởng hỏng. Thế mà được mẹ đỡ, y tế hết lòng, đã qua khỏi... Ghi lòng cái sự đỡ của tổ tiên và mẹ.

Con?

Vẫn ngất ngưởng. Năm rồi mẹ nhớ, là Thái Bạch tuổi bốn chín của con, tưởng hỏng trăm phần trăm. Vậy mà được mẹ đỡ, cộng vào nội lực, đã vượt được, để đến với mẹ đây. Đi làm cũng theo được anh em, được lao động tiền

tiền. Việc này thì con xin vái mẹ hai lần ba, là sáu vái.

Nghe tiếng cười gằn và khúc khích từ dưới mồ. Chắc mẹ cười vì cái tính hay làm hề của tôi. Gió rất nhẹ. Hỏi tiếp:

Thỏ trạch? Nhà cửa?

Thưa mẹ. Đất đai nhà mọc như nấm. Đường sá thẳng băng. Coi nói đủ kiêu. Duy nhà ta, thỏ trạch, cửa nhà đều đang kém.

Mẹ bảo:

Yên tâm. Mấy khẩu phần đất của các con ngoài Bắc trong Nam, được cả. Không có tà khí ở dưới, có nơi còn sót lại dăm đốt xương của kẻ hành khát xưa, nhưng không sao. Mẹ sẽ nhặt nhạnh cho.

Tôi vái mẹ. Mẹ hỏi tiếp:

Thế chuyện chính trường?

Thưa mẹ, có bỏ cấm vận.

Mẹ vốn hiểu chính trị. Dạo còn sống hôm nào mẹ cũng xem sách báo, nghe đài, xem ti vi. Dù hồi ấy gia đình chúng tôi mới có được cái ti vi đen trắng bề mặt chỉ bằng cái bánh chưng ngày tết.

Thế điều trước tiên của việc đó là gì?

Thưa mẹ, đó là hài cốt.

Mẹ vốn sắc sảo, hay hỏi lục vấn, như ngày còn trên dương gian.

Thế sau hài cốt là gì?

Thưa mẹ, con dốt về việc này. Nhưng con đoán sau đó là lễ công bằng.

Không phải xứ ta, mà chắc là khắp trên nhân gian, đây là chuyện tày đình.

Giữa người dốt và người giỏi. Người tốt và kẻ xấu. Vô học và có học. Có tài và bất tài. Bình tĩnh mà nói thì đang lộn tùng phèo cả. Nước nào cũng vậy.

Chỉ ở xứ ta thì phạm vào điều này hơi...

Hương cháy khét. Chắc mẹ không muốn nói chuyện này của dương gian nữa.

Gió thổi ràn rạt. Có vài lóng giềng của mẹ nghe tiếng rì rào của người dương gian, đã cựa mình thức dậy. Dăm cánh chim đã rải trên nền trời. Con vật của tôi mắt lim dim, nghiêm trang hết sức. Nó hiểu. đến lượt tôi xin mẹ: Thứ nhất, con cầu xin mẹ cho mọi người sức khỏe. Thứ hai, con xin mẹ làm ăn được, có tiền tiêu. Thứ ba, con xin mẹ xây căn nhà để ở, như anh em ở cơ quan. Thứ tư, mẹ xá cho con mới dám nói, sau khi sang cát cho mẹ. Mẹ cho chúng con tìm một người thay mẹ, chăm sóc bố tuổi già. đã là dương gian, là phải hạnh phúc. Con vái mẹ ba vái... Tức thì bó hương cháy bùng lên. Chẳng hiểu ra sao cả. Nó cháy nhanh đến mức liếm vào tay tôi như một vết bỏng. Tôi vội tung lên. Nó là tả như pháo hoa. Chùm pháo hoa trong nghĩa trang. Vái mẹ thêm ba vái. Nhờ mẹ thăm bà con và lóng giềng mới của mẹ. Chúc mọi người khang an, thịnh vượng. Tôi ghi một bài thơ tặng mẹ. Bài thơ này như đã tỉnh cơn mơ.

Đến mẹ, định ở lâu

Định ở luôn với mẹ

Một ngày, rồi hai ngày

Và mẹ ơi, cứ thế...

Nhưng, chỉ một nắm đất

Gọi đời, đời không thừa

Gọi mẹ, mẹ không nói

Con phải về nơi xưa...

Định ở luôn với mẹ

Biết mẹ chẳng cho về...

(Văn Điền, Giáp Tuất)

(13-2-1994)

Tôi ra cổng. Máy xe tang tiến vào. Đó là những cái xác nán lại ăn Tết mấy

ngày, bây giờ vội đến đây để ổn định chỗ ở. Cũng vội như cảnh dọn nhà trên dương gian. Máy phụ mộ cầm xẻng, cuốc đi nhanh hơn lúc thường. Đài hóa thân Hoàn Vũ cũng bắt đầu khởi động. Nghe tiếng máy chạy, âm âm như tiếng máy lạnh. Mặt trời đã lên, sương sớm bầu kín quanh mặt trời trắng nhạt và lạnh. Vàng mặt trời lúc này như một gương mặt không thành đạt. Con quái vật bằng nhựa, sau khi nghe cuộc đối thoại giữa người với ma, bỗng đổi lột trở thành một chú chó hồng, dễ thương đến lạ lùng. Nó vẫn chồm lên, nhưng không phải dữ dằn, mà là vui sướng. Ghé nhà người thân, chếch cửa nhà máy Phân Lân. Sát nghĩa trang, những hộp nhà vôi trắng đã mọc lên san sát. Đó là nhà của những ông giám đốc, hoặc phó, hoặc kẻ hưng thịnh. Các nhà xây nhìn ra hướng mặt trời, rất vượng khí. Các nhà đều có giếng nước rất trong. Phần nhiều các giếng đào chỉ cách nghĩa trang dăm chục mét. Có cái chỉ cách mười, mười lăm mét là cùng. Tôi hỏi: “Sợ ô nhiễm không?”. Họ bảo: “Nước rất trong”. Tôi sợ không dám uống nước. Thậm chí không dám ăn thứ gì cả. Gửi con chó hồng lại nhà người thân. “Thôi mày ở lại, trông nhà cho bà nhé. Ngoan”.

15

Tôi ngưng viết. Chạy vội ra quán tân dược bên kia đường hỏi mua thuốc ho. Hai thanh niên ép từ hai cánh hùng hổ tiến vào, tưởng mua thuốc cấp cứu, hóa ra mua bao cao su. Hai chàng thực ra không quen biết nhau, nghiên người ra hai phía, bỏ thứ vừa mua được vào trong ví tiền. Tôi một phút lặng người đi. Già là khổ, bệnh là khổ, chẳng có gì để hưởng lạc. Người bán hàng tinh ý hỏi: “Hai loại thuốc ho nước Chỉ khái lộ và Cao bách bộ, chú mua loại nào?”. “Loại nào tốt hơn?”. Bây giờ quảng cáo thì loại nào cũng tốt. Nhưng chắc Cao bách bộ tốt hơn. Vì nó đắt hơn”.

Chạy vội về bàn viết với nhân vật thân yêu đang viết dở là thầy Lịch. Tôi mạn phép gọi là anh Lịch cũng được, vì anh em cùng quê Hà Tĩnh, anh biết

tổng những thằng em ba trợn. Anh Lịch là chàng trai Đức Thọ thứ thiệt. Có cá tính, có học vấn, bao dung, cao cả. Nói chung nam nhi quê tôi là vậy. Chính trị, quân sự, kinh tế, cầm kỳ thi họa đủ cả. Anh dạy tôi ở Đại học Văn khoa. Bộ môn thời thượng bấy giờ là Văn học Nga Xô Viết. Nhưng anh lại đảm đương phần cứng nhất của văn học Nga, với những bộ tiểu thuyết đồ sộ như Chiến tranh - Hòa bình, với những tính cách Nga điển hình.

Anh Lịch cười, nhưng nét cười khác trước. Chắc nghe đến phe phái cuộc đời, anh vừa tức cười, vừa ớn. Và lại tôi đoán người như anh chỉ ưa ý kiến độc lập, “mỗi người đứng cô đơn trên trái tim trái đất. Lòng xuyên qua một tia nắng mặt trời, chứ không thích kiểu phong trào, đánh hôi. Anh Lịch nhìn tôi, mắt nheo cười xa xôi, lộ nét đỉnh ngộ tuổi thơ quê nhà, bạn bầu thoải mái, chăn trâu, bắt đẽ, thả diều bên bờ sông La, sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu... Hình như lúc này anh chán học thuật, muốn mọi chuyện khác đi, là cuộc đời hồn nhiên. Dù trước đây trên bục giảng đại học, anh vốn chặt chẽ ở lý luận “biện chứng pháp tâm hồn” rút từ tính cách nhân vật tiểu thuyết Nga. Giờ đến thăm thằng em, anh muốn khác, đến áo cũng để ngoài quần, không giày, không cặp táp... Anh muốn lùi xa cái “biện chứng pháp” đau đầu kia, cũng không đề thi đề cử gì nữa. Anh lấy giọng hồn nhiên trầm ấm, kể tôi nghe một chuyện, như lời từ trong ký ức xa xôi.

Hồi ấy mấy thằng học sinh trường huyện chúng tớ bước vào quán phở của bố mẹ cậu ở thị trấn Đức Thọ. Sông La cùng bè nứa trôi qua ô cửa phen liếp vừa buồn vừa nên thơ. Có một người phụ nữ rất đẹp đang tắm cho thằng con đỏ hỏn, cả bọn ngạc nhiên hỏi: “Ai mà đẹp vậy?”. “Vợ thầy Cung đấy!”.

“Thầy Cung là ai?”. “Ông đang bê tô phở đấy!”. Ba đưa ba tô phở bỏ khói lên nghi ngút. Nhưng ba đưa có ba cách ăn. Lại hỏi nhỏ: “Thầy bà gì lại đi bán phở?” “C’est la vie” “Cuộc sống là thế”. Chúng tớ đang học tiếng Pháp. “Thầy Cung cháu cụ Phan Điện, có các con là Phan Anh, Phan Mỹ học hành

giỏi giang, về sau thành đạt. Riêng thầy Cung học và dạy tiếng Pháp nổi tiếng một vùng”. Có phải ý thơ “nhất phiến tài tình thiên cổ lụy” là đây không?

Đứa húp tô phở đánh soạt cái xong, lại gọi luôn tô khác. Đứa nhìn ra dòng sông La dào dạt thả hồn mộng mơ mà không nghĩ đến tô phở đang bốc khói. Còn tớ, khi thấy bố cậu bê tô phở đến là cứ gai cả người lên. Cứ ghen ở cổ không nuốt được. Tạo hóa trớ trêu. Bao nhiêu thằng ngu dốt đang ngồi chỉ tay năm ngón. Người có chữ sáng láng lâm vào cảnh ngộ này. Lại còn nhan sắc kia nữa. Cái mà cuộc đời mình đang khát vọng theo đuổi lại kết cục thế này ư? Tớ ngồi ngây ra. Hình như bố mẹ cậu hiểu, nhất là mẹ cậu. Bà đặt đứa trẻ xuống giường, quay vào buồng trong để cho tớ nuốt trôi bát phở. Đứa bé ấy chắc là cậu. Từ nhiều năm tay tớ cứ khẳng định đứa bé ấy là cậu - Nhà vẫn có tiếng đang ngồi trước mặt tôi đây!

Tôi xúc động sượng sùng chen ngang kiểu phá quấy:

Khi ấy thằng bé bỗng khóc thét lên chứ?

Không, nó câm lặng...

Lại hỏi:

Về sau số phận ba người bạn ăn phở hôm ấy thế nào?

Tớ, như cậu đã biết. Cái anh mộng mơ không chịu ăn đi qua bom đạn cuộc đời rồi chết ở chốn nào. Chỉ có cái anh húp đánh soạt một cái hết gọn tô phở là chức to nhất...

Cả hai anh em nhất loạt ưỡn người ra sau ghế mà cười mà ho rũ rượi đến chảy nước mắt. Tôi ho nhiều hơn anh Lịch. Nuốt nước bọt mãi mới nói được. Bỗng anh Lịch hỏi:

Này, mẹ cậu mất chắc được mấy năm rồi phải không. Nhớ và thương cụ quá!

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

P 16

Anh cả tôi làm đến bí thư quận ủy một quận lớn. Sau này phát triển biết đâu trở thành quận một trăm hai mươi của thành phố. Bố mẹ vào chơi. Mẹ tôi đem theo tình mẫu tử và dăm bài thơ của tôi. Có câu: “Thực ra, mẹ chỉ là người nặn tượng, em mới là người sinh ra anh”. Câu thơ như thế, mẹ cũng mang theo. Mẹ không tự ái. Cô thư ký xinh đẹp của anh tôi lễ phép đến chào bố mẹ. Trước tiên là chào mẹ. Cô đọc câu thơ để trên bàn. Mẹ chỉ cười. Vừa xã giao vừa đượm tình. Mọi người bàn rất vui, như là một sự lý giải về thơ. Cô thư ký nói: “Em phải như thế nào thì mới đáng được nhận cái thiên chức kỳ lạ vậy”. Bất chợt chị dâu về. đầu tiên cũng vui, lịch sự. Sau thỉnh linh nổi đóa. Mặt như chàm đỏ: “Mời tất cara khỏi nhà của tui, để tui khóa cửa lại”. Đánh ghen. Hẳn cô thư ký xinh đẹp và anh tôi có chuyện với nhau rồi. Mẹ tôi im lặng chịu đựng. Bố thì hình như ra khóc ở công viên phía sau nhà... Mẹ sinh ra tôi vào một đêm năm Dậu. Người chết như rạ. Vừa sinh con vừa nằm mộng. Đó là điều rất lạ. Khi sinh nở, sau những cơn vật vã đau đớn, thường không có đầu mộng mị. Chợ Thượng ở bên con sông xanh biếc. đất chợ trên nền khu mả Tây mả Tàu. Nửa đêm mẹ mơ thấy ba người đàn ông to cao quá khổ bước vào cửa. Cả ba cao tới mái nhà. Đẹp trai vạt tũt. Hình như một người Tàu trắng, một Tây đen và một người Việt. Người Việt đi

giữa. Ba người đáp lễ mừng. Tự giới thiệu: người Tây giàu có, người Tàu chức quyền, người Việt chỉ có văn thơ. Mẹ chọn ai. Lập tức mẹ đứng dậy, chỉ vào anh đứng giữa. Ba người đàn ông biến mất. Về sau chính nơi ấy quật lên đúng ba ngôi mộ, với ba chiếc hòm bằng tôn đen. Quan tài lạ, trên lớn, xuống dưới bé dần. Mở ra đúng là có ba ông như giấc mơ của mẹ...

Đến Nhâm Thân, mẹ mất. Vào cuối tháng hai. Anh cả tôi bị vận đen áo xám thế nào, đúng bốn mươi chín ngày mẹ mất, thì anh ngã lăn trên nền nhà trệt, giữa đêm khuya. Gần sáng, chị dâu tôi mới biết. Anh bị gãy hai đốt xương cổ. Mổ cấp cứu sọ não. Sau đó thì liệt.

Đêm đêm, tôi thấy mẹ tôi về. Tóc người xõa ra rất lạ. Người đi rất nhanh, đầu hơi cúi. Bóng thoáng qua ô cửa nơi giường người nằm, vào lúc cuối đời. Gương mặt người không vui, không buồn, hình như có phù một chút. Nhà vắng vẻ. Tôi đã chuyển đi ở một chỗ khác. Ảnh mẹ tôi được vẽ cả bằng sơn dầu, treo trên tường. Bên cửa là cây chuối, cây đu đủ và một cây cọ, những thứ cây khi sống, mẹ tôi thích. Mỗi lần mơ thấy mẹ về, hôm sau nền nhà đầy sâu róm và con sên đen trĩu như chiếc đĩa cả. Các băng nhạc có thu những bài thơ của tôi tặng mẹ đều sổ tung như cụm sóng gây nhiễu ra-đa hồi chiến tranh. Đúng hơn, có ai đó làm sổ tung ra...

Khi sống, mẹ tôi biết nghe thơ. Mẹ nghe thơ rất thạo. Thật như đi chợ, nhóm bếp, chăm bẵm con ốm. Mẹ nghe thơ như đời. Nói đúng hơn: thơ mới là đời. Buổi trưa, mẹ thường đọc Kiều, sau đó để sách vào dưới gối. Hồi bé, tôi thường nghe mẹ đọc thơ bên đĩa đèn dầu lạc để góc giường. Còn tôi thì liếm cái đĩa nước mắm có hạt tiêu khi mẹ sinh em. Câu thơ:

Rồi một hôm, nếu về cha hỏi

Mẹ ở đâu? Con biết nói sao

Con sẽ bảo: trông cha mòn mỏi

Mẹ từ trần sau mấy tháng đau...

Nhưng tuyệt nhiên từ khi lớn lên, tôi không nghe mẹ đọc câu thơ ấy nữa. Có lẽ vì mẹ biết mình đang sống, đang chiến đấu mạnh mẽ cho cuộc sống. Hơn nữa, đã có thơ của tôi. Tôi biết bài thơ: Nghe lại tiếng gà:

Năm canh thì chọn canh nào

Lòng con với mẹ thấm vào năm canh...

đêm, hai mẹ con cùng mở băng đêm, Bóng mẹ đi đi lại lại. Bài ấy tôi viết bằng lục bát. Thể thơ lục bát rất gần với hồn quê, với lời ru từ thuở làm người.....

Thường các buổi đi làm về, tôi nhìn trước lên hai ô cửa. Nếu cửa khép là tôi tìm xuống chợ. Tìm mẹ để lấy chìa khóa và xách làn cho mẹ. Tôi phát hiện ra một điều kỳ lạ. Lạ hơn cả ma. Điều này tôi cam đoan không hề hoang tưởng. Nhiều lần, rất nhiều lần, khi chợ đã vắng. Còn tôi thì đã đi lại các quầy trong chợ nhiều lần. Vẫn không thấy mẹ đâu. Đành về đứng đợi ở lối lên nhà. Một chốc thì thấy mẹ từ cửa chợ đi ra. Buồn và sợ. Có bài thơ rằng:

Thuở bé, mẹ chưa vào chợ

Cả phiên chợ Thượng sáng bừng

Bóng mẹ, tìm đâu cũng thấy

Trong mắt những người trai làng

Cuối đời, con lại đi tìm

Bóng mẹ ở trong buổi chợ

Chợ thưa, bóng mẹ gầy nhỏ

Mà con tìm mãi không ra...

Phải chợ là trang giấy thấm

Thấm dần bóng của mẹ ta...

Bài thơ in vào Tuyển. Tôi đem bài thơ đi hỏi một nhà sư rất giỏi ở trên chùa. Thân lắm, nhà sư mới nói. Trước tiên, nhà sư buộc tôi ngồi vào chiếu, đọc lên bài thơ. Nhà sư gõ chuông, cốt để lời thơ thấm vào tiếng chuông. Mỗi

sau, ông bảo: “Thuở mẹ anh sống, thời cuối người đã chuyển sang âm rồi. Ngay khi cụ đi chợ thì cái bóng đã ngã vào cõi âm. Anh tìm không ra là phải. Người ta đang sống, nhưng đến lúc chuyển dần sang cõi âm, mà mình không biết. Chỉ người cùng tâm linh mới phát hiện ra điều đó. Anh thiêng. Chính Thích Ca thuở bé cũng có lần đi tìm mẹ như vậy”.

Gần đây, tôi ít ngủ. Đầu giường để một chao đèn. Gió từ hồ lay suốt đêm vào tàu chuối. Chừng ba giờ sáng, tôi dậy bật đèn lên. Mới đây, tôi nháp một bài. Chưa hoàn thiện:

Thú thực, mọi điều tôi xem thương

Chỉ có mẹ và con người là đáng trọng

Nhưng, trừ cả cái phần dương mẹ sống

Chỉ từ ngày mẹ biệt ra đi...

Còn em, thực ra chỉ là một sự thêm vào

Mong sao đừng khập khiễng...

Tôi thấy mẹ tôi về. Người ngồi rất lâu dưới nhà bếp có đặt một chiếc phản gỗ nhỏ. Dưới ấy cũng thắp hương cho mẹ. Hình như mẹ ngồi dưới đó mà đọc thâu bài thơ tôi viết ở trong màn. Hình như thuở mẹ còn sống, tôi viết “Mẹ chỉ là người nặn tượng”, hơi quá! Bây giờ tôi nâng phần mẹ, bớt phần em, có ý khôn ngoan muốn làm vui lòng người. Nhưng, chẳng hiểu sao mẹ không vui. Hình như bài thơ có gì đó chưa ổn. Tôi cũng thấy vậy và thú thực tôi không muốn đưa bài thơ loại này vào cuộc đời.

Mới đây tôi viết bài khác. Khi tôi đi qua nhà thờ, vài ba ngôi chùa, qua quảng trường và những hộp nhà dịch vụ. Cũng chẳng hiểu vì sao mà viết như thế. Tôi viết, một tứ rất ngắn:

Mọi giáo lý đều sai

Chỉ Đức Chúa

Thích Ca

và Tôi

là gần đúng

Khác bài trên, thú thực, tôi thấy viên mãn ở bài này. Nếu mẹ còn sống, hẳn về tôi sẽ khoe với mẹ ngay. Loại bài này chỉ còn biết nói với mẹ. Bài thơ lạ. Hẳn cũng vì mồ côi, tôi mới viết vậy. Dáng vẻ bài thơ hơi lạ. Nó đứng như một khối hộp nhỏ xinh, như vậy có nghĩa là gần với nắm mồ hoặc ngôi nhà bé tẹo ai mới xây lên trên mặt đất. Mỗi chữ là một viên đá, dù không phải là đá cẩm thạch hoặc hoa cương. Còn nội dung, Đức Chúa, Thích Ca từ đây là của mẹ. Dù mẹ về xứ trời hay xứ Cực lạc của Thiên. Tôi cũng là của mẹ. Suốt khi bài thơ ra đời, tôi nghe như có tiếng gọi. Và đêm đến, mẹ về. Mẹ đọc được bài thơ của mẹ. Mẹ mừng vì tôi vẫn sống, vẫn làm thơ. Lại còn làm được một bài thơ lạ. Tôi muốn đăng bài thơ đó trong tiếng gió khuya lay tàu chuối. Tôi nghe tiếng mẹ. Hình như mẹ đang nói về bài thơ đó. Mẹ hiểu con mẹ không hề hỗn láo với các đấng Chúa Trời, Thích Ca. Chữ Tôi là nhân danh những chúng sinh bình thường. Bình thường thì mới gần đúng. Tóc mẹ xõa ra. Hình như mẹ phù hơn. Rồi mẹ dặn: “Con chưa nên đăng bài thơ đó”.

Tôi ứa nước mắt. Vái mẹ lia lịa...

Phan Cung Việt

Mẹ tôi...và trần gian

Phản Kết

Ngắm trong cõi nhân gian này, cả hai mặt che chở hoặc thù hận trù úm thật là kinh khủng. Từ nhúm người ăn lương quanh đây đến bọn siêu cường bọn khủng bố. Từ kẻ bần hàn đến các đại nhân, thần thánh đều thế cả. Ưa thì bênh che cho lên tận mây xanh, ghét thì xoi mói bày đặt cho xuống địa ngục. Hôm mẹ tôi mất ở viện, nhập nhạng tối thì thấy thằng cháu tên là Bình hốt hoảng chạy ra cổng tìm tôi và nói: “Bà mất rồi, cậu biết chưa. Rõ khổ cậu. Bên bà cả tuần thì không sao, cậu vừa ra khỏi cổng viện là bà mất”. Tôi hiểu đó cũng là một sự bênh che. Đến khi thành ma rồi mà che chở bênh vực. Mẹ muốn tránh “việc buồn, khắc buồn” cho tôi.

Bố mẹ, người thân vào cũng vậy cả, không chịu chết trước mặt người mà mình thương nhất, cốt là để đỡ cho người ấy. Cũng là đỡ cái “vận đen” cho người ấy. Cả âm và dương.

Từ ngày mẹ tôi mất, tính ra tôi được gặp mẹ mấy lần. Trong giấc mơ thì không nói làm gì. Đáng kể là sau lần tôi được trực tiếp nói chuyện với người qua một cô gái xinh đẹp ở vùng núi Hàm Rồng, đem về một quán trọ mái lá bên sông Mã, tôi đang lơ mơ thì thấy mẹ tôi đứng trước giường tre tôi nằm và gõ cảnh cạch. Tôi đưa tay nắm lấy bàn tay khô gầy của mẹ thì mẹ biến mất. Đó là lần duy nhất tôi được gặp lại người, cao hơn cả sự thật.

Còn các lần tôi đều gặp mẹ hóa thân. Nơi tôi ở là một khu trường đại học phía sau còn nhiều nét hoang vắng. Dọc những bãi đất, bờ cây, ao rau muống... Đêm đến đầy đom đóm. Các buổi tối qua đây tôi cứ thấy từng đàn đom đóm bay theo mình, khi tôi cất lên tiếng gọi “Mẹ ơi”, thì đom đóm biến mất...

Hồi ở căn nhà cấp bốn ở khu đất Quân Ngựa, đêm nào về muộn tôi cũng thấy con chim đậu ngay trên nhánh cây trâm bầu nghiêng xuống trên vũng sân đầy rêu. Tôi bật đèn nó cũng không bay, đến lay vào nhánh cây cũng

không bay. Có lần lên chùa phía Hồ Tây hỏi, thì một sư thầy cho hay: “Mẹ anh đấy”. Sau hôm lên chùa trở về thì chẳng thấy con chim đâu nữa. Điều khiến tôi sửng sốt không dám trú ở đó nữa là từ đó, trên mảnh sân rêu nhà tôi đầy những chú sâu đủ màu rất lạ. Đêm đêm chú bò lổn nhồn, phát ra ánh sáng xanh đỏ kinh dị.

Hai năm lại đây thì lúc nào tôi cũng gặp một chú nhện nhỏ xíu giăng trước mặt. Thú thực tôi có thiện lòng nhưng không dám nói gì. Một lần tôi tìm đến một ngôi chùa xa ở mạn sông Đà thì được một nhà sư cho biết: “Mẹ anh đấy”. Tôi liền hỏi: “Có điều gì không ạ?”. Nhà sư bảo: “Bình tâm. Cõi dương gian nhện sa là điều xấu, nhưng âm thì ngược lại, nhất là với người như mẹ anh. Anh hãy nhắm mắt mà xem. Người đang hóa thân thành “Con nhện giăng mừng”, buông mừng mỗi ngày ru cho anh ngủ đấy!

Tôi vái lia lịa rồi khóc lên hu hu như tuổi ấu thơ..!

Viết và chữa, Phố Nguyễn - Xóm Mỏ

1996-2001

HẾT

Đánh máy : Tiểu Bồi Ngoan

Nguồn: NXB Hà Nội 2002

Được bạn: CT.LY đưa lên

vào ngày: 11 tháng 1 năm 2006